



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký Tòa soạn

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Tòa soạn
ĐT: (08) 37290248

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

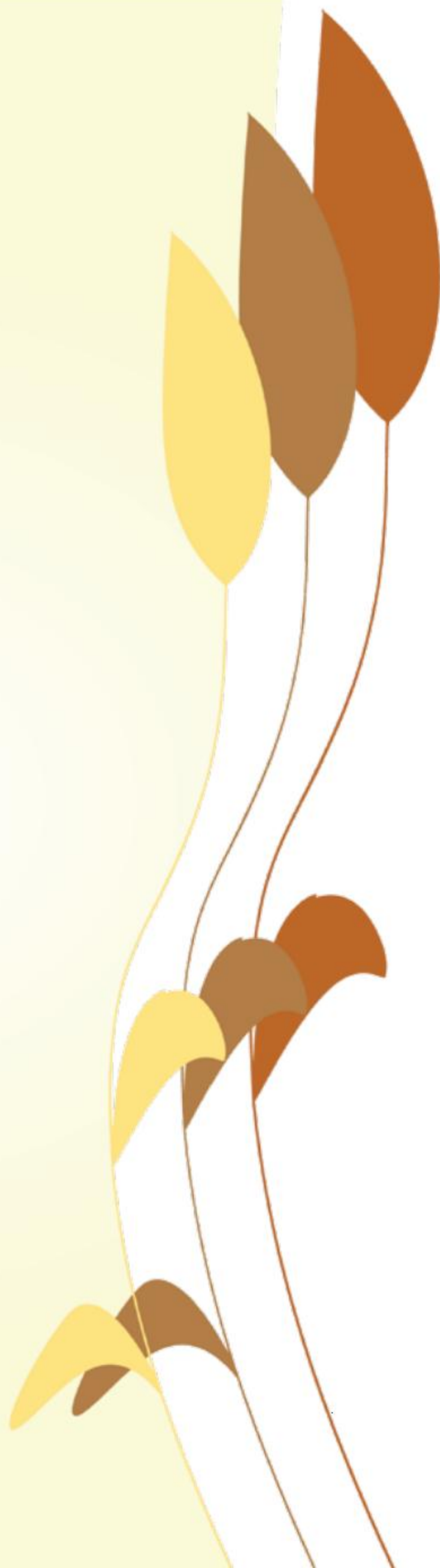
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Hoa mùa xuân



Trong số này

* Đi theo thời gian

1. TIÊU ĐIỂM

- Thư của Đại hội VII
- Nghị quyết
- Đạo tử của Đức Pháp chủ
- Hội đồng Chứng minh GHPGVN
- Niềm tin - HT. Viên Minh
- Những sự kiện PG năm 2012 - Bùi Hiền

2. KINH TẠNG

- Kinh Ví dụ con rắn - HT. Thích Minh Châu

3. LUẬT TẠNG

- Y chỉ sư - TK Siêu Minh

4. THIỀN HỌC

- Bí mật của Thiền định - Tk MT

5. LUẬN TẠNG

- Lộ trình sắc Pháp - TK. Pasādo

6. VĂN HÓA

- Tiêu sử đức Điều ngự Giác hoàng Trần Nhân Tông
- Câu chuyện về Môtip Rùa hu - Huỳnh Thanh Bình
- Minh văn bức tranh kim loại lớn - TS. Thái Văn Chải

7. ĐỐI THOẠI

- Tiến sĩ Trần Trọng Dương - Xuyên Sơn

8. SUY NGẪM

- Trái lòng tử bi - Hoa Lang

03

05

08

11

12

16

17

9. VĂN THƠ

- | | | |
|----|------------------------------------|----|
| 20 | - Có một cuộc sống - Mặc Phương Tử | 39 |
| | - Quán vô thường - Mặc Phương Tử | 41 |
| | - Dâng y chùa xa - Hạnh Ngọc | 41 |
| 22 | - Quay về - Hiền Khánh (Hoa Huệ) | 41 |
| | - Niệm tâm - sư Tuệ Nhẫn | 41 |

10. PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI THƯỜNG

- | | | |
|----|--|----|
| 24 | - Tà dâm thù phạm phá vỡ hạnh phúc - Bùi Hiền | 42 |
| | - Phật giáo nói gì về ngày tận thế năm 2012 - Bùi Hiền | 43 |
| 26 | - Sanh tử chỉ là giấc mộng đêm qua - ĐĐ Thiện Minh | 44 |

11. VĂN HỌC PĀLI

- | | | |
|----|--|----|
| 29 | - Phật giáo và nhà vua Asoka - Nguyễn Cửu Long | 47 |
|----|--|----|

12. CHÙA THÁP

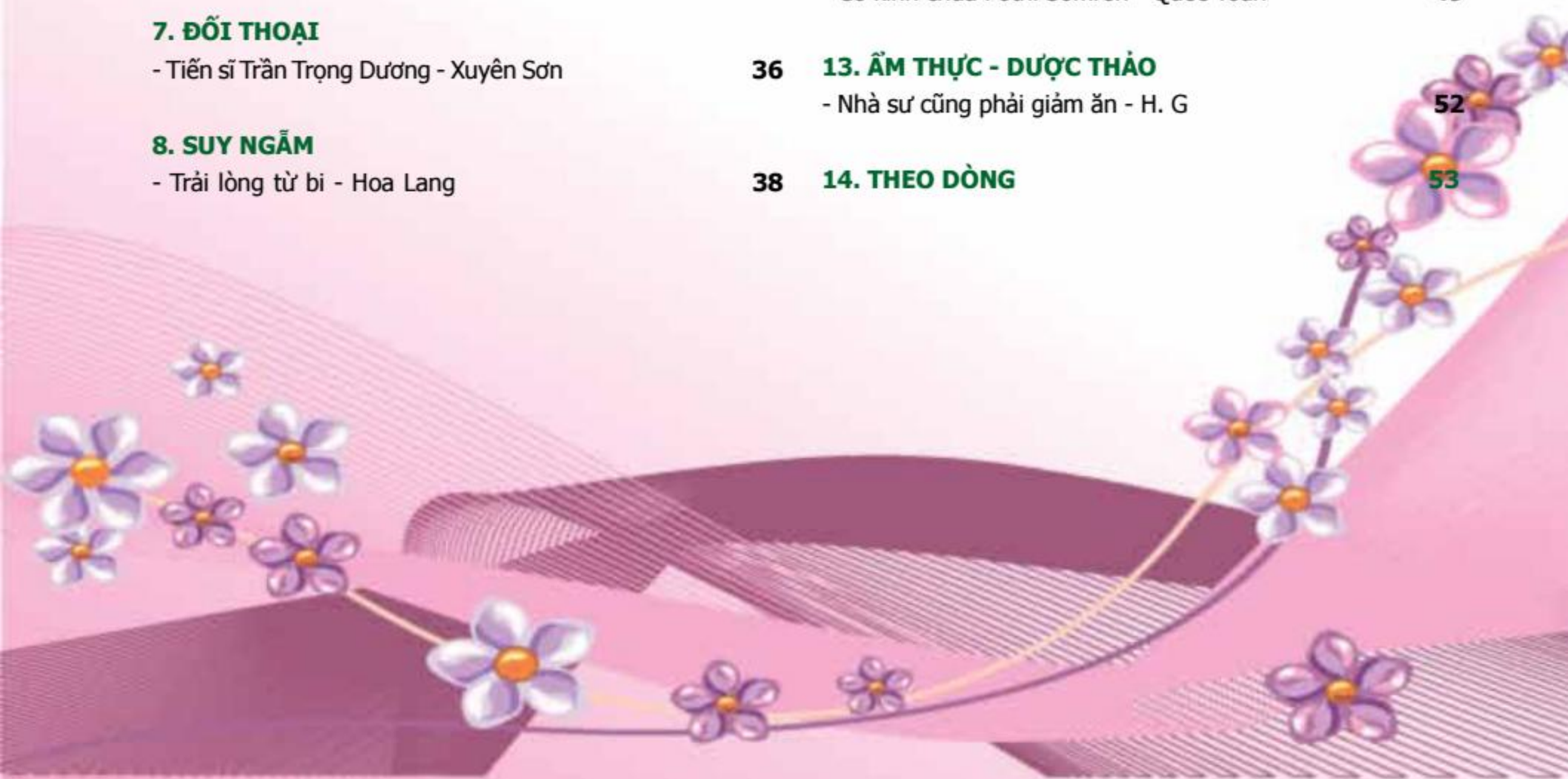
- | | | |
|----|---|----|
| 35 | - Cổ kính chùa Pôthi Somrôn - Quốc Toàn | 49 |
|----|---|----|

13. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

- | | | |
|----|-----------------------------------|----|
| 36 | - Nhà sư cũng phải giảm ăn - H. G | 52 |
|----|-----------------------------------|----|

14. THEO DÒNG

- | | | |
|----|--|----|
| 38 | | 53 |
|----|--|----|



Đi Theo Thời Gian

Thời gian trôi qua thật nhanh, mới đây sắp hết năm 2012. Một nhiệm kỳ VI của Giáo hội Phật giáo Việt Nam vừa khép lại, cả nước vừa mừng GHPGVN tổ chức thành công đại hội VII, Ban Thường trực GHPGVN và Ban Nhân sự đại hội VII đã sáng suốt chọn lựa nhân sự nòng cốt của Giáo hội, tiêu chuẩn Trưởng lão, Tuổi trẻ, học thức, uy tín, đạo đức để phục vụ Giáo hội. Kết quả cho thấy đã suy cử các vị trong Hội đồng Chứng minh GHPGVN và các vị trong Hội đồng Trị sự GHPGVN. Những vị này là đạo cao đức trọng, có tâm, có tầm, đại diện các hệ phái Phật giáo để điều hành lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong nhiệm kỳ VII tốt hơn. Điều đáng chú ý là Đại hội VII có sự tham dự của các nước Phật giáo trên thế giới như Tích Lan, Thái Lan, Lào, Campuchia v.v...

Nhiệm kỳ VI (2007-2012), GHPGVN đã phát triển không ngừng ở nhiều lĩnh vực như Văn hóa, Giáo dục, Từ thiện, Hoằng pháp v.v... Trong đó, có những sự kiện đáng quan tâm và đóng góp không nhỏ vì Đạo pháp và Dân tộc:

- Năm 2008, lần đầu tiên Phật giáo Việt Nam đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak Phật đản Liên Hiệp Quốc tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Mỹ Đình từ ngày 14-17/5/2008 có hơn 70 Quốc gia đến tham dự.

- Năm 2009, GHPGVN chỉ đạo Phân ban Đặc trách Nữ giới Trung ương tổ chức Hội nghị Nữ giới Phật giáo Thế giới lần thứ XI tại Việt Nam từ ngày 28 tháng 12 năm 2009 đến ngày 3 tháng 1 năm 2010 tại nhà Truyền thống Văn hóa Phật giáo TP. HCM, có khoảng 2500 đại biểu trong nước và 380 đại biểu quốc tế đến từ 37 quốc gia trên thế giới.

- Từ ngày 25 đến 27 tháng 11 năm 2008, tại Quảng trường Lễ hội núi Yên Tử (tỉnh Quảng Ninh) Ban Tôn giáo Chính phủ, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đồng tổ chức Đại lễ Tưởng niệm và Hội thảo Khoa học 700 năm ngày Đức vua - Phật Hoàng Trần Nhân Tông nhập Niết bàn. Trong buổi lễ, có 40.000 Tăng Ni, quan khách và đồng bào Phật tử tham dự. Trong buổi lễ, thống nhất chọn ngày 1 tháng 11 âm hằng năm làm lễ tưởng niệm Phật Hoàng Trần Nhân Tông.

- Từ ngày 27/7 đến 2/8/2010, tại khu Di tích Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội và một số nơi khác long trọng tổ chức Đại lễ Phật giáo 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

- Theo Công văn số 1171/ VPCP-NC ngày 13 tháng 10 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép Trung ương Giáo hội mở thí điểm khóa đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Phật học tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM, ngày 11 tháng 4 năm 2012, Hội

đồng Điều hành Học viện Phật giáo Việt Nam đã chính thức khai giảng khóa I (2012 - 2014) có 155 tăng ni sinh tham dự.

- Tuần lễ Văn hóa Phật giáo thành công tại các tỉnh Thừa Thiên Huế (2 lần), Khánh Hòa, Nghệ An. Trong tuần lễ Văn hóa đã diễn ra nhiều hoạt động phong phú, sôi nổi, và mang đậm chất Phật giáo như Hội thảo, triển lãm ảnh, ca nhạc.

- Theo công văn số 426 ngày 1 tháng 10 năm 2012, Trung ương GHPGVN công nhận chùa Đại Lộc là cơ sở Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Ấn Độ, chùa Đại Lộc do Đại đức Tiến sĩ Tường Quang xây dựng.

Đại hội VII (2012-2017) cho chúng ta thấy nhân sự được phân bổ đồng đều 3 miền Bắc, Trung, Nam, mỗi miền 60 vị còn lại dành riêng cho Phật giáo Nam Tông Khmer. Mỗi tỉnh thành, chúng ta thấy cơ cấu 2 vị tham gia Hội đồng Trị sự, những vị đó là Trưởng ban và Phó ban Thường trực Ban, ngành, Viện Trung ương nhiệm kỳ này đều có tối thiểu 1 thành viên tham gia Hội đồng Trị sự. Theo Hòa thượng Thích Thiện Nhơn - Phó Chủ tịch kiêm, Tổng Thư ký GHPGVN cho biết số lượng Ủy viên HĐTS nhiệm kỳ VII sẽ phân bổ ưu tiên các thành phần như sau: Nam Tông Khmer 31 vị, Nam Tông Kinh 11 vị, Khất Sĩ 15 vị, Phật giáo người Hoa 3 vị, Cư sĩ Phật tử 8 vị, Ni giới 16 vị. Đặc biệt, Nam Tông Khmer có 2 vị tham gia Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự là Hòa thượng Dương Nhơn và Hòa thượng Sóc Xan. Đặc biệt, Phật giáo Nam Tông Kinh, Hòa thượng Viên Minh được suy cử là thành viên Hội đồng Chứng minh Trung ương; Hòa thượng Thích Thiện Tâm được suy cử Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN, Thượng tọa Bửu Chánh được suy cử ủy viên Thường trực HĐTS; Hòa thượng Hộ Chánh, Thượng tọa Giác Trí, Thượng tọa Thiện Hạnh, Đại đức Thiện Minh được suy cử Ủy viên HĐTS; Thượng tọa Giác Sơn, Thượng tọa Minh Hạnh, Thượng tọa Pháp Cao được suy cử Ủy viên Dự khuyết HĐTS. Đồng thời, Đại hội VII, Phật giáo Nam Tông được phong Hòa thượng: HT. Hộ Chánh, HT. Tâm Hỷ, HT. Minh Giác; phong Thượng tọa: TT. Giác Trí, TT. Thiện Trí, TT. Thiện Hạnh, TT. Minh Hạnh, TT. Chánh Minh.

Tính ưu việt của GHPGVN là thống nhất các hệ phái. Đây là điều hy hữu mà các nước trên thế giới chúng ta chưa từng thấy. Phương châm hoạt động là Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội. GHPGVN được xây dựng trên nguyên tắc: "Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức; đồng thời vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chánh Pháp".

Đại hội VII đã tổ chức thành công trong dịp cuối năm 2012. Hy vọng năm mới 2013, Hội đồng Chứng Minh và Hội đồng Trị sự GHPGVN sẽ phát triển Phật giáo Việt Nam tốt đẹp nhiều hơn nữa để Tăng Ni và đồng bào Phật tử tu hành đúng theo chánh pháp, tốt đời, đẹp đạo.

BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ PHẬT GIÁO NGUYỄN THỦY



Thư của Đại hội VII - Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam gửi Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước

Kính gửi: Quý Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước

Kính thưa chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni và quý Phật tử ở trong nước cũng như ở nước ngoài,

Nhiệm kỳ VI Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã khép lại với nhiều thành quả to lớn đạt được, để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp trong lòng Tăng Ni, Phật tử toàn quốc và hải ngoại. Ngày 23, 24 tháng 11 năm 2012, Đại hội VII GHPGVN được tổ chức trọng thể tại Cung Văn hóa Hữu nghị, thủ đô Hà Nội, là một sự kiện đặc biệt quan trọng, là ngày đại hoan hỷ của tất cả những đệ tử Phật xuất gia cũng như tại gia, là bước ngoặt mang dấu ấn quan trọng để tất cả chúng ta cùng nhau viết tiếp trang sử vàng của Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo, thế kỷ của hội nhập, phát triển bền vững.

Để tiếp tục khẳng định Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức Giáo hội duy nhất đại diện cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, là tổ chức kế thừa một cách trọn vẹn 2.000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam, Đại hội đã tổng kết các mặt công tác Phật sự của Giáo hội trong nhiệm kỳ VI (2007-2012), thảo luận thông qua Chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VII (2012-2017). Đại hội đã suy tôn bổ sung 89 thành viên Hội đồng Chứng minh và Ban Thường trực; tái suy tôn Đại lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ ngôi vị Pháp chủ GHPGVN; theo tiêu chí: "Kế thừa - Ổn định - Phát triển", Đại hội nhất trí suy cử Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh tiếp tục đảm nhận cương vị Chủ tịch Hội đồng Trị sự, 199 thành viên Hội đồng Trị sự và Ban Thường trực; tấn phong 332 Hòa thượng, 322 Thượng tọa, 223 Ni trưởng, 474 Ni sư.

Trong tinh thần đoàn kết, hòa hợp, phát huy tính dân chủ và trí tuệ tập thể, tiếp tục khẳng định sự phát triển bền vững, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, vị thế và vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở trong nước và trên trường quốc tế, Đại hội đã nhận được nhiều bài tham luận, ý kiến đóng góp của đại biểu cho Chương trình hoạt động Phật sự của Giáo hội nhiệm kỳ VII.

Kính thưa quý liệt vị,

Thông qua Báo cáo tổng kết công tác Phật sự nhiệm kỳ VI của Giáo hội, chúng ta sẽ càng hoan hỷ và tự hào về các mặt công tác của Giáo hội đã được triển khai một cách đồng bộ, có chiều rộng lẫn chiều sâu, một sự phát triển bền vững, có tầm nhìn chiến lược vĩ mô, vi mô và thành tựu mỹ mãn, như: hệ thống tổ chức hành chánh của các cấp Giáo hội được kiện toàn; công tác Tăng sự, giáo dục được quan tâm đặc biệt; hoằng pháp, hướng dẫn Phật tử được đẩy mạnh và phát triển rộng khắp từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu vùng xa; từ thiện xã hội đã phát huy tính tích cực, đạt hiệu quả cao; sự hợp tác, giao lưu trong lĩnh vực quan hệ quốc tế được phát triển; nghiên cứu, phiên dịch, in ấn xuất bản đã góp phần vào việc nghiên cứu, học tập của Tăng Ni, Phật tử cùng nhiều công tác khác được các cấp Giáo hội quan tâm, tổ chức triển khai, thực hiện có kết quả tốt đẹp. Tất cả những thành quả đó đã chứng tỏ sức mạnh tổng lực của cả hệ thống Giáo hội, sự đồng tình, ủng hộ của các hệ phái thành viên, Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước, khẳng định vị trí, vai trò của GHPGVN trong mọi mặt đời sống của nhân dân và bạn bè trên thế giới. Tuy nhiên, theo quy luật khách quan, đã có thành tựu thì có tồn đọng, bước sang nhiệm kỳ VII, Giáo hội sẽ phát huy những thành tựu đạt được và khắc phục những công tác còn tồn đọng.

Đại hội đã thông qua Chương trình hoạt động nhiệm kỳ VII của Giáo hội, gồm 6 điểm:

1. Xây dựng, phát triển Giáo hội bằng nguyên tắc phát huy tinh thần đoàn kết, hòa hợp vì Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội.
2. Hoằng dương Chánh pháp, truyền bá đạo đức Phật giáo, góp phần xây dựng xã hội an vui, hạnh phúc, phù hợp với đạo đức, văn hóa, truyền thống dân tộc.
3. Giáo dục, đào tạo đội ngũ Tăng Ni trẻ có đạo hạnh, năng lực, trình độ; vững vàng trong quan điểm, thâm hiểu giáo pháp, có kiến thức chuyên sâu và chuyên môn cao, đáp ứng sự phát triển của Giáo hội trong mọi thời đại.
4. Mở rộng và đẩy mạnh việc nghiên cứu Phật học và học thuật Phật giáo.
5. Đẩy mạnh hoạt động của Ban Kinh tế Tài chánh, khuyến khích phát triển kinh tế tự túc, vận động gây quỹ cho các hoạt động của Trung ương Giáo hội và Tỉnh, Thành hội Phật giáo.
6. Phát huy tinh thần đoàn kết của Phật giáo Việt Nam đối với Phật giáo các nước trên thế giới, góp phần xây dựng hòa bình, ổn định nếp sống hiền thiện ở mọi nơi. Chú trọng mối quan hệ của Giáo hội đối với Tăng Ni, Phật tử người Việt ở nước ngoài.

Công tác Phật sự được trình bày trong chương trình hoạt động 5 năm tới của Giáo hội, chính là cương lĩnh phát triển của các cấp Giáo hội trong xu thế đổi mới, hội nhập thế giới hiện nay của đất nước và Giáo hội. Qua đây, các cấp Giáo hội sẽ nỗ lực làm cho Giáo hội không ngừng phát triển bền vững trong tất cả các lĩnh vực; tích cực góp phần vào mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh, giữ gìn và phát huy văn hóa Phật giáo và của dân tộc.

Kính thưa quý liệt vị,

Lời dạy của Đức Phật về hành động trong đời sống cho tứ chúng đệ tử đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Do đó, những việc gì khi làm đem lại lợi ích cho Đạo pháp, lợi ích cho Dân tộc, chúng ta phải làm và làm hết khả năng của mình và ngược lại thì chúng ta không làm. Đạo Phật là đạo của hòa bình, an lạc, chúng ta hãy bằng những việc làm cụ thể để đem lại hòa bình, an lạc cho Tổ quốc và nhân loại.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam kêu gọi toàn thể quý tôn đức Tăng Ni, Phật tử ở trong nước hay ở nước ngoài, luôn luôn nêu cao truyền thống “Kính Phật - Phụng đạo - Yêu nước”, hướng về Tổ quốc, hướng đến Đạo pháp để cùng chung lo sự nghiệp đạo thịnh, nước hưng; áp dụng lời Phật dạy trong đời sống thường nhật để xây dựng và phát triển Giáo hội ngày càng trang nghiêm, vững mạnh trong lòng dân tộc. Vì lợi ích của số đông mà tích cực làm việc, tham gia công tác Phật sự của các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ Trung ương đến địa phương.

Giáo hội tin tưởng mỗi Tăng Ni, Phật tử luôn luôn nêu cao trách nhiệm và bốn phận của đệ tử Phật, của công dân Việt Nam để làm cho đất nước và Giáo hội không ngừng phát triển bền vững, bảo tồn, phát huy văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc.

Giáo hội mong mỗi Tăng Ni, Phật tử hãy tận dụng thời gian có được để thực hiện các Phật sự, lý tưởng và hoài bão về một cuộc sống hiền thiện, đạo đức, an lạc ở khắp mọi nơi, trong đó có quốc độ quê hương Việt Nam thân yêu của chúng ta. Giáo hội tin tưởng rằng, chúng ta sẽ cùng với toàn nhân loại xây dựng một thế giới của đạo đức, tình thương, tự do, dân chủ, công bằng và sự thật, một cõi Niết-bàn tại thế gian này.

Ngưỡng cầu Tam bảo hộ trì cho hết thầy chúng sinh, cho đất nước Việt Nam, cho Giáo hội và cho toàn thể quý tôn đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước đầy đủ thẳng duyên, đầy đủ nghị lực, đầy đủ sự gia trì để hoàn thành trách nhiệm và bốn phận của người đệ tử Phật, của người công dân Việt Nam, của một thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

TM. Đoàn Chủ tịch Đại hội

Chủ tịch

(đã ký)

Hòa thượng Thích Trí Tịnh

NGHỊ QUYẾT

Đại Hội Đại Biểu Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam

Lần Thứ VII - Nhiệm Kỳ 2012 – 2017

Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII (2012 - 2017) Giáo hội Phật giáo Việt Nam, được tổ chức chính thức trong ba ngày 22, 23, 24 tháng 11 năm 2012 tại Cung Văn hóa Lao Động Hữu Nghị Việt Xô, Thủ đô Hà Nội đã làm việc trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết, dân chủ, khẩn trương, nghiêm túc, ý thức trách nhiệm cao.

Đại hội đặt dưới sự chứng minh tối cao của Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ - Pháp Chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chư vị Hòa thượng Phó Pháp chủ, thành viên Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh; chư vị Hòa thượng Phó Chủ tịch Thường trực và Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự; chư Tôn đức Tăng Ni, quý Cư sĩ thành viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự và các Ủy viên Hội đồng Trị sự. Đại hội quy tụ 990 Đại biểu chính thức đến từ 58 Tỉnh, Thành hội Phật giáo trong cả nước.

Đại hội vinh dự đón tiếp cụ Nguyễn Xuân Phúc – Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ; Bà Hà Thị Khiết – Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận Trung ương; cụ Huỳnh Đảm – Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cụ Phạm Dũng – Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ; Quý vị khách quý đại diện cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Bộ ngành Trung ương, TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Tỉnh, Thành trong cả nước; Quý vị đại diện Sứ quán, Đoàn ngoại giao các nước; các vị Tăng Ni, Phật tử thân hữu và kiều bào tại Lào, Campuchia, Pháp, Đức, Cộng hòa Czech, Ucraina, Ba Lan, Hungary, Nga và tổ chức Tôn giáo bạn. Đặc biệt, Đại hội vinh dự đón tiếp Hòa thượng Tép Vong – Tăng thống Phật giáo Vương quốc Campuchia; Hòa thượng Chủ tịch Liên minh Phật giáo Lào và phái đoàn Phật giáo các nước Thái Lan, Sri Lanka, Myanmar và Nhật Bản.

Sau 03 ngày làm việc nghiêm túc, dân chủ, hòa hợp, đoàn kết; thảo luận thông qua Báo cáo tổng kết công tác Phật sự nhiệm kỳ VI (2007 – 2012), chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VII (2012 – 2017); suy tôn bổ sung Hội đồng Chứng minh và Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, do Đức Đệ tam Pháp chủ Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ làm Pháp chủ; suy cử Hội đồng Trị sự và Ban Thường trực, do Trưởng lão Hòa

thượng Thích Trí Tịnh được Đại hội tiếp tục cung thỉnh làm Chủ tịch Hội đồng Trị sự; thông qua danh sách tấn phong Giáo phẩm; thông qua dự thảo tu chỉnh Hiến chương lần thứ V. Đại hội xin ghi nhận lời phát biểu chào mừng của Cụ Nguyễn Xuân Phúc – Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ; cụ Huỳnh Đảm - Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; thụ lĩnh đạo từ khuyến hóa của Đức Pháp chủ GHPGVN và các ý kiến phát biểu, tham luận góp ý xây dựng của quý Đại biểu. Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam lần thứ VII nhất trí quyết nghị:

1. Nhất trí thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VI (2007 - 2012).
2. Nhất trí thông qua Chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VII (2012 - 2017) và chủ đề của Đại hội "Kế thừa - Ổn định – Phát triển".
3. Đại hội trân trọng ghi nhận lời phát biểu chân tình và chào mừng Đại hội của đại diện Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
4. Đại hội nhất tâm suy tôn bổ sung 89 thành viên Hội đồng Chứng minh và Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh; tái suy tôn Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ ngôi vị Pháp chủ GHPGVN.
5. Đại hội nhất tâm tái cung thỉnh Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh tiếp tục đảm nhiệm Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng 199 thành viên Hội đồng Trị sự, 61 Ủy viên Ban Thường trực và 66 Ủy viên dự khuyết Hội đồng Trị sự (danh sách đính kèm).
6. Thống nhất thông qua dự thảo tu chỉnh Hiến chương GHPGVN gồm 13 chương, 71 điều. Giao Ban Thường trực Hội đồng Trị sự nhiệm kỳ VII tiến hành các thủ tục trình Chính phủ phê chuẩn và ban hành.
7. Thông qua danh sách tấn phong Tăng Ni lên hàng giáo phẩm, gồm 332 Hòa thượng, 322 Thượng tọa, 223 Ni trưởng và 473 Ni sư (danh sách đính kèm).
8. Ghi nhận đề nghị của Ban, Viện Trung Giáo hội, Ban Trị sự Tỉnh, Thành hội Phật giáo, đại diện Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở nước ngoài đã trình bày qua các ý kiến phát biểu, tham luận tại Đại hội.
9. Đại hội ghi nhận tất cả ý kiến phát biểu, tham luận của Đại biểu trình bày trước Đại hội hoặc đã gửi đến Đại hội.
10. Đại hội nhất trí thông qua Thư gửi Chủ tịch nước, thư gửi Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. Thông qua Đại hội, Trung ương Giáo hội bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ ngành Trung ương, TP. Hà Nội đã tạo điều kiện thuận lợi cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII thành

công tốt đẹp.

11. Sau Đại hội Kỳ VII, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự nhiệm kỳ VI tiếp tục điều hành Phật sự, đến khi các cơ quan Nhà nước chuẩn y nhân sự, Hiến chương Giáo hội tu chỉnh lần thứ V, Chủ tịch Hội đồng Trị sự ký Quyết định ban hành và triển khai thực hiện cho nhiệm kỳ VII (2012 - 2017).

12. Các Ban, Viện Trung ương nhiệm kỳ VI tiếp tục điều hành Phật sự, chuẩn bị nhân sự cơ cấu vào Ban, Viện nhiệm kỳ mới, tu chỉnh Nội quy nhiệm kỳ VII, trình Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự trong phiên họp 6 tháng đầu năm 2013 để được thông qua và triển khai thực hiện cho nhiệm kỳ VII (2012 - 2017).

13. Giao Ban Thư ký Hội đồng Trị sự nhiệm kỳ VII tổng hợp tất cả ý kiến phát biểu, tham luận của các Đại biểu, Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự Tỉnh, Thành hội Phật giáo, đại diện Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở hải ngoại để bổ sung vào chương trình hoạt động Phật sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VII theo điều kiện khả thi của Giáo hội và Pháp luật Nhà nước.

14. Đại hội nguyện y giáo phụng hành lời đạo từ của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam khuyến giáo Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

15. Đại hội kêu gọi Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước cũng như ở nước ngoài tinh tiến thực hành lời Phật dạy, chung sức chung lòng xây dựng Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển bền vững trên tất cả lĩnh vực, tất cả việc làm đều vì lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo tồn và phát huy văn hóa Phật giáo và dân tộc.

Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII bế mạc vào lúc 16 giờ 55 phút ngày 24 tháng 11 năm 2012 trong tinh thần đại hoan hỷ, đoàn kết, trí huệ và quyết tâm trang nghiêm Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

TM. Đoàn Thư ký Đại hội
(đã ký)

Hòa thượng THÍCH THIÊN NHƠN

TM. Chủ tọa đoàn
Chủ tọa
(đã ký)

Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH



ĐẠO TỬ CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính bạch chư tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng ni,

Kính thưa quý vị Đại biểu khách quý, quý vị Phật tử, trong và ngoài nước,

Thưa toàn thể Đại hội!

Bậc cổ đức có dạy rằng: Phật Pháp lấy kỳ túc làm trang nghiêm. Tôi năm nay đã gần 100 tuổi, then vì mình tài đức không đủ, nhưng lại được Tăng sai vào ngôi vị trọng trách của Giáo hội. Đây là một vinh dự, song cũng là một trách nhiệm lớn lao. Tôi thành kính tri ân công đức chư tôn thiền đức tăng ni và toàn thể Đại hội đã một lần nữa đặt niềm tin và giao phó trọng trách cho tôi cùng với chư tôn thiền đức hoằng dương chính pháp, thiền dương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tại Đại hội này, tôi có lời tán thán khen ngợi công đức tu hành, công đức giữ gìn giới hạnh, và công đức hoằng hóa phục vụ chúng sinh đồng hành cùng dân tộc, ích Đạo lợi đời của quý Hòa thượng, Thượng tọa, Tăng Ni trong Giáo hội và tín đồ Phật tử Việt Nam ở trong và ngoài nước.

Kính thưa toàn thể Đại hội!

Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII có ý nghĩa hết sức quan trọng không chỉ đối với Tăng ni, Phật tử chúng ta mà còn có ý nghĩa đối với cộng đồng xã hội người Việt Nam ở trong nước và ở ngoài nước. Bởi Đại hội kỳ này là Đại hội nối tiếp chặng đường sau 30 năm thống nhất Phật giáo thành lập nên Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Qua 6 nhiệm kỳ, chúng ta có đủ thời gian để đánh giá một cách khách quan về những kết quả, thành tựu, cũng như thấy được những hạn chế, tồn tại của chặng đường đã qua. Điều này đã được thể hiện trong các văn kiện trình tại Đại hội. Song, Tôi chỉ nhấn mạnh một điều với quý vị Tăng ni, Phật tử là mọi sự thịnh suy, tốt xấu đều phụ thuộc ở chính chúng ta. Cho nên Tăng ni, Phật tử phải tự thân để làm tốt mọi Phật sự của mình thật đúng nghĩa, không ngại biện với tinh thần tùy duyên nhưng bất biến, bất biến tùy duyên. Có làm được như vậy mới xứng đáng với lịch đại tổ sư và các bậc tiền bối đã hy sinh cả đời mình vì Đạo Pháp, vì dân tộc!

Hôm nay, trước sự hiện diện đông đủ lãnh đạo các cấp giáo hội tại hội trường này, Tôi xin nhắc lại lời dạy của Đức Từ Phụ để chúng ta làm kim chỉ nam cho các hoạt động Phật sự trong nhiệm kỳ tới:

“Này các tỷ kheu, khi nào chúng tỷ kheu tụ họp trong niềm đoàn kết, giải tán trong niềm đoàn kết và làm việc Tăng sự trong niềm đoàn kết, thời này các tỷ kheu, chúng tỷ kheu sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.

Này các tỷ kheu, khi nào chúng tỷ kheu có tín tâm, có tà, có quý, có nghe nhiều, có tinh tiến, có chính niệm, có trí tuệ, thời này các tỷ kheu, chúng tỷ kheu sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm.

“Này các tỷ kheu, khi nào các vị tỷ kheu sống với bạn đồng tu tại chỗ đông người và vắng người, trong sự thụ trì giới luật đúng với sa môn hạnh, những giới luật không bị gãy vụn, không bị sút mẻ, không bị tỳ vết, không bị uế trước, những giới luật đưa đến giải thoát, được người có trí tán thán, không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới luật hướng đến định tâm, thời nay các tỷ kheu, chúng tỷ kheu sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.

Đức Từ Phụ đã dạy chúng ta như vậy, cho nên, Tôi mong rằng Quý liệt vị hãy vì sự xương minh của đạo pháp, vì sự hưng thịnh của dân tộc mà khắc cốt ghi tâm để mỗi Phật sự của Giáo hội chúng ta đều thành tựu được những kết quả tốt đẹp, để Phật giáo chúng ta có vị thế xứng đáng trong lòng dân tộc, cùng với Phật giáo đồ trên toàn thế giới đoàn kết, hòa hợp góp phần vào sự nghiệp hoằng dương Phật Pháp, bảo vệ hòa bình đem lại hạnh phúc đích thực cho nhân loại.

Nam mô giáo chủ Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh!.



Suy tôn Đức Pháp chủ

Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ 2012-2017 vừa diễn ra thành công tại Hà Nội. Tạp chí PGNT đăng Ban Thường trực HĐCM, HĐTS và danh sách thành viên HĐTS.

BAN THƯỜNG TRỰC HĐCM

Pháp chủ: HT. Thích Phổ Tuệ

Phó Pháp chủ kiêm Giám luật: HT. Thích Trí Tịnh (TP.HCM)

Phó Pháp chủ kiêm Chánh Thư ký: HT. Thích Thanh Sam (Bắc Ninh)

Phó Pháp chủ kiêm Giám luật: HT. Thích Thanh Bích (Hà Nội), HT. Danh Như (Kiên Giang), HT. Thích Giác Như (Cần Thơ)

Phó Pháp chủ: HT. Dương Nhon (Sóc Trăng),

HT. Thích Hiền Pháp (TP. HCM), HT. Thích Đức Nghiệp (TP. HCM), HT. Thích Thiện Bình (Khánh Hòa), HT. Thích Đức Phương (Thừa Thiên Huế)

Phó Thư ký: HT. Thích Thanh Dũng (Bắc Giang), HT. Thích Hiền Tu (TP. HCM)

Ủy viên Thường trực: HT. Thích Thanh Đàm (Ninh Bình), HT. Thích Thanh Dục (Thái Bình), HT. Thích Viên Minh (Đà Nẵng), HT. Thích Thiện Nhơn (Bình Định), HT. Thích Viên Giác, HT. Thích Giác

Tường (TP.HCM), HT. Thích Đạt Đồng (Long An), HT. Kim Sa Rin (Vĩnh Long), HT. Sơn Khune (Trà Vinh), HT. Châu Ty (An Giang), HT. Thích Giác Dũng (Đắk Lắk)

Thành viên: HT. Thích Minh Nhuận, HT. Thích Từ Nhơn, HT. Thích Tắc An, HT. Thích Giác Phúc, HT. Thích Viên Minh, HT. Thích Giác Lai, HT. Thích Từ Hiệp, HT. Thích Thiện Chơn (Q.8) (TP. Hồ Chí Minh); HT. Thích Phước Thành, HT. Thích Mật Hạnh (Bình Định); HT. Thích Thanh Từ, HT. Thích Tánh Hải, HT. Thích Giác Ngộ (Lâm Đồng); HT. Thích Diệu Tâm, HT. Thích Minh Chánh, HT. Thích Quang Đạo (Đồng Nai); HT. Thích Chí Tín, HT. Thích Trí Tâm, HT. Thích Như Ý (Khánh Hòa); HT. Thích Chơn Ngộ, HT. Thích Thiện Duyên, HT. Thích Chơn Phát, Thích Giác Trạng (Quảng Nam); HT. Thích Đạt Pháp, HT. Thích Thiện Thanh (Long An); HT. Thích Đồng Quang (Gia Lai); HT. Thích Tịnh Trí (Bình Thuận); HT. Thích Giác Thuận, HT. Dương Dal (Sóc Trăng);

HT. Thích Minh Tâm, HT. Thích Nhật Tân (Nam Định); HT. Thích Thiện Tâm, HT. Thích Thiện Hiệp, HT. Thích Thiện An (Đồng Tháp); HT. Thích Quảng Mẫn (Hải Phòng); HT. Thích Minh Tuấn, HT. Thích Như Thọ (Đà Nẵng); HT. Thích Giác Đức, HT. Thích Huệ Thành (Bến Tre); HT. Diệp Thương, HT. Sơn Tơn, HT. Sơn Pen, HT. Thạch Hu, HT. Thích Thiện Thông (Trà Vinh); HT. Thích Thiện Trinh, HT. Châu Tinh, HT. Thích Thiện Thuận, HT. Châu Sùng, HT. Thích Thiện Minh (An Giang); HT. Danh Pol, HT. Lý Liêu (Kiên Giang); HT. Thích Huệ Thông, HT. Thích Tâm Từ (Bình Dương); HT. Thích Bửu Thông (Tiền Giang); HT. Thích Nhuận Thanh (Bình Phước); HT. Thích Trí Hải (Quảng Trị); HT. Thích Đồng Tâm (Ninh Thuận); HT. Thích Tịnh Khai (Tây Ninh); HT. Thích Trí Tịnh, HT. Thích Giác Cầu (Bà Rịa-Vũng Tàu); HT. Thích Từ Hương (Gia Lai); HT. Thích Tâm Thủy (Phú Yên); HT. Thích Huệ Ấn (Thừa Thiên Huế); HT. Lý Sân (Cần Thơ); HT. Thích Quảng Lợi (Hà Nội).

BAN THƯỜNG TRỰC HĐTS

HT. Thích Trí Tịnh - Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Tăng sự Trung ương

HT. Thích Từ Nhơn - Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tăng sự Trung ương; **HT. Thích Chơn Thiện** - Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS, Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế; **HT. Thích Thanh Nhiễu** - Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS, Phó Trưởng ban Tăng sự Trung ương; **HT. Thích Trí Quảng** - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Phật giáo Quốc tế, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM; **HT. Dương Nhơn** - Phó Chủ tịch HĐTS; **HT. Thích Giác Toàn** - Phó Chủ tịch HĐTS, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương (phía Nam); **HT. Thích Thiện Tâm** - Phó Chủ tịch HĐTS; **HT. Thích Thiện Duyên** - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương; **HT. Thạch Sok Xane** - Phó Chủ tịch HĐTS, **HT. Thích Bảo Nghiêm** - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương; **HT. Thích Gia Quang** - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Thông tin Truyền thông; **HT. Thích Quảng Tùng** - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Từ thiện xã hội Trung ương; **HT. Thích Thiện Nhơn** - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS; **HT. Thích Thiện Pháp** - Phó Tổng Thư ký, Chánh Văn phòng II, Phó ban Tăng sự Trung ương; **ĐĐ. Thích Đức Thiện** - Phó Tổng Thư ký, Chánh Văn phòng I; **HT. Đào Như** - Ủy viên Thư ký; **HT. Thích Thanh Duệ** - Ủy viên Thư ký, Viện trưởng Phân viện NCPHVN - Hà Nội; **TT.**

Thích Thiện Thông - Ủy viên Thư ký; **ĐĐ. Thích Minh Tiến** - Ủy viên Thư ký; **Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn** - Ủy viên Thư ký, Phó Trưởng ban Thông tin Truyền thông; **TT. Thích Thanh Huân** - Ủy viên Thủ quỹ; **TT. Thích Thanh Quyết** - Ủy viên Thường trực, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương (phía Bắc); **HT. Thích Trung Hậu** - Trưởng ban Văn hóa Trung ương; **HT. Thích Trí Tâm** - Trưởng ban Nghi lễ Trung ương; **HT. Thích Thanh Nhã** - Ủy viên Thường trực, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Nghi lễ Trung ương (phía Bắc); **TT. Thích Thanh Phong** - Trưởng ban Kinh tế Tài chánh Trung ương; **HT. Thích Huệ Trí** - Trưởng ban Pháp chế; **TT. Thích Tiến Đạt** - Ủy viên Thường trực, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Pháp chế; **HT. Thích Thiện Tánh** - Trưởng ban Kiểm soát; **HT. Thích Giác Quang** - Ủy viên Thường trực, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Kiểm soát; **TT. Thích Quảng Hà** - Ủy viên Thường trực, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Kiểm soát; **TT. Thích Thanh Điện** - Ủy viên Thường trực, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương (Phía Bắc); **TT. Thích Thanh Đạt** - Ủy viên Thường trực, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội; **HT. Thích Như Niệm** - Ủy viên Thường trực, Phó Trưởng ban Từ thiện xã hội Trung ương; **TT. Thích Thọ Lạc** - Ủy viên Thường trực, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Văn hóa Trung ương (phía Bắc); **HT. Thích Giác Giới** - Ủy viên Thường trực; **HT. Thích Quảng Xả** - Ủy viên Thường trực; **HT. Thích Thiện Sanh** - Ủy viên Thường trực; **HT. Thích Khế Chơn** - Ủy

viên Thường trực; **HT. Thích Đức Thanh** - Ủy viên Thường trực; **HT. Thích Hải Ấn** - Ủy viên Thường trực; **HT. Thích Đạt Đạo** - Ủy viên Thường trực; **HT. Thích Huệ Minh** - Ủy viên Thường trực; **TT. Thích Thanh Chính** - Ủy viên Thường trực; **TT. Thích Thanh Phúc** - Ủy viên Thường trực; **TT. Thích Tấn Đạt** - Ủy viên Thường trực; **TT. Thích Huệ Thông** - Ủy viên Thường trực; **HT. Danh Đồng** - Ủy viên Thường trực; **TT. Danh Lung** - Ủy viên Thường trực; **TT. Thích Minh Thành** - Ủy viên Thường trực; **TT. Thích Tâm Đức** (TP. HCM) - Ủy

viên Thường trực; **HT. Thích Thiện Nguyên** - Ủy viên Thường trực; **TT. Thích Truyền Cường** - Ủy viên Thường trực; **TT. Thích Bửu Chánh** - Ủy viên Thường trực; **ĐĐ. Thích Phước Nguyên** - Ủy viên Thường trực; **NT. TN Ngoạt Liên** - Ủy viên Thường trực; **NT. TN Tịnh Nguyên** - Ủy viên Thường trực; **NS. TN Huệ Từ** - Ủy viên Thường trực; **GS.TS Lê Mạnh Thát** - Ủy viên Thường trực; **Cư sĩ Phạm Nhật Vũ** - Ủy viên Thường trực, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Thông tin Truyền thông.

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GHPGVN NHIỆM KỲ VII (2012 - 2017)

HT. Thích Trí Tịnh (TP. HCM), HT. Thích Từ Nhơn (TP. HCM), HT. Dương Nhơn (Sóc Trăng), HT. Thích Trí Quảng (TP. HCM), HT. Thích Từ Thông (TP. HCM), HT. Thích Thiện Duyên (Quảng Nam), HT. Thích Chơn Thiện (Thừa Thiên Huế), HT. Thích Thiện Nhơn (Bình Định), HT. Thích Như Niệm (TP. HCM), HT. Thích Đắc Pháp (Vĩnh Long), HT. Thích Tâm Thủy (Phú Yên), HT. Thích Pháp Chiếu (Lâm Đồng), HT. Thích Chơn Thành (Bình Thuận), HT. Thích Giác Toàn (TP. HCM), HT. Thích Thiện Nhơn (TP. HCM), HT. Thích Giác Quang (Thừa Thiên Huế), HT. Thích Đức Thanh (Thừa Thiên Huế), HT. Thích Thông Nghiêm (Tây Ninh), HT. Thích Nhứt Huệ (Trà Vinh), HT. Thích Thiện Sanh (Sóc Trăng), HT. Thích Thiện Pháp (TP. HCM), HT. Thích Thiện Tâm (TP. HCM), HT. Thích Thiện Tánh (TP. HCM), HT. Đào Như (Tp. Cần Thơ), HT. Thạch Sok Xane (Trà Vinh), HT. Thích Huệ Tài (An Giang), HT. Thích Minh Chánh (Đồng Nai), HT. Lý Sa Muoth (Bạc Liêu), HT. Thích Tịnh Hạnh (TP. HCM), HT. Thạch On (Trà Vinh), HT. Tăng Nô (Sóc Trăng), HT. Thạch Huôn (Sóc Trăng), HT. Thích Giác Giới (Vĩnh Long), HT. Thích Nhật Quang (TP. HCM), HT. Thích Trung Hậu (TP. HCM), HT. Lâm Pậu (Trà Vinh), HT. Thích Thiện Huệ (Đồng Tháp), HT. Thích Huyền Thông (Kiên Giang), HT. Thích Phước Đường (Cộng hòa Pháp), HT. Thạch Sên (Trà Vinh), HT. Thích Nguyên Phước (Bình Định), HT. Thích Thiện Tấn (Quảng Trị), HT. Thích Thanh Nhiễu (TP. Hà Nội), HT. Thích Thanh Duệ (TP. Hà Nội), HT. Thích Gia Quang (TP. Hà Nội), HT. Thích Hạnh Lạc (Quảng Ngãi), HT. Thích Nhuận Thanh (Bình Phước), HT. Thích Huệ Minh (Tiền Giang), HT. Thích Nhứt Tấn (Bến Tre), HT. Thích Huệ Trí (TP. HCM), HT. Thích Quảng Tùng (TP. Hải Phòng), HT. Thích Bảo Nghiêm (TP. Hà Nội), TT. Thích Thanh Điện (TP. Hà Nội), HT. Thích Đạt Đạo (TP. HCM), HT. Thích Thiện Đức (TP. HCM), HT. Thích Hạnh Nghiêm (Nam Định), HT. Danh Đồng (Kiên Giang), HT. Danh Lâm (Kiên Giang), HT. Diệp Tươi (Trà Vinh), HT. Chau

Sơn Hy (An Giang), HT. Danh Thiệp (An Giang), HT. Thích Khế Chơn (Thừa Thiên Huế), HT. Thích Hải Ấn (Thừa Thiên Huế), TT. Thích Thiện Thống (An Giang), HT. Thạch Hà (Cà Mau), TT. Thích Minh Thiện (Long An), HT. Thích Huệ Đức (Hậu Giang), TT. Sơn Ngọc Huỳnh (Vĩnh Long), HT. Thích Thanh Nhã (TP. Hà Nội), HT. Thích Thiện Nguyên (TP. Đà Nẵng), TT. Thích Trí Thắng (Quảng Ngãi), TT. Thích Huệ Thông (Bình Dương), TT. Thích Huệ Hiền (Đồng Nai), HT. Thích Huệ Trường (TP. Cần Thơ), HT. Thích Thiện Bảo (TP. HCM), TT. Thích Bửu Chánh (Đồng Nai), TT. Thích Tâm Đức (TP. HCM), TT. Thích Tấn Đạt (TP. HCM), TT. Thích Châu Quang (Đaklak), HT. Thích Quảng Xả (Kontum), HT. Thích Nguyên Chơn (Bình Định), TT. Thích Thanh Phúc (TP. Hà Nội), TT. Thích Thanh Đạt (Tp. Hà Nội), TT. Thích Thanh Giác (TP. Hải Phòng), TT. Thích Thanh Hiện (Hưng Yên), TT. Thích Thanh Quyết (Quảng Ninh), TT. Thích Thanh Phụng (Bắc Ninh), TT. Danh Lung (TP. HCM), TT. Thích Quảng Hà (Nam Định), TT. Thích Thanh Chính (TP. Hà Nội), TT. Thích Tiến Đạt (Tp. Hà Nội), ĐĐ. Thích Minh Tiến (TP. Hà Nội), ĐĐ. Thích Đức Thiện (TP. Hà Nội), ĐĐ. Thích Tâm Đức (Thanh Hóa), TT. Thích Thanh Vân (Hải Dương), ĐĐ. Thích Nguyên Thành (Thái Nguyên), ĐĐ. Thích Minh Nghiêm (Phú Thọ), ĐĐ. Thích Quảng Truyền (Lạng Sơn), TT. Thích Quảng Tuấn (Đak Nông), TT. Thích Thanh Phong (TP. HCM), NT TN. Ngoạt Liên (TP. HCM) NT TN. Đàm Hào (TP. Hà Nội), NT TN. Tràng Liên (TP. HCM), NT TN. Như Ngọc (TP. HCM), NS TN. Huệ Từ (TP. HCM), NS TN. Đàm Khoa (TP. Hà Nội), CS. Tống Hồ Cầm (TP. HCM), CS. Trần Tuấn Mẫn (TP. HCM), GS. Lê Mạnh Thát (TP. HCM), CS. Lương Gia Tĩnh (TP. Hà Nội), CS. Nguyễn Thắng Nhu (Thừa Thiên Huế), HT. Thích Chí Đạo (Quảng Nam), HT. Thích Huệ Minh (TP. HCM), HT. Chau Cắt (An Giang), HT. Thích Minh Thông (TP. HCM), HT. Thích Như Tước (Vĩnh Long), HT. Thích Toàn Đức (Lâm Đồng), HT. Danh Nhuôn (Kiên Giang), HT.

Thích Thiện Trí (TP. HCM), HT. Thích Từ Tánh (TP. Đà Nẵng), HT. Thích Hạnh Niệm (Quảng Nam), HT. Thích Giác Liêm (TP. HCM), HT. Trà Kha Leng (Sóc Trăng), TT. Tăng Xà Vong (Bạc Liêu), HT. Hộ Chánh (TP. HCM), TT. Thích Lệ Trang (TP. HCM), TT. Thích Minh Thành (TP. HCM), TT. Thích Giác Nhân (Tiền Giang), TT. Thạch Oai (Trà Vinh), HT. Thích Thanh Hùng (TP. HCM), TT. Thích Nhật Ấn (TP. HCM), TT. Thích Truyền Cường (TP. HCM), TT. Thích Thiện Hạnh (TP. HCM), TT. Lý Vệ (Hậu Giang), TT. Lý Hùng (TP. Cần Thơ), TT. Thích Thanh Huân (TP. Hà Nội), TT. Thích Minh Trí (Vĩnh Phúc), ĐĐ. Thích Thanh Lâm (Vĩnh Phúc), TT. Thích Chiêu Tạng (TP. Hà Nội), ĐĐ. Thích Minh Hiền (TP. Hà Nội), ĐĐ. Thích Minh Huy (Yên Bái), TT. Thích Thọ Lạc (Ninh Bình), ĐĐ. Thích Đức Nguyên (Hoà Bình), ĐĐ. Thích Thanh Đường (Cao Bằng), ĐĐ. Thích Phước Nguyên (Cà Mau), ĐĐ. Thích Phước Nghiêm (Tiền Giang), ĐĐ. Thích Thiện Minh (TP. HCM), TT. Quách Thành Satttha (Bà Rịa Vũng Tàu), NT TN. Thích Đàm Nghiêm (TP. Hà Nội), NS TN. Tín Liên (TP. HCM), ĐĐ. Thích Chiêu Tuệ (TP. Hà Nội), ĐĐ. Thích Đạo Phong (TP. Hà Nội), TT. Thích Thiện Hưởng (Hà Nam), ĐĐ. Thích Thanh Định (Thái Bình), ĐĐ. Thích Thanh Hòa (Thái Bình), TT. Thích Thanh Tình (Ninh Bình), TT. Thích Thiện Văn (Bắc Giang), TT. Thích Thanh Trung (Bắc Ninh), TT. Thích Tâm Thiệu (Nam Định), TT. Thích Đạo Quang (Quảng Ninh), ĐĐ. Thích Thanh Phúc

(Tuyên Quang), ĐĐ. Thích Viên Như (Hà Tĩnh), ĐĐ. Thích Thanh Tuấn (Bắc Cạn), HT. Thích Tánh Nhiếp (Quảng Bình), NS. Thích Đàm Hiền (Nam Định), NS. Thích Đàm Lan (TP. Hà Nội), NS. Thích Đàm Thành (TP. Hà Nội), CS. Phạm Nhật Vũ (TP. Hà Nội), TT. Thích Huệ Thành (Cà Mau), TT. Thích Minh Lành (Bạc Liêu), TT. Thích Chơn Minh (Đồng Tháp), HT. Thích Lệ Linh (Bến Tre), HT. Thích Niệm Thới (Tây Ninh), TT. Thích Minh Bửu (Tây Ninh), TT. Thích Chí Mẫn (TP. Đà Nẵng), ĐĐ. Thích Thông Đạo (TP. Đà Nẵng), HT. Thích Ngộ Tánh (Khánh Hòa), HT. Thích Minh Thông (Khánh Hòa), HT. Thích Nguyên Đức (Phú Yên), HT. Thích Tâm Tường (Gia Lai), TT. Thích Từ Vân (Gia Lai), TT. Thích Hạnh Thể (Ninh Thuận), ĐĐ. Thích Quảng Hiền (Đak Nông), HT. Thích Quảng Hiền (Bà Rịa – Vũng Tàu), HT. Thích Nhật Quang (Đồng Nai), HT. Thích Chơn Hương (Thừa Thiên Huế), HT. Thích Quang Nhuận (Thừa Thiên Huế), HT. Thích Thiện Duyên (Bình Dương), TT. Thích Phước Đạt (TP. HCM), TT. Thích Minh Thọ (Long An), TT. Giác Trí (Bà Rịa – Vũng Tàu), HT. Thích Giác Chí (Đak Lak), TT. Thích Hoảng Đức (Tiền Giang), TT. Thích Thanh Dũng (Hải Dương), NT TN. Huệ Hương (Đồng Nai), NT TN. Tịnh Nguyên (TP. HCM), ĐĐ. Thích Tâm Chơn (TP. HCM), NS TN. Hòa Liên (TP. HCM), CS. Nguyễn Xuân Loan (TP. Hà Nội) tổng cộng 199 ủy viên.

DANH SÁCH ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GHPGVN NHIỆM KỲ VII (2012 - 2017)

HT. Thích Thanh Ngọc (TP. HCM), HT. Thích Viên Đạt (Bình Định), HT. Thích Như Quang (Bình Định), ĐĐ. Thích Huệ Khai (Đồng Nai), TT. Thích Trí Chơn (TP. HCM), HT. Thích Trí Viên (Khánh Hòa), HT. Thích Minh Châu (Khánh Hòa), HT. Thích Nguyên Quang (Khánh Hòa), ĐĐ. Thích Phước Chí (Bạc Liêu), TT. Thích Minh Hạnh (Sóc Trăng), ĐĐ. Thích Viên Quang (An Giang), TT. Thích Viên Minh (Trà Vinh), ĐĐ. Thích Quang Thạnh (TP. HCM), TT. Thích Nhật Từ (TP. HCM), TT. Thích Viên Trí (TP. HCM), TT. Thích Giác Pháp (TP. HCM), ĐĐ. Thích Giác Hoàng (TP. HCM), HT. Thích Thiện Thành (Quảng Nam), TT. Thích Nguyên Thành (Thừa Thiên Huế), ĐĐ. Thích Kiên Tuệ (Thừa Thiên Huế), ĐĐ. Thích Minh Tiến (Kiên Giang), ĐĐ. Thích Minh Nhẫn (Kiên Giang), TT. Thích Tĩnh Cường (Bình Phước), NT TN. Như Châu (TP. HCM), NT TN. Diệu Cảnh (TP. Đà Nẵng), NS TN. Tuệ Liên (Đồng Nai), CS. Nguyễn Đức Châu (TP. HCM), ĐĐ. Thích Nguyên Hạnh (TP. HCM), TT. Thích Giác Sơn (Bình Thuận), ĐĐ. Thích Lệ Trí (Long An), HT. Trần Phương (Kiên Giang), TT. Danh Liêm (Kiên Giang), TT. Danh Phấn (Kiên Giang), ĐĐ. Danh Nâng

(Kiên Giang), TT. Trần Văn Tha (Sóc Trăng), HT. Trần Kiến Quốc (Sóc Trăng), ĐĐ. Thạch Nê (Pháp Quyền) (Bình Phước), ĐĐ. Thích Bình Tâm (TP. Cần Thơ), HT. Thích Minh Chơn (TP. HCM), TT. Thích Giác Trí (TP. HCM), HT. Minh Giác (TP. HCM), TT. Giác Sơn (Vĩnh Long), TT. Minh Hạnh (Bà Rịa – Vũng Tàu), TT. Pháp Cao (TP. Đà Nẵng), NT TN. Huệ Giác (Đồng Nai), TT. Thích Giác Hiệp (TP. HCM), ĐĐ. Thích Tâm Chính (Ban Phật giáo Quốc tế), NS. Thích Đàm Hòa (Thanh Hóa), NS TN. Diệu Ngộ (TP. Cần Thơ), TT. Thích Huệ Công (TP. HCM), ĐĐ. Thích Nguyên Đạt (Thừa Thiên Huế), ĐĐ. Thích Minh Thuận (Phú Thọ), SC. Thích Diệu Nhẫn (Nghệ An), TT. Thích Tắc Ngộ (Long An), TT. Thích Thiện Toàn (TP. Đà Nẵng), TT. Thích Từ Nghiêm (TP. Đà Nẵng), TT. Thích Quảng Thiện (Khánh Hòa), ĐĐ. Thích Đồng Huệ (Hà Giang), TT. Thích Huệ Phước (Thừa Thiên Huế), ĐĐ. Châu Hoài Thái (Kiên Giang), ĐĐ. Thích Đạo Phước (Đồng Nai), NS TN. Như Thảo (TP. HCM), NS TN. Phụng Liên (TP. HCM), TT. Thích Quảng Thiện (Quảng Trị), TT. Thích Phước Minh (Quảng Nam), TT. Thích Tâm Minh (TP. HCM) tổng cộng 66 ủy viên. ■



HT. Viên Minh

Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN

Niềm tin vào tất cả nhưng cũng đừng tin vào điều gì cả, hay nói chính xác hơn là đừng bám víu vào bất cứ điều gì. Tin vào mọi sự, mọi người, mọi vật... vì tất cả điều gì đến với mình đều có nhân duyên với mình, đều là bài học giúp mình học ra cái đúng cái sai, cái xấu cái tốt, cái chân cái giả... Do đó, phải biết ơn và phải học cho thật nhiệt tình, tận tâm và chuyên chú... chứ không nên chểnh mảng.

Nhưng cẩn thận đấy, đừng bám víu vào điều gì, vì bám víu là dính mắc, dính mắc là trói buộc, trói buộc là đau khổ, là không còn thông dong tự tại nữa. Niềm tin và sự tự tại là hai điều tất yếu trong sự tương giao, nhưng là mâu thuẫn trong mỗi quan hệ. Vậy phải phân biệt được đâu là niềm tin trong sự tương giao tuyệt đối và đâu là niềm tin trong mỗi quan hệ tạm thời, lúc đó mới biết được điều gì đáng tin, điều gì đáng ngờ ngay nơi chính mình và mọi sự mọi vật. Nhớ đấy, hãy tin tất cả và đừng tin gì cả! ■

NHỮNG SỰ KIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM NỔI BẬT NĂM

2012

Bùi Hiền (theo: Kienthuc.net.vn)

1. Trao tặng Hòa thượng Thích Phổ Tuệ huân chương Hồ Chí Minh

Ngày 17/1, nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981 - 2011), Nhà nước đã tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho Đức Pháp chủ GHPGVN – Hòa thượng Thích Phổ Tuệ. Lễ đón nhận huân chương cao quý do Chủ tịch nước Trương Tấn Sang trao tặng, được tổ chức tại chùa Viên Minh (xã Quang Lãng, huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội).



Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân trao Huân chương Hồ Chí Minh cho Hòa thượng Thích Phổ Tuệ.

2. Sáu chư tăng tình nguyện ra trụ trì chùa ở Trường Sa

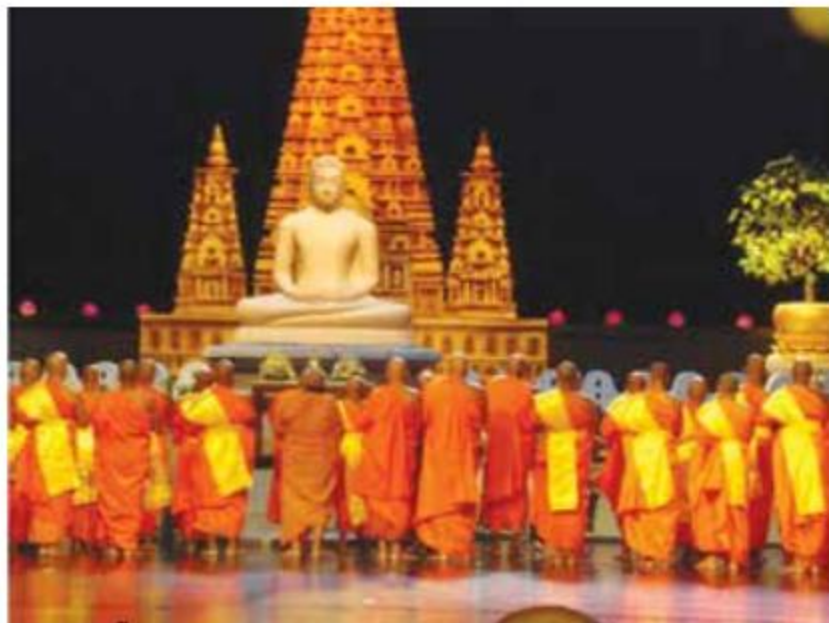
Ngày 13/4 có 6 vị Tăng sĩ đi nhận nhiệm vụ trụ trì các chùa trên đảo Trường Sa (đảo Sinh Tồn và đảo Song Tử Tây PV) tỉnh Khánh Hòa. Tăng sĩ ra các đảo trên quần đảo Trường Sa ngoài công việc Phật sự còn tham gia các hoạt động khác để nâng cao đời sống tinh thần, văn hóa cho người dân.



Cùng chụp ảnh lưu niệm ghi nhớ phút khởi hành.

3. Phái đoàn PGVN dự lễ cầu nguyện hòa bình thế giới tại Sri Lanka

Ngày 8/5, nhân dịp lễ Kỷ niệm 2600 năm Phật Thành đạo Vesak 2556, phái đoàn PGVN đã tham dự lễ cầu nguyện hòa bình thế giới tại Sri Lanka. Phái đoàn Phật giáo Việt Nam do Hòa thượng Thích Thiện Tâm - Ủy viên Thường trực Hội đồng trị sự, Phó Trưởng ban Phật giáo Quốc tế và Thượng tọa Tăng Định - Ủy viên Ban nghi lễ Trung ương GHPGVN hướng dẫn trên 30 Tăng ni Phật tử Việt Nam tham dự đại lễ.



Lễ cầu nguyện Hòa Bình của Chư tăng Sri Lanka.

5. Vua sãi Vương quốc Campuchia thăm Việt Nam

Ngày 11/07, Đoàn Giáo hội Phật giáo Campuchia do Đại Tăng thống Tep Vong Vua sãi Vương quốc Campuchia làm Trưởng đoàn đã đến thăm trụ sở Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại chùa Quán Sứ (Hà Nội); thăm Ban Tôn giáo Chính phủ và được Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tiếp đón thân mật tại Văn phòng Chính phủ.



Hòa thượng Pháp chủ tặng một bức tranh lưu niệm tới Vua sãi Campuchia.

4. Tạc tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông bằng ngọc bích

Ngày 5/7, tại chùa Vĩnh Nghiêm (TP. HCM) đã diễn ra Lễ khởi công tạc tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông. Sau 4 tháng, tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông bằng ngọc đã được hoàn thành. Tượng được tạc trong tư thế ngồi, cao 1,6 mét, trọng lượng trên 2 tấn. Phần đài sen làm bằng cẩm thạch trắng. Đây là Tôn tượng Phật hoàng bằng ngọc bích đầu tiên ở Việt Nam có kích thước kỷ lục.



Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông được tạc từ khối ngọc bích nặng 4,5 tấn.

6. Tuần lễ văn hóa "Phật giáo Nghệ An đồng hành cùng dân tộc"

Từ ngày 12 – 18/8, Tuần lễ văn hóa "Phật giáo Nghệ An đồng hành cùng dân tộc" đã trọng thể được diễn ra với sự tham gia của hơn 2000 Tăng Ni, Phật tử. Tại Tuần lễ này đã có nhiều hoạt động văn hóa Phật giáo lần lượt được diễn ra, thu hút sự quan tâm của hàng nghìn người.



7. Hòa thượng Thích Minh Châu viên tịch

Ngày 1/9, Hòa thượng Thích Minh Châu – Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN, nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự, Viện trưởng sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Trụ trì Tổ đình Tường Vân (TP. Huế), Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh (TP. Hồ Chí Minh) viên tịch tại Thiền viện Vạn Hạnh (quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh), trụ thế 95 năm, hạ lạp 64 năm.



8. Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM khởi công cơ sở mới

Ngày 4/11, được sự cho phép của các cơ quan chức năng lãnh đạo và huyện Bình Chánh (TP. Hồ Chí Minh), Hội đồng Điều hành Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh đã long trọng cử hành Lễ đặt đá khởi công xây dựng cơ sở mới của Học viện tại Ấp 1, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.



9. Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ VII

Từ ngày 21 đến 24/11, Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ VII (2007 - 2012) được diễn ra tại Hội trường Cung Văn hóa Hữu Nghị Việt Xô (Hà Nội). Đại hội đã thông qua dự thảo Tu chính Hiến chương GHPGVN lần thứ V gồm 13 chương, 71 điều; thông qua danh sách tấn phong giáo phẩm gồm 1.350 Tăng Ni. Đại hội đã cử hành Lễ suy tôn Đức Đệ tam Pháp chủ GHPGVN – Trưởng lão HT. Thích Phổ Tuệ; Cung thỉnh Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh tiếp tục làm Chủ tịch Hội đồng trị sự GHPGVN.



Tái suy tôn Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ ngôi vị Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

10. Sư thầy Thích Tâm Mẫn hoàn thành tâm nguyện “nhất bộ nhất bát”

Ngày 24/11, Đại đức Thích Tâm Mẫn đã hoàn thành tâm nguyện “nhất bộ nhất bát” từ chùa Hoảng Pháp (TP. HCM) đến non thiêng Yên Tử trong thời gian hơn 3 năm. Đây là một trong những sự kiện hy hữu trong lịch sử Phật giáo nước ta nói riêng và Phật giáo thế giới nói chung. ■



Phó Thủ tướng chụp ảnh lưu niệm với thầy Thích Tâm Mẫn (người có dấu x) và lãnh đạo Ban Quản Lý khu di tích danh thắng Yên Tử.

Kinh ví dụ con Rắn

HT. Thích Minh Châu



Đức Phật dạy học chánh Pháp cần phải nắm chánh Pháp một cách chơn chánh, nếu nắm sai lạc thời sẽ có hại. Như người bắt rắn, nắm cái đuôi thời bị nạn con rắn quay lại cắn; nếu lấy cái nạng đè đầu con rắn và nắm nơi cái cổ con rắn thời tránh khỏi tai nạn.

Tỳ-kheo Aritṭha khởi lên ác tà kiến, cho rằng các chương ngại pháp Phật dạy không có làm chương ngại cho người thọ dụng. Đức Phật cho gọi Aritṭha và giảng kinh này.

Trước hết đức Phật quả trách Aritṭha đã hiểu sai lạc và xuyên tạc lời Phật dạy, vì Ngài đã dạy các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, nguy hiểm lại nhiều hơn. Ngài ví dục như khúc xương, như miếng thịt, như bó đuốc cỏ khô, như hồ than hừng, như cơn mộng, như vật dụng cho mượn, như lò thịt, như gậy nhọn, như đầu rắn.

Như vậy, những ai thọ dụng các dục, là có đủ chương ngại. Rồi đức Phật khiển trách Aritṭha vì đã chấp thủ sai lời Phật dạy.

Một số người học pháp, học kinh điển, nhưng không quán sát ý nghĩa với trí tuệ, học Pháp chỉ để chỉ trích người, chỉ muốn khoái khẩu biện luận, không hướng đến mục tiêu chính h o c Pháp, nắm

giữ sai lạc Pháp nên bị khổ đau luân hồi. Như con người đi bắt rắn, bắt cái đuôi thì bị nạn rắn quay đầu lại cắn, nếu lấy cái nạng đè đầu, nắm cái cổ thì không gặp nạn rắn cắn. Như vậy, học Pháp cần phải quán sát ý nghĩa với trí tuệ, học không phải để chỉ trích người, để khoái khẩu biện luận, học phải hướng đến mục tiêu chính của học Pháp, như vậy, mới được hạnh phúc lâu dài.

Rồi đức Phật dạy, Ngài giảng Pháp ví như chiếc bè để vượt qua, không phải để nắm giữ. Nếu nhờ cái bè vượt qua sông, rồi tiếc nuôi chiếc bè, đội trên đầu hay vác trên vai mà đi, thời như vậy không biết sử dụng chiếc bè. Trái lại nếu đến bờ kia rồi, kéo cái bè lên trên bờ hay nhận chìm xuống nước rồi ra đi, như vậy, là biết sử dụng chiếc bè. Các Tỳ-kheo cần phải hiểu, chánh Pháp ví dụ như chiếc bè, chánh Pháp còn phải bỏ đi huống nữa là phi Pháp.

Rồi đức Phật dạy có sáu kiến xứ (ditṭhatṭhānāni), năm kiến xứ thuộc về năm uẩn, kẻ vô văn phạm phu xem năm uẩn là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Kiến xứ thứ sáu là xem thể giới và tự ngã, sau khi chết sẽ thường còn, thường hằng, không biến chuyển và xem như vậy là Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

Còn các bậc Thánh thời xem năm uẩn là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Và đối với kiến xứ chấp rằng thể giới và tự ngã là thường còn, vị ấy xem kiến xứ ấy là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Do quán sát như vậy, đối với sự vật chẳng thật có, nên không có lo âu phiền não.

Tiếp đến đức Phật giải thích có thể có cái không thực có ở ngoài có thể gây ra lo âu phiền muộn, như có người có ý nghĩ: "Cái gì chắc chắn đã là của tôi, nay chắc chắn không còn là của tôi. Cái gì chắc chắn có thể là của tôi, chắc chắn tôi không có cái ấy". Vị ấy lo âu sầu não, dấm ngực, đi đến bất

tình. Người không có ý nghĩ trên thời sẽ không có lo âu sầu muộn.

Có thể có cái không thực có ở bên trong có thể gây ra lo âu phiền muộn. Như có người có tà kiến cho rằng tự ngã và thế giới là thường còn, nay nghe Như Lai hay đệ tử của Như Lai thuyết pháp để nhổ lên tất cả kiến xứ, quyết định, chấp thủ, thiên chấp, tùy miên (ditthittānādhittāna-pariyuttānabhinivesa anusaya), sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết bàn. Vị ấy nghe như vậy, có thể nghĩ: “Ta sẽ bị đoạn diệt, hoại diệt, không còn tồn tại” và như vậy vị ấy lo âu, than khóc, đi đến bất tỉnh. Nếu người ấy không có ý nghĩ như trên thời sẽ không có lo âu phiền muộn.

Không có thể nắm và không thấy một vật sở hữu nào mà vật sở hữu ấy lại thường còn, không biến hoại, nếu có chấp ngã luận thủ nào thời có khởi lên sầu bi khổ ưu não, nếu có y chỉ kiến y nào thời thể nào sầu bi khổ ưu não cũng khởi lên.

Nếu có ngã thời có ngã sở thuộc, nếu có ngã sở thuộc thời có ngã. Nếu ngã và ngã sở thuộc không thể chấp nhận là thường còn, thời kiến xứ đây là tự ngã thường còn, thường hằng là một kiến xứ hoàn toàn ngu si.

Lại sắc, thọ, tưởng, hành, thức thực sự biến hoại, thời không thể xem năm uẩn là: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”. Cho nên cần phải quán sát tất cả sắc pháp, thọ, tưởng, hành, thức là “Không phải của tôi, không phải là tôi, không phải tự ngã của tôi”.

Do vậy, bậc đa văn Thánh đệ tử nhằm chán năm uẩn, do chán nên không tham ái, do không tham ái nên được giải thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử. Như vậy, vị Tỷ-kheo được xem đã cắt đi các chướng ngại vật tức là đã đoạn trừ vô minh, đã lấp đầy các thông hào tức là đoạn tận tái sanh, đã nhổ lên cột trụ tức là đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không còn gì phiền trước, tức là đoạn trừ ngã mạn.

Vị Tỷ-kheo đã giải thoát thời không ai tìm được dấu vết. Như Lai cũng vậy, không có dấu vết. Đức Phật tuyên bố như vậy nên bị ngoại đạo kết tội là theo chủ nghĩa hư vô (venayika), đề cao đoạn diệt, hủy diệt. Thật sự đức Phật chỉ nói lên sự khổ

và sự diệt khổ. Dù có ai nhiếc mắng, đức Phật cũng không sân hận; dù có ai tán thán, Ngài cũng không hoan hỷ, Ngài chỉ suy nghĩ: “Đây là điều xưa nay Ta biết rõ: Ở đây là những trách nhiệm Ta phải làm”, và khuyên các Tỷ-kheo nên học tập theo Ngài.

Cuối cùng đức Phật khuyên các Tỷ-kheo: “Hãy từ bỏ cái gì không phải của các người”, có từ bỏ mới được an lạc. Tức là từ bỏ năm uẩn. Vì pháp được đức Phật khéo giảng nên những Tỷ-kheo đã chứng được quả A-la-hán, các lậu hoặc được đoạn tận, tu hành thành mãn, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, lý tưởng đã thành đạt, hữu kiết sử đã đoạn trừ, được giải thoát nhờ chánh trí.

Những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh nhập diệt tại đây, không còn trở lui lại đời này nữa, thành bậc Bất lai.

Những Tỷ-kheo nào đã đoạn trừ được ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, thành bậc Nhất lai, chỉ đến đời này một lần nữa rồi đoạn tận khổ đau.

Những Tỷ-kheo nào đoạn trừ ba hạ phần kiết sử, trở thành các bậc Dự lưu, không còn bị đọa lạc ác thú, quyết định hướng đến Chánh giác.

Những Tỷ-kheo nào là những vị tùy pháp hành, tùy tín hành, tất cả những vị này sẽ hướng về Chánh giác.

Tất cả những vị nào đặt lòng tin nơi Thế Tôn, chỉ có lòng thương mến Ngài, những vị ấy hướng về chư Thiên. ■

Y CHỈ SƯ NISSAYA

Tỳ khưu Siêu Minh (dịch)
(tiếp theo)

NHỮNG NHIỆM VỤ CỦA Y CHỈ SƯ ĐỐI VỚI ĐỆ TỬ.

1. Giúp đỡ công việc giáo dục đệ tử, giảng Phật Pháp và Giới luật cho đệ tử bằng tụng giới, đặt câu hỏi, động viên và truyền dạy kiến thức cho đệ tử.
2. Cung cấp những nhu thiết yếu cho đệ tử. Nếu đệ tử thiếu thốn bất kỳ những nhu thiết yếu cơ bản nào, và y chỉ sư vẫn còn bất kỳ thứ gì không dùng tới, y chỉ sư nên bù đắp thiếu thốn đó cho đệ tử.
3. Chăm sóc đến những nhu cầu cá nhân khi đệ tử đau yếu, việc thực hiện những dịch vụ được đề cập đến trong đoạn 1 với tiêu đề những nhiệm vụ của đệ tử đối với y chỉ sư của mình.
4. Trợ giúp đệ tử trong bất kỳ vấn đề nào đệ tử có thể gặp phải liên quan đến Phật Pháp và Giới luật. Thực hiện những dịch vụ được đề cập đến trong đoạn 2 với tiêu đề những nhiệm vụ của đệ tử đối với y chỉ sư của mình.
5. Dạy dỗ đệ tử cách giặt giũ, may vá và nhuộm y cà sa. Nếu vì một vài lý do nào đó người đệ tử không thể xử lý được những tài khéo này, y chỉ sư nên tìm ai đó có thể giúp cho đệ tử thông thạo các công việc này.
6. Việc chăm sóc đệ tử khi ngã bệnh, không rời khỏi đệ tử cho đến khi nào đệ tử bình phục hay qua đời (Mv.I, 26).

Theo tập Chú giải, vị đạo sư là thầy xuất gia, và là bốn sư chấp nhận thọ giới phải tuân thủ những nhiệm vụ này cho đệ tử của mình bao lâu cả hai bên vẫn còn sống và vẫn trong tình trạng thọ giới. Còn đối với bốn Sư và y chỉ sư phụ thuộc họ phải tuân thủ những nhiệm vụ này chỉ khi nào đệ tử còn đang chung sống với các vị đó mà thôi.

Việc sa thải. Nếu đệ tử không tuân thủ những

nhiệm vụ này đối với y chỉ sư của mình, y chỉ sư được quyền sa thải đệ tử này. Quả thật, nếu người đệ tử đáng bị sa thải, y chỉ sư sẽ phải gánh chịu hình phạt dukkata (tức lỗi phạm tác ác) nếu vì một vài lý do nào đó, vị đó không sa thải đệ tử đó, đó chính là điều tốt, vị đó nên sa thải người đệ tử không xứng được như vậy (Mv.I, 27.5-8). Có năm cơ sở để sa thải người đệ tử như sau:

1. Đệ tử không có tình cảm với y chỉ sư của mình – có nghĩa là không tỏ ra ân cần với ngài.
2. Đệ tử không đặt niềm tin nơi y chỉ sư của mình – có nghĩa là đệ tử đó không coi ngài như là một gương sáng để noi theo.
3. Đệ tử đó cảm thấy vô tầm trước mặt y chỉ sư – có nghĩa là đệ tử đó công khai không đếm xỉa gì đến những khoản luật học giới trước sự hiện diện của y chỉ sư của mình.
4. Đệ tử không tỏ ra kính trọng y chỉ sư – có nghĩa là đệ tử đó không lắng nghe những gì y chỉ sư đã nói, và công khai không vâng lời ngài.
5. Đệ tử không triển khai dưới sự hướng dẫn của y chỉ sư – tập Chú giải dịch từ developing ở đây là triển khai một ý thức thiện chí đối với y chỉ sư của mình, nhưng từ này cũng còn có nghĩa là triển khai việc giáo dục chung chung của y chỉ sư và tu tập Phật Pháp và Giới luật.

Tập Vinaya Mukha chú thích rằng y chỉ sư nên suy xét kỹ về chính tư cách đạo đức của mình trước khi sa thải một đệ tử. Nếu vị đó làm bất kỳ điều gì có thể tạo cho đệ tử một lý do hợp lý để đánh mất thiện cảm, v.v... trước tiên y chỉ sư nên sửa chữa chính phẩm hạnh của mình trước đã. Chỉ sau khi đã suy xét kỹ lưỡng không còn điều gì nơi tư cách đạo đức của mình có thể tạo cho đệ tử lý do hợp lý để coi thường mình lúc đó, y chỉ sư mới nên tiếp tục

tiến hành công việc sa thải đệ tử.

Tập Đại Phẩm nói đến từng trường hợp sa thải bằng những lời tuyên bố sau đây như là những cách hợp lý để sa thải đệ tử: “Ta sa thải nhà người.”, “đừng trở lại đây nữa.” “Lấy y cà sa và bát khất thực mà ra đi.” “Đừng chăm sóc ta nữa làm gì.” Tập Đại Phẩm cũng khẳng định thêm rằng nếu y chỉ sư thực hiện bất kỳ cử chỉ nào mang ý nghĩa sa thải này, Thí dụ như, ngài đuổi đệ tử khỏi chỗ ở và ném y cà sa và bát khất thực của đệ tử ra ngoài – cử chỉ đó cũng được coi như là những cách sa thải hợp lệ (Mv.I.27.2). Tập Chú giải còn ghi thêm rằng bất kỳ lời tuyên bố nào truyền tải cùng một ý nghĩa cơ bản như các lời tuyên bố nêu trên cũng được coi là hợp lệ.

Một khi đã bị sa thải, bốn phận của đệ tử là phải xin lỗi. Nếu không làm điều này, đệ tử phải gánh chịu dukkata (lỗi phạm tác ác) (Mv.I.27.3). Một khi đệ tử đã xin lỗi, y chỉ sư có bốn phận phải tha thứ cho đệ tử (Mv.I.27.4).

Tuy nhiên, nếu vị đó nhận ra đệ tử vẫn còn tỏ ra vô tâm, thời y chỉ sư không nên nhận đệ tử trở lại, bởi lẽ y chỉ sư nào nhận lại một đệ tử vô tâm sẽ phải gánh chịu hình phạt dukkata (lỗi phạm tác ác) (Mv.I.72.1). Như vậy, nếu thấy thích hợp, y chỉ sư nên gán cho đệ tử một hình phạt phi thể lý trước khi nhận đệ tử trở lại vào vị trí nguyên thủy để chắc chắn rằng mình thực sự đã nhìn thấy lỗi lầm nơi cách cư xử của đệ

tử. Một ví dụ nói về một hình phạt thuộc loại này được đề cập đến trong tập Vinaya Mukha, đó là đơn giản chờ đợi để quan sát hành vi đạo đức của đệ tử trong giây lát để xem thử lời xin lỗi của đệ tử có trung thực hay không.

Tập Chú giải khuyên nếu y chỉ sư từ chối tha thứ, đệ tử nên cố gắng tìm một vị tỳ khưu nào khác trong thiền viện để can thiệp giúp. Nếu không mang lại hiệu quả đệ tử đó nên tới một thiền viện khác và nhận sống phụ thuộc vào một vị tỳ khưu cao niên tại đó là người thân thiết với y chỉ sư, hy vọng rằng y chỉ sư sẽ coi đó như là dấu hiệu ý định tốt của đệ tử và cuối cùng sẽ tha thứ cho đệ tử.

Sự Phụ Thuộc mất hiệu lực. Tập Đại Phẩm (Mv.I.36.1) cho rằng nếu đệ tử sống phụ thuộc (y chỉ) vào một vị đạo sư, sự phụ thuộc này sẽ mất hiệu lực nếu:

1. Vị đó bỏ đi. Theo tập Chú giải phụ, điều này có nghĩa là vị đạo sư ra đi qua đêm bên ngoài thiền viện, bất kể vị đó có dự tính quay trở lại thiền viện hay không
2. Vị đó giữ áo hoàn tục.
3. Vị đó qua đời.
4. Vị đó gia nhập một giáo phái khác – theo tập Chú giải điều này có nghĩa là ngài gia nhập một tôn giáo khác.

Trong tất cả những tình huống trên, các tập Chú giải cắt nghĩa từ “vị đó” ám chỉ vị đạo sư, tuy nhiên, hình như cũng còn ám chỉ cả đệ tử nữa. Ý nghĩa này khớp với một đoạn trích từ tập Đại Phẩm, được nói đến dưới đây, ám chỉ đến một vị tân tỳ khưu trên một chuyến du hành được coi như không sống phụ thuộc vào vị nào cả. Trong những tình huống như vậy, vị tân tỳ khưu hình như đã từ bỏ y chỉ sư của mình là điều khiến cho việc sống phụ thuộc mất hiệu lực.

5. Vị đó ra lệnh. Đây là một tình huống trong đó từ “vị đó” rõ ràng chỉ ám chỉ đến vị đạo sư mà thôi. Tập Chú giải giải thích rằng lệnh ở đây được hiểu như là việc sa thải, như ta đã thảo luận ở trên, mặc dù tập Vinaya Mukha cũng bao gồm cả những tình huống trong đó vị đạo sư nhận thấy rằng đệ tử có đủ tư cách đạo đức để không còn phải sống phụ thuộc nữa (xin đọc dưới đây) và nói cho đệ tử kiểu đó.

Trong từng mỗi tình huống này, một đệ tử chưa thoát khỏi sống phụ thuộc phải tìm kiếm ai đó để sống phụ thuộc vào người đó ngay chính ngày hôm đó, trừ trong những ví dụ sau đây (được trích từ tập Chú giải) (xem tiếp trang 28)

Bí mật của thiền định

Tk **MT**
(tiếp theo & hết)

Thêm một kiến giải nữa về giác ngộ là thêm một hạt muối thả vào biển. Tuy vậy, vẫn không phải là không có cách. Chúng ta hãy thử giả định rằng chúng ta đã giác ngộ, chúng ta đã tuệ thông với nhiều phép thần thông tuyệt diệu, tai có thể nghe ngàn dặm, mắt có thể nhìn qua núi non biển cả, thân hình có thể đi mây về gió, tỏa sáng hào quang, tinh thần thông suốt không bị bất cứ một trở ngại nào, tạo hóa làm gì cũng có thể hiểu được, ông Thượng Đế, nếu có, thì ngồi uống trà với ông mà không một chút e ngại v.v... thì lúc ấy, cơ thể ta sẽ như thế nào? Bởi vì các phép thần thông ấy khó biết, khó giải bày, bởi vì cái đời sống tinh thần ấy hầu như không thể hiểu được, không thể kiểm chứng, không thể xác nhận nên chúng ta sẽ tìm hiểu ở một góc độ khác là xem lúc ấy cơ thể ta sẽ như thế nào.

Cái gì không biết chứ chắc chắn một điều rằng nó sẽ không giống với cái cơ thể ta trước đó. Cái gì không biết chứ chắc chắn một điều là ta sẽ chẳng có bệnh tật gì cả? Thật vô duyên khi một bậc giác ngộ mà bị huyết áp, lớn tim, ho lao hoặc ung thư. Có thể có một số bệnh ngoại khoa cấp tính như gãy xương, ruột thừa, hoặc bệnh kiết lỵ do ngộ độc nấm độc mà Đức Thế Tôn đã mắc phải... còn ngoài ra cơ thể ta là một sự khỏe mạnh đến trong suốt. Bệnh gì không biết chứ bệnh do tâm sinh ra như huyết áp, tim mạch, stress, mất ngủ, đau đầu, chóng mặt, hoa mắt, suy nhược, đau khớp, tiểu đường... sẽ không bao giờ mắc phải. Người đã mắc phải, thì nếu giác ngộ xong bệnh này cũng sẽ biến mất.

Chắc chắn là như vậy rồi. Chúng ta hãy hình dung, những bệnh trên xuất hiện do căng thẳng,

lo nghĩ mà có. Người giác ngộ thế nào không biết chứ chắc chắn đó là người không còn biết sợ, biết lo nữa. Cuộc sống của họ là một sự ân sủng của tạo hóa ban cho trong từng giây, từng phút, thì hỏi làm sao huyết áp tăng cho được? Bệnh huyết áp là bệnh tây y bảo không chữa được. Chúng ta chưa có bằng chứng, nhưng với những gì biết được chúng ta có thể chắc chắn rằng người giác ngộ không bao giờ tăng huyết áp. Các bác sĩ tim mạch hẳn cũng đồng ý điều này. Và kể từ đó ta sẽ có những giấc ngủ luôn thật ngon, đặc biệt là không bao giờ mộng mị. Ngài A Nan khi kể về những giấc mơ của mình cho Phật nghe, Phật cũng bảo rằng chư Phật ngủ chẳng mơ bao giờ. Không có bất cứ một giấc mơ nào đầu tốt hoặc xấu, đầu lành hoặc ác xuất hiện trong giấc ngủ người giác ngộ.

Đây là cái phần nhô lên nhỏ nhoi của tảng băng trôi; cái phần lớn nhất, quan trọng nhất, tinh hoa nhất của nó vẫn chìm dưới nước chưa được biết đến. Chỉ với một chút có thể nhận thấy này chúng ta đã có thể tin rằng nó rất thật.

Với giả định này, chúng ta có thể tạm tin rằng người trong một chỗ giác ngộ sẽ tự nhận thấy những chuyển biến kỳ lạ chưa từng biết đến xảy ra trong cơ thể mình. Nó rõ ràng như ngài Huệ Khả nói, "Nó thường biết rõ ràng, ngôn từ nói không tới!". Nó thấy được sờ sờ như ngài Huệ Năng nói "Ai dè....", nó cũng tràn đầy xúc cảm như ngài Bạt Tụy đã đi không vững, húc đầu vào cột nhà mấy lần, về đến nhà khóc suốt ba đêm ba ngày vì nó. Thiền sư Vô Môn Huệ Khai sau sáu năm miên mật, một ngày nọ khi nghe tiếng trống báo giờ cơm trưa sư hoát nhiên đại ngộ và ứng khẩu bài kệ sau: Trời quang mây tạnh sấm dậy vang lừng. Mọi vật trên

đất, mắt bỗng thấy hết. Muôn hồng nghìn tía cúi đầu làm lễ. Núi Tu-di cũng nhảy múa vui mừng. Sự được Thiền sư Nguyệt Lâm ấn chứng. Khi mà mô tả cái khác biệt của mình trong giây phút trước và giây phút sau bằng những hình ảnh như thế, sấm dậy vang lừng, núi Tu-di cũng nhảy múa, thì ta biết đó là những cảm giác rất cụ thể rõ ràng như thấy trước mắt, sờ bằng tay, hoàn toàn không có một chút nào của tâm thức. Nó không giống như Archimede hoặc Newton reo lên sung sướng nhưng rất dễ đột tử vì vỡ tim hoặc tai biến mạch máu não, người giác ngộ thì khác hoàn toàn.

Và ở cái trạng thái này thì sự vô minh hay giác ngộ, niết bàn hay địa ngục, thánh hay phàm, ma hay Phật, sân si hay buông xả, ngã hay vô ngã, thế giới vật chất là thường hay vô thường... nào có gì quan trọng! Mỗi phút giây là mỗi ân sủng mà tạo hóa đã ban cho. Các phép thần thông cũng đâu có gì là quan trọng bởi bản thân họ là một thần thông tuyệt diệu nhất. Trong trạng thái tĩnh lặng, yên vui ấy tai ta sẽ nghe tất cả âm thanh kỳ diệu của tạo hóa, từ tiếng chim hót đến điệu nhạc disco inh tai nhức óc, từ tiếng của chồi cây đang vươn lên đến âm thanh của các vì tinh tú xa xôi. Năm 761 vua Túc Tông nhà Đường thỉnh Huệ Trung đến kinh đô phong làm Quốc sư. Suốt trong lần yết kiến, vua đã hỏi ông nhiều câu, tuy nhiên, ông không hề nhìn vua lấy một lần. Vua giận mới bảo: "Trẫm là Thiên Tử nước Đại Đường, sao thầy không một lần hạ cổ nhìn đến trẫm?". Huệ Trung trả lời: "Bệ hạ có nhìn thấy hư không trên kia chăng?". "Có". "Hư không có nháy mắt với bệ hạ không?". Cái tâm thế hoàn toàn không thuộc về ý thức nhưng biết rõ là mình đồng với vũ trụ, hòa với cỏ cây rất thật ấy, khoa học hiện đại, tâm lý học hiện đại hoàn toàn chưa biết đến.

Có thật vậy không, không biết, chỉ có một điều chắc chắn là ta sẽ nghe rõ nhất những tiếng nói từ bên trong cơ thể của ta. Chính đây là bí ẩn của các bậc giác ngộ. Gần như tất cả đều biết giây phút

mình ra đi và tất cả đều bình thản đón nhận. Nói như vậy là đã hơi xa cách, ở trạng thái này thì cái chết và cái sống không hề có phân biệt. Hay một điều là nó không cần đến một chút nào của ý thức để xác tín điều đó. Chúng ta, người đời vẫn hay nói về sự thanh thản khi chết, chuẩn bị cho cái chết, xem cái chết tựa lông hồng, thế nhưng xem cái chết như đang sống mà không cần đến một chút ý thức nào thì chỉ có ở người giác ngộ.

Tóm lại, đó vẫn là chuyện... như là chúng ta xem phim khủng long! Tất cả dựa trên một ít "xương cốt" hóa thạch để lại chứ khủng long sống thế nào, kêu rống thế nào thì chẳng ai biết. Các nhà khoa học đang tìm cách tái sinh nó. Giác ngộ cũng vậy, các Phật tử đều đang chờ Di Lặc xuất hiện mặc dầu tinh thần Phật giáo không xem điều đó làm trọng.

Hình như đã đến lúc con người bắt đầu hiểu được giá trị của mặt bên kia trong hoạt động của bộ não, mặt tĩnh lặng, không hoạt động nhưng lại vô cùng tinh thức. Con người đã nghĩ ra hằng trăm phương pháp thể dục cho cơ thể, thế nhưng một phương pháp thể dục cho tinh thần thì hầu như chưa ai nghĩ đến. May sao con người đã có phương pháp thiền định từ hơn 2500 năm trước, tuy bị lãng quên hoặc ngộ nhận nhiều điều nhưng cuối cùng chắc chắn nó sẽ có những đóng góp tích cực cho cuộc sống và văn minh nhân loại trong thiên niên kỷ thứ ba này. ■



LỘ TRÌNH SẮC PHÁP



Tk. Pasādo
(tiếp theo & hết)

VIII. SỰ HIỆN HÀNH CỦA SẮC PHÁP VÀO SÁT NA SANH KHỞI CỦA LỘ TRÌNH CẬN TỬ NGŨ MÔN (XEM TRONG BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨ 8).

1. Sắc nghiệp: Với 8 loại tổng hợp sắc nghiệp là: nhãn thập, nhĩ thập, tỷ thập, thiết thập, thân thập, tính thập, vật thập và mạng cứu, chứa đựng 51 tổng hợp sắc trong từng mỗi loại đã hiện hữu một cách tối đa là 408 tổng hợp sắc nghiệp.

Và trong số lượng 408 tổng hợp sắc nghiệp này có 8 tổng hợp sắc đang diệt, 392 tổng hợp sắc đang hiện diện và lại sanh mới 8 tổng hợp sắc, và cứ thế tồn tại, như vậy, liên tục trong từng mỗi sát na tâm vào lúc cận tử của chúng sanh và tâm lộ trình tiến hành đi đến lộ trình cận tử (đặc biệt trong bản chính phương này sẽ trình bày lộ trình cận tử của chúng sanh vào bất luận loại môn nào trong lộ trình ngũ môn).

Khi đến sát na trụ của tâm hữu phần rung động, thì sắc nghiệp sẽ dừng lại, không còn tái sanh nữa (nếu sắc nghiệp vẫn đang còn sanh thì không thể gọi là chúng sanh đó chết được), chỉ còn lại 8 tổng hợp sắc nghiệp đang diệt mất, 392 tổng hợp sắc đang hiện diện, kết hợp lại là 400 tổng hợp sắc.

Và sẽ giảm xuống vào từng mỗi sát na tiểu của tâm là 8 tổng hợp sắc, như vậy, liên tục cho đến sát na diệt của tâm tử thì chỉ còn duy nhất là 8 tổng hợp sắc nghiệp đang diệt mất.

Với phương thức này, sắc nghiệp thường đồng cùng diệt với sát na diệt của tâm tử, không còn dư sót.

2. Sắc quý tiết duyên nghiệp: Cũng hoàn toàn cùng một phương thức với mọi trường hợp của sắc nghiệp, chỉ có sai biệt là chênh lệch với nhau một sát na mà thôi. Do đó, khi sắc nghiệp bắt đầu giảm xuống vào sát na trụ của tâm hữu phần rung động, sắc quý tiết duyên nghiệp bắt đầu giảm xuống vào sát na diệt cũng cùng một sát na tâm.

Khi đến sát na diệt của tâm tử, thì sắc quý tiết duyên nghiệp vẫn còn lại 16 tổng hợp sắc là 8 tổng hợp sắc đang diệt và 8 tổng hợp sắc đang hiện diện.

Với phương thức này, thì vẫn tồn tại 8 tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp vào sát na diệt của tâm tử và sẽ diệt hoàn toàn vào sát na tiểu tiếp sau của tâm tử.

3. Sắc tâm: Với số lượng tối đa là 17 tổng hợp sắc vì đặc biệt chỉ sanh vào sát na sanh của từng mỗi sát na tâm, ngoại trừ tâm ngũ song thức sanh khởi như đã có đề cập đến. Và sắc tâm cũng vẫn sanh khởi liên tục cho dù vào sát na sanh của tâm tử cũng vẫn có thể sanh khởi (trừ tâm tử của bậc vô sinh).

Trong bản chính phương thứ 8 này thì vẫn hiện hữu 17 tổng hợp sắc tâm, nhưng đến sát na sanh của ngũ song thức thì sắc tâm lại không có sanh mới nữa, chỉ tồn tại tổng hợp sắc đang hiện diện và đang diệt mất, do đó, chỉ có 16 tổng hợp sắc và với bấy nhiêu số lượng này diễn tiến liên tục cho đến sát na sanh của tâm tử.

Từ đó, sắc tâm không còn sanh và có thể hiện hữu 16 tổng hợp sắc thì khi sắc tâm nào đã hiện diện tròn đủ tuổi thọ 17 sát na đại của tâm, sẽ tuần tự diệt mất tiếp sau tâm tử đã diệt mất.

Như thế, tổng hợp sắc tâm cuối cùng sẽ diệt mất vào khoảng sát na diệt của tâm thứ 16 kể từ tâm tử trở đi. Tuy nhiên, tại đây không có ý nghĩa là 16 tổng hợp sắc tâm sẽ dính dấp liên hệ đến tâm tái tục của hữu (kiếp) mới, vì thực ra sắc tâm sanh trong hữu này thì cũng diệt mất ngay chính trong hữu này, không có liên quan với bất luận trường hợp nào vào hữu mới.

4. Sắc quý tiết duyên tâm: Cũng cùng một phương thức với mọi trường hợp của sắc tâm, chỉ có sai biệt là chênh lệch với nhau một sát na. Do đó, khi sắc tâm sanh lần cuối cùng vào sát na sanh của tâm tử, thì sắc quý tiết duyên tâm lại sanh lần cuối cùng vào sát na trụ của tâm tử một cách tương tự.

Và 16 tổng hợp sắc quý tiết duyên tâm đang hiện hữu vào sát na diệt của tâm tử này sẽ lần lượt nối tiếp nhau diệt mất phía sau tâm tử, mãi cho tới sát na sanh của tâm thứ 17 kể từ tâm tử trở đi thì sắc quý tiết duyên tâm diệt tuyệt.

5. Sắc vật thực: Hiện hữu tối đa là 51 tổng hợp sắc do sanh khởi vào từng mỗi sát na tiểu của tâm và thường sanh khi có: (1) vật thực nội phần, (2) vật thực ngoại phần và sắc tâm sanh khởi, do đó, sắc này vẫn có sanh khởi vào sát na diệt của tâm tử.

Chính với phương thức này mà vào sát na diệt của tâm tử có 1 tổng hợp sắc vật thực đang diệt, 49 tổng hợp sắc đang hiện diện và lại sanh mới 1 tổng hợp sắc.

Tiếp sau sát na diệt của tâm tử thì sắc vật thực bắt đầu không sanh nữa, tuần tự nối tiếp nhau diệt mất theo thứ tự tuổi thọ cho đến sát na trụ của tâm thứ 17 thì sắc vật thực hoàn toàn diệt mất.

6. Sắc quý tiết duyên vật thực: Cũng cùng một phương thức với mọi trường hợp của sắc vật thực, chỉ có sai biệt là chênh lệch với nhau một sát na. Do đó, khi sắc vật thực sanh lần cuối cùng vào sát na diệt của tâm tử thì sắc quý tiết duyên vật thực sẽ sanh lần cuối cùng vào sát na tiểu được tiếp nối sau sát na diệt của tâm tử và sẽ không có sanh mới, chỉ có diệt nối tiếp nhau cho đến sát na diệt của tâm thứ 17 thì sắc này hoàn toàn diệt mất.

7. Sắc quý tiết duyên quý tiết: Như đã có đề cập đến, là sắc này được sanh từ sắc quý tiết duyên nghiệp, sắc quý tiết duyên tâm, và sắc quý

tiết duyên vật thực. Do đó, khi sắc quý tiết duyên nghiệp bắt đầu giảm xuống đầu tiên vào sát na diệt của tâm hữu phần rung động thì sắc quý tiết duyên quý tiết bắt đầu giảm xuống kể từ sát na sanh của tâm hữu phần dứt dòng với 8 tổng hợp sắc vào mỗi sát na tâm một cách liên tục.

Cho đến sát na diệt của tâm ngũ song thức lại giảm xuống 9 tổng hợp sắc chỉ duy một sát na, sau đó lại giảm xuống theo như cũ với 8 tổng hợp sắc vào mỗi sát na. Là như thế, vì khi tâm ngũ song thức khởi sanh thì sắc tâm không sanh khởi. Khi sắc tâm không sanh thì sắc quý tiết duyên tâm lại cũng không sanh theo.

Khi sắc quý tiết duyên tâm không sanh thì sắc quý tiết duyên quý tiết duy chỉ tại sát na tâm đó cũng không sanh. Cuối cùng, khi sát na diệt của tâm tử có được 91 tổng hợp sắc quý tiết duyên quý tiết, là kết quả từ nơi 24 tổng hợp sắc quý tiết duyên nghiệp, 16 tổng hợp sắc quý tiết duyên tâm, 51 tổng hợp sắc quý tiết duyên vật thực.

Hoặc theo một cách khác, là 2 tổng hợp sắc đang sanh khởi (1 tâm – 1 vật thực), 79 tổng hợp sắc đang hiện diện (16 nghiệp, 14 tâm, 49 vật thực), 10 tổng hợp sắc đang diệt (8 nghiệp, 1 tâm, 1 vật thực) và tiếp sau sát na diệt của tâm tử, thì sắc quý tiết duyên quý tiết vẫn tiếp tục sanh thêm hai sát na nữa với mỗi sát na sanh được 1 tổng hợp sắc trong khoảng thời gian bằng với sát na sanh và sát na trụ, đó là kết quả từ sắc quý tiết duyên vật thực với sắc đã sanh và đang hiện diện.

Khi tròn đủ tuổi thọ thì cũng sẽ tuần tự diệt theo thứ tự, tuy nhiên đi đến chỗ tột cùng thì sắc quý tiết duyên quý tiết vẫn tồn tại 1 tổng hợp sắc (là loại tổng hợp thuần quý tiết) cho đến khi “mahākappa – đại kiếp” sẽ tiêu hoại. Là như thế, cũng vì “vatthudhamma – duy vật pháp” tức là sắc bất giản biệt (bất ly), là sắc ngoại thường sẽ tồn tại cho suốt hết đại kiếp này.

IX. SỰ HIỆN HÀNH CỦA SẮC PHÁP VÀO SÁT NA SANH KHỞI LỘ TRÌNH CẬN TỬ Ý MÔN (XEM TRONG BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨ 9).

Sự thật của bản chính phương thứ 9 cũng là việc trình bày lặp lại của bản chính phương thứ 8, chỉ có thay đổi là ngũ môn thành ý môn, tức là bản chính phương thứ 8 trình bày lộ trình cận tử theo lộ ngũ môn, còn bản chính phương thứ 9 thì trình bày lộ trình cận tử theo lộ ý môn.

Do vậy, tất cả những tổng hợp sắc đa số là giống nhau, có thể chỉ có sai biệt là sắc tâm. Với số lượng hiện hữu ban đầu là 17 tổng hợp sắc tại bản chính

phương thứ 8, nhưng tâm ngũ song thức khởi sanh một sát na thì ngay sát na đó sắc tâm không sanh khởi. Do đó, mới giảm xuống 1 tổng hợp và như thế cho suốt đến tâm tử.

Còn trong bản chính phương thứ 9, vì không có tâm ngũ song thức sanh khởi, do đó, sắc tâm vẫn hiện hữu 17 tổng hợp sắc từ buổi ban đầu cho đến tâm tử. Với 17 tổng hợp sắc tâm đi suốt như thế, thì sắc quý tiết duyên tâm cũng đi suốt một cách tương tự với 17 tổng hợp sắc.

Phần sắc quý tiết duyên quý tiết giảm xuống 8 tổng hợp sắc vào mỗi sát na tâm một cách liên tục, chính với phương thức này mà tại sát na diệt của tâm tử sẽ còn lại 92 tổng hợp sắc quý tiết duyên quý tiết. Còn cách diệt của từng tổng hợp cuối cùng của mỗi loại sắc sẽ hoàn toàn tương tự với thời gian đã được giải thích trong bản chính phương thứ 8, không có việc chi thay đổi.

Lại nữa, việc trình bày trong bản chính phương thứ 8 và 9 là tiếp sau tâm đồng lực lại là tâm na cảnh, một cách đơn thuần chỉ là giả thiết, không phải là thực tính như vậy. Theo thực tính sự việc thì đặc biệt với chúng sanh cõi dục giới vào lúc cận tử, là:

* Có thể có hoặc không có tâm na cảnh tiếp nối sau tâm đồng lực cũng được,

* Có thể có hoặc không có tâm hữu phần tiếp nối sau cũng được,

Không nhất định tùy theo cảnh và tâm đồng lực, tuy nhiên, tại cõi sắc giới thì nhất định không có tâm na cảnh.

Ghi chú: Sự hiện hành của lộ trình sắc pháp của hạng thấp sanh và hóa sanh cũng tương tự với phần đã được trình bày rồi vậy. Có rất ít sự sai biệt, như là sắc nghiệp của người thấp sanh và hóa sanh thì câu sanh nhau, và vào thời gian người hóa sanh mạng chung thì sắc đồng cùng diệt mất một lượt cũng như ngọn lửa tắt vậy.

Lại nữa, cũng nên hiểu biết rằng số lượng tổng hợp sắc có được trình bày một cách đặc biệt phân loại từng mỗi một tổng hợp sắc trong lộ trình sắc pháp này, cũng là để thuận tiện cho việc nghiên cứu học hỏi mà thôi. Nếu sẽ đề cập theo thực tính thì có một vài loại tổng hợp sắc thường câu sanh được mỗi lần với nhiều tổng hợp sắc vào nhau, như là tổng hợp thân thập, tổng hợp tính thập, tổng hợp mạng cửu, tổng hợp quý tiết, tổng hợp vật thực, v.v... Một cách đặc biệt là tổng hợp quý tiết khi sanh khởi có khả năng làm duyên cho sanh tiếp tục được nhiều lớp sắc quý tiết khác nữa. ■

(tiếp theo trang 23)

- Vị y chỉ sư ra đi, bảo rằng ngài sẽ ra ngoài chỉ trong một hai ngày mà thôi, và đệ tử không nhất thiết phải kiểm bất kỳ ai khác để sống phụ thuộc trong thời gian đó. Nếu sự thể xảy ra như vậy mà sự trở về của y chỉ sư bị chậm trễ, y chỉ sư phải nhắn lại cho đệ tử biết, nói rằng vị đó vẫn còn có ý định trở về. Tuy nhiên, nếu đệ tử nhận được lời nhắn từ y chỉ sư bảo rằng ngài không có ý định trở về nữa, đệ tử nên chọn ngay một vị y chỉ sư nào đó để sống phụ thuộc vào vị đó.

- Vị y chỉ sư ra đi, và vị tỳ khưu lớn tuổi trong thiền viện là người đệ tử chưa quen biết. Trong tình huống này, đệ tử được phép trong bốn năm ngày quan sát hành vi đạo đức của tỳ khưu đó (như đã nói ở trên) trước khi yêu cầu nhận sống phụ thuộc vào vị đó. Tuy nhiên, nếu đệ tử đã biết rõ vị tỳ khưu cao niên đó quá đủ và cảm thấy tin tưởng ở tư cách đạo đức của ngài, đệ tử đó có thể chọn sống phụ thuộc vào ngài kể từ ngày y chỉ sư ra đi.

Nếu đệ tử đang sống phụ thuộc vào một vị y chỉ sư nào đó, sự lệ thuộc này sẽ mất hiệu lực vì bất kỳ lý do nào trong số 6 lý do sau đây. Năm lý do đầu tiên đồng nhất với năm lý do đã nêu ở trên, mặc dù ngay cả tập Chú giải có khẳng định rằng "vị đó ra đi," là lý do đầu tiên, không chỉ áp dụng cho các tình huống trong đó vị y chỉ sư rời khỏi thiền viện nhưng cũng áp dụng với những tình huống cả đệ tử rời khỏi thiền viện nữa. Lý do thứ sáu như sau:

6. Đệ tử quay trở lại với vị y chỉ sư. Tập Chú giải giải thích điều này bằng cách nói rằng, trong thực tế việc sống phụ thuộc nguyên thủy của đệ tử vào y chỉ sư của mình luôn luôn chống lên sự lệ thuộc của đệ tử đó vào một vị bốn sư nếu đệ tử nhận ra của mình và nhận ra ngài hay nghe biết và nhận ra giọng nói của ngài – ngay cả nếu như hai người chỉ đi qua nhau trên đường phố - thời sự phụ thuộc vào vị bốn sư tự động mất hiệu lực, và sự lệ thuộc của đệ tử vào vị y chỉ sư được phục hồi nếu đệ tử quay trở lại và sống với vị bốn sư của mình, đệ tử đó phải xin được sống phụ thuộc vào bốn sư trở lại từ đầu.

Tập Giới luật Mukha phản bác biện luận của đệ tử, cho rằng "quay trở lại với vị đạo sư" nên ám chỉ đến việc đệ tử thực sự đang sống với vị y chỉ sư, hay nơi một thiền viện nào khác hay trong cùng một thiền viện mà bốn sư cũng trụ trì trong đó. Tuy nhiên, đây là một vùng trong đó có nhiều tăng chúng khác nhau lại có cách giải thích khác nhau, và cách giải quyết khôn ngoan chính là theo cách giải thích của Tăng chúng, trong đó chúng ta đang sinh sống (còn tiếp). ■



Bức tranh vẽ đức vua Trần Nhân Tông

TIỂU SỬ ĐỨC ĐIỀU NGỰ GIÁC HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG

Sơ Tổ Thiền Phái Trúc Lâm Việt Nam (1258 - 1308)

Theo giaohoi.phatgiaovietnam.vn

Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông, tên húy là Trần Khâm, sinh ngày 07/12/1258 (11/11/Mậu Ngọ), con trưởng của Vua Trần Thánh Tông và Hoàng Thái hậu Nguyên Thánh. Thân hình Ngài có những đặc điểm khác thường, nhất là có màu vàng, nên được vua cha đặt cho biệt hiệu là Phật kim.

Lớn lên, năm 16 tuổi (1274), Ngài được lập làm Đông cung Thái tử và cùng năm Ngài kết duyên với công chúa Quyên Thánh, trưởng nữ Hưng Đạo Đại Vương. Vua Trần Thánh Tông đã mời các bậc lão thông Nho giáo, Tứ thư, Ngũ kinh để dạy cho Ngài như Lê Phụ Trần, Nguyễn Thánh Huân, Nguyễn Sĩ Cối v.v... tất cả đều hết lòng dạy dỗ. Chính Vua cha cũng đã soạn Di huấn lục để dạy dỗ cho Thái tử cách xử thế, chuẩn bị nổi nghiệp sau này.

Về Phật pháp, Ngài học đạo với Tuệ Trung Thượng Sĩ, được Thượng Sĩ hết lòng hướng dẫn và trao đổi những yếu nghĩa Thiền tông. Ngài tâm đắc nhất là câu: "Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha đắc" (Quan sát lại chính mình đó là bốn phận, không do người khác làm được) và tôn thờ Tuệ Trung Thượng sĩ làm Thầy. Ngài thường tới lui chùa Tư Phúc trong kinh thành để tụng kinh, tọa thiền, lễ bái Tam bảo.

Năm 21 tuổi (1279), Ngài được Trần Thánh Tông truyền ngôi, trị vì thiên hạ Đại Việt, lấy đức trị vì, dân chúng an cư lạc nghiệp, lấy niên hiệu là Thiệu Bảo.

Trước thảm họa ngoại xâm, quân Nguyên - Mông

chuẩn bị xâm chiếm nước Nam. Năm 1282, Ngài chủ trì Hội nghị Bình Than để lấy ý kiến toàn dân trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Năm 1284, trước khi cuộc chiến tranh diễn ra, Ngài chủ trì Hội nghị Diên Hồng, lấy ý kiến các vị Bô lão, những người đứng đầu các Bộ lạc. Toàn thể hội nghị già trẻ, gái trai đều một lòng tung hô quyết chiến.

Năm 1285, với tinh thần bảo vệ dân tộc, Tổ quốc của toàn dân, Ngài đã lãnh đạo và chiến thắng cuộc xâm lăng Nguyên - Mông lần thứ nhất.

Với ý đồ bành trướng Phương Nam, tiến chiếm Chiêm Thành, làm bàn đạp thôn tính Đại Việt, Trần Nhân Tông lại một lần nữa lãnh đạo cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, với sự quyết tâm chiến thắng của toàn quân, toàn dân, Ngài đã chiến thắng quân Nguyên - Mông lần thứ hai năm 1288. Cảm hứng trước sự chiến thắng của dân tộc, Ngài đã làm hai câu thơ lưu lại:

*"Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
Non sông muôn thuở vững âu vàng"
(Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu).*

Sau khi đất nước thanh bình, dân chúng an cư lạc nghiệp, Ngài đã củng cố triều đình, phủ dụ, đoàn kết toàn dân, xây dựng và phát triển đất nước trong thời hậu chiến. Với mục đích chủ hòa, Ngài đã bỏ qua những lỗi lầm đã có của quần thần cũng như thân tộc.

Năm 41 tuổi (1293), Ngài nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông lên làm Thái Thượng Hoàng.

Năm 1294, Ngài cầm quân sang chinh phạt Ai



Tượng ngọc Phật hoàng Trần Nhân Tông

Lao, giữ yên bờ cõi và làm cho nước Triệu Voi tiếp tục thần phục Đại Việt.

Sau khi chinh phạt Ai Lao, Ngài trở về Hành cung Vũ Lâm – Ninh Bình, cầu Quốc sư Huệ Tuệ làm lễ xuất gia, tập sự tu hành tại đây một thời gian.

Năm 1299, Ngài quyết tâm trở lại thăm Kinh sư lần cuối, rồi đi thẳng lên núi Yên Tử - Quảng Ninh quyết chí tu hành, tham thiền nhập định, lấy tên là "Hương Vân Đại Đầu Đà" và độ Đồng Kiên Cương làm đệ tử và ban pháp hiệu là Pháp Loa.

Năm 1301, Ngài hạ san, đi thăm hữu nghị đất nước Chiêm Thành và nghiên cứu về tôn giáo, tạo lập mối quan hệ hợp tác, hòa bình, hữu nghị với các nước lân bang. Trở về chùa Phổ Minh phủ Thiên Trường giảng kinh, thuyết pháp, mở Hội đại thí vô lượng cho nhân dân.

Năm 1304, Ngài chống gậy trúc đi dạo khắp nước Đại Việt, khuyến khích muôn dân giữ năm giới, tu hành Thập thiện, dẹp bỏ những nơi thờ cúng không đúng Chính pháp, loại bỏ những điều mê tín dị đoan v.v... Ngài đến Bồ Chánh – Quảng Bình lập am Tri Kiến và lưu lại đây một thời gian. Sau đó, được Vua Trần Anh Tông thỉnh vào nội cung để truyền giới Bồ

tát cho bá quan văn võ, quần thần.

Sau chuyến thăm hữu nghị Chiêm Thành năm 1301, Ngài có hứa đính hôn Công chúa Huyền Trân cho Vua Chiêm là Chế Mân. Năm 1305, Vua Chiêm Thành sai Chế Bồ Đài và phái đoàn ngoại giao mang vàng, bạc... sính lễ cầu hôn. Đến năm 1306, Ngài đứng ra chứng minh hôn lễ giữa Công chúa Huyền Trân và Chế Mân – Vua Chiêm Thành.

Trước thành quả ngoại giao hôn phối ấy, Vua Chiêm đã dâng hai quận Châu Ô, Châu Rí cho Đại Việt làm quà sính lễ. Đây chính là điều kiện giúp cho Đại Việt mở rộng bờ cõi về phương Nam là Thuận Hóa (Huế).

Năm 1307, Ngài truyền Y Bát lại cho Tôn giả Pháp Loa, lên làm Sơ tổ Trúc Lâm và Pháp Loa là Tổ thứ hai của Thiền phái Trúc Lâm. Trong thời gian đó, Ngài thường lui tới chùa Báo Ân Siêu Loại, Sùng Nghiêm Hối Dương, Vĩnh Nghiêm Lạng Giang, chùa Từ Lâm, chùa Quỳnh Lâm Đông Triều để giảng kinh, thuyết pháp và chứng minh các Lễ hội...

Sau khi truyền Y Bát cho Tôn giả Pháp Loa, Ngài tập trung biên soạn Kinh sách và Ngũ lục. Qua đó, Ngài đã để lại cho đàn hậu học một số tài liệu vô cùng quý báu như: Trần Nhân Tông thi tập, Đại Hương Hải Ấn thi tập, Tăng Già Toái Sự, Thạch Thất Mỵ Ngũ, Trung hưng Thực Lục, Truyền Đăng Lục v.v....

Trước khi nhập diệt, Ngài đã để lại bài kệ Pháp Thân Thường Trụ qua sự trả lời cho thị giả hầu cận bên Ngài là Bảo Sát: "Tất cả pháp không sanh. Tất cả pháp không diệt. Ai hiểu được như vậy. Thì chư Phật hiện tiền. Nào có đến có đi" (Nhất thiết pháp bất sanh. Nhất thiết pháp bất diệt. Nhược năng như thị giải. Chư Phật thường tại tiền. Hà khứ lai chi hữu).

Theo sử cũ, Ngài xả báo an tường, thân thần thị tịch ngày 01/11/ năm Mậu Thân (1308). Thọ thế 51 năm tại am Ngọa Vân – Đông Triều – Quảng Ninh. Vua Trần Anh Tông cung thỉnh nhục thân Ngài về kinh đô Thăng Long cử hành Quốc tang trong thời gian hai tuần. Sau đó, Vua quan, quần thần, văn võ bá quan, đệ tử Pháp Loa, Bảo Sát và chúng Tăng trong nước cử hành Lễ Trà tỳ.

Sau khi thu nhật Xá lợi, Xá lợi được chia làm hai phần, một phần xây tháp thờ ở Lăng Quý Đức phủ Long Hưng – Thái Bình; một phần xây tháp tôn thờ tại chùa Vân Yên – Yên Tử, Quảng Ninh, lấy hiệu là Huệ Quang Kim Tháp, dâng Thánh hiệu: Đại Thánh Trần Triều, Trúc Lâm Đầu Đà, Tịnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Phật Tổ. ■

Câu chuyện về Môtip Rì-a-hu ở chùa Phật Khmer

Huỳnh Thanh Bình

1. Chùa Khmer luôn thật đặc trưng với chóp mái vút cong, tầng mái trùng điệp, mấp mô trên nền trời, lấp ló giữa những tán cây, và cả những hoa văn trang trí cầu kỳ chen đặc từ ngoài vào trong chùa... nhưng tôi cứ ấn tượng mãi hình tượng con quỷ dữ tợn, hai tay giữ lấy vật tròn lớn cố nhét vào miệng ngấu nghiến trên hầu hết cổng và cửa chùa. Cái ấn tượng đeo đuổi không thôi là cái khuôn mặt dữ dằn ấy được tạo tác mỗi nơi một kiểu có hình tướng đa dạng, màu sắc cực kỳ phong phú... Đó là cái gì?

Về sau ông Acha ở chùa Dơi nói cho tôi biết đó là chằn Rì-a-hu, nhân vật chủ chốt của câu chuyện thần kỳ giải thích về hiện tượng nhật thực và nguyệt thực⁽¹⁾ của người Khmer. Sự tích thần kỳ này được ông kể như sau:

Ngày xưa, gia đình nọ có ba anh em trai. Hôm nào ba anh em cũng dành phần cơm đặt bát cho các nhà sư khất thực. Một hôm, hai người anh bảo người em út nấu cơm, nhưng vì củi bị mưa ướt nên người em út nhóm mãi lửa không cháy được. Đến khi đoàn các vị khất thực ngang nhà mà cơm vẫn chưa chín.

Không có cơm để đặt bát cho các tu sĩ, hai người anh giận lắm, quát mắng và lấy vạ xúc cơm đánh vào đầu người em út. Người em út bị các anh đánh, tủi thân bỏ ra bờ con sông lớn sau nhà ngồi khóc. Nhìn nước sông chảy xiết, người em út nguyện kiếp sau được hóa thành người có sức mạnh như dòng nước chảy để không ai bắt nạt được mình.

Hai người anh thấy em bỏ ra bờ sông ngồi khóc bèn theo ra xem xét. Nghe em cầu nguyện như vậy, hai người anh lấy làm lo lắng, và từ đó họ luôn cầu nguyện được hóa thành những người có sức mạnh hơn dòng nước chảy để em mình không làm hại được.

Về sau, lời nguyện cầu của ba anh em nọ đều

1. Xem *Truyện dân gian Khmer*, Huỳnh Ngọc Trảng sưu tầm và biên soạn, Hội Văn học nghệ thuật Cửu Long xuất bản, 1987.



được toại nguyện: Người anh cả được hóa kiếp thành Pờ-rặc A-tít, tức là mặt trời, người anh thứ hóa kiếp thành Pờ-rặc Chanh tức là mặt trăng, và người em út hóa thành Rì-a-hu, một người to lớn, mặt mũi nhăn nhó, xấu xí, có sức mạnh vô địch, không ai có thể ngăn cản, chống chọi lại nổi.

Vốn có thâm thù với hai anh từ kiếp trước, Rì-a-hu thường chặn bắt mặt trời và mặt trăng "nuốt" vào bụng để trả thù. Lúc đó, trời đất bị mờ đi, hay tối hẳn lại. Thần Pờ-rặc In, vị thần cai quản vũ trụ, thấy vậy bèn dạy cho Pờ-rặc A-tít và Pờ-rặc Chanh hai bài thần chú gọi là Sô bờ-rích/kinh Mặt Trời, và Chanh bờ-rích/kinh Mặt Trăng để mặt trời và mặt trăng đọc khi lâm nạn, buộc Rì-a-hu phải nhả mình ra. Do vậy, Rì-a-hu chỉ "nuốt" mặt trời và mặt trăng được một lát, thì buộc phải "nhả" ra: Trời đất lại được sáng sủa như trước.

Rì-a-hu ý mình to lớn, có sức mạnh, nên rất kiêu ngạo: tự cho mình là người vô địch trong vũ trụ và nghe ở đâu có một người phi phạm thì tìm đến để... đòi tỷ thí.

Một hôm, nghe vợ nói Phật Cồ Đàm là người lớn nhất thế gian, Rì-a-hu liền cõng vợ, bảo vợ chỉ đường đến gặp bằng được Phật Cồ Đàm. Đức Phật có phép thần thông biết Rì-a-hu đến tìm mình, liền làm phép biến ngôi chánh điện của mình đang ở nhỏ lại. Rì-a-hu bay đến nơi, thấy ngôi chánh điện nhỏ xíu, chỉ bằng nắm tay của mình, thì tự đắc bảo với vợ là mình có thể bóp nát ngôi chánh điện ấy một cách dễ dàng. Nhưng lạ thay, khi Rì-a-hu cõng vợ, lách mình qua cửa, thì lọt vào bên trong ngôi chánh điện không bị vướng mắc gì cả.

Rì-a-hu càng ngạc nhiên hơn khi thấy bên trong ngôi chánh điện rộng thênh thang và Phật Cồ Đàm mình đắp chiếc y vàng, dáng cao to như quả núi. Chưa kịp định thần. Rì-a-hu liền cất tiếng hỏi:

- Trong vũ trụ có phải ông là người lớn nhất không?

Phật Cồ Đàm đáp:

- Trong vũ trụ này không ai lớn hơn thần Ma-ha Pờ-rum/Đại Phạm Thiên.

Nghe nói vậy, Rì-a-hu một mực nài Phật Cồ Đàm đưa mình đến gặp thần Ma-ha Pờ-rum ngay. Phật bằng lòng, bảo Rì-a-hu bám vào chéo y của mình, để đưa lên thượng giới gặp Ma-ha Pờ-rum.

Ma-ha Pờ-rum thấy Phật đến, vội đem cơm đặt bát cho Phật. Khi đặt cơm vào bát, thần Ma-ha Pờ-rum thấy Rì-a-hu ở chéo y của Phật, liền hỏi.

- Bạch đấng Thế Tôn! Sao Ngài để con rệp đu ở chéo y Ngài thế này?

Ma-ha Pờ-rum vừa nói, vừa bắt Rì-a-hu bỏ lên bàn tay mình đưa cho Đức Phật xem. Rì-a-hu thấy thần Ma-ha Pờ-rum to lớn quá, sợ hãi van xin tha lỗi luôn miệng. Nhưng vì thần Ma-ha Pờ-rum to lớn quá, nên lời van xin của Rì-a-hu không đến tai thần được. Thấy thần Ma-ha Pờ-rum không hề đoái hoài đến mình, Rì-a-hu hổ thẹn quay sang nài nỉ Phật Cồ Đàm cho mình trở về.

Trước khi ra về, Phật Cồ Đàm dặn dò Rì-a-hu không được xuống uống nước trường sinh ở hồ thiêng A-nô-ti. Nhưng vì đường xa, Rì-a-hu khát nước khô cả cổ nên khi đến hồ thiêng A-nô-ti, hấn đánh bạo xuống hồ uống nước. Bất ngờ, Rì-a-hu bị thần giữ hồ Kom-phôn-lác thổi luồng gió thiêng Cầm-ma-viết (luồng gió nghiệp báo) cắt đứt đôi Rì-a-hu ngang ngực. Rì-a-hu hốt hoảng bỏ nửa phần dưới thân người lại dưới hồ. Còn nửa phần trên, nhờ uống nước trường sinh nên còn sống, vội vã bay vút đi. Rì-a-hu bay đến đâu gây mưa bão, cuồng phong đến đó.

Do vậy, mỗi khi có gió to, đồng bào Khmer Nam bộ gõ thùng, gõ mõ... gây tiếng động, hoặc cầm dao và la lớn: "Tránh ra! Tránh ra!" cốt để xua Rì-a-hu đi nơi khác, khỏi gây thiệt hại cho ruộng vườn và nhà cửa.

Từ khi biết Rì-a-hu liên quan đến nhật thực và nguyệt thực, tôi dò hỏi thì người Khmer nào cũng rành câu chuyện thần kỳ này, nhưng mỗi người kể mỗi khác đi một vài chi tiết. Song qua đó cũng thấy rõ rằng Rì-a-hu liên quan đến mùa vụ nông nghiệp nên việc đánh trống, gõ mõ khi Rì-a-hu nuốt mặt trời, mặt trăng là tập quán lâu đời.

2. Truy cứu thêm, chúng ta bắt gặp mô típ chuyện Rì-a-hu phần nào tương tự với nhân vật Rahu trong thần thoại Khuấy biển sữa⁽²⁾ của Ấn Độ cổ đại:

2. Classical dictionary of Hindu mythology and religion, geography, history, and literature, John Dowson, Rupa & Co, 2004.
- Myths and legends of India, J. M. Macfie, Rupa & Co, 1998.

"Vì In-đra làm mất lòng đạo sĩ Đuyếc-va-sa, nên đạo sĩ đã phù chú làm cho tất cả các thần linh bị mất phép thiêng và kiệt sức. Quỷ Ba-li là vua của các loài quỷ a-su-ra kéo đến đánh các thần. Nhưng vì kiệt sức, các thần đã bị thua, cầu cứu thần Visnu. Visnu mách bảo phải kiếm được vị thuốc trường sinh ở dưới đáy biển sữa để các thần uống thì các thần mới phục hồi được sức lực. Nghe đến việc tìm thuốc trường sinh, thần và quỷ đều vui mừng nên thần và quỷ tạm hòa với nhau để cùng khuấy biển sữa tìm thuốc trường sinh.

Các thần nhổ núi Man-đa-ra (tức núi Mê-ru, tên gọi thần thánh của núi Hi-ma-lay-a) làm trụ trời để khuấy biển sữa.

Con rắn thần khổng lồ Va-su-ki (một biến thái của rắn thần Sê-sa) được dùng làm dây kéo, cuộn vào cột núi Mê-ru để thần nắm một bên và quỷ nắm một bên, thi nhau kéo để xoay chuyển núi, khuấy biển sữa dậy sóng sùng sục.

Bị khuấy động mạnh, núi Mê-ru càng lún sâu xuống biển nên không xoay chuyển được, Visnu bèn hóa thành một con rùa khổng lồ, lặn xuống đáy biển, lấy mai làm trụ đỡ núi và việc khuấy biển lại tiến hành thuận lợi.

Mặt biển sữa bị khuấy động, lần lượt nổi lên những báu vật trước kia bị chìm xuống đáy sâu... và cuối cùng là thầy thuốc Đan-van-ta-ri với chén thuốc trường sinh am-ri-ta. Thấy vậy, thần và quỷ cùng xô lại, tranh nhau uống thuốc. Visnu bèn hóa phép thành nàng Mô-hi-ni xinh đẹp, lẳng lơ kéo lũ quỷ háo sắc sang một bên, rồi đưa thuốc trường sinh cho các vị thần nên lấy lại được sức lực. Khi đó, một con quỷ tên là Rahu đã lén đứng vào hàng ngũ các thần để được uống thuốc trường sinh. Khi Rahu vừa uống xong, thì nó bị thần Mặt Trời và thần Mặt Trăng phát hiện báo cho Visnu. Visnu đã chặt đứt thân hình Rahu thành hai mảnh. Tuy vậy, do đã được uống thuốc trường sinh, hai mảnh đó của quỷ vẫn sống và biến thành hai vì sao là Rahu và Ketu. Để trả thù kẻ đã tố cáo mình, Rahu luôn tìm cách bắt nuốt Mặt Trời, Mặt Trăng. Việc này đã tạo nên hiện tượng nhật thực, nguyệt thực...".

Câu chuyện về Rahu như trên cũng được đề cập trong kinh sách Pali: Samyutta Nikaya. Trong Candima Sutta và Suriya Sutta, Rahu tấn công Chandra - thần Mặt Trăng và Suriya - thần Mặt Trời. Khi đó, Đức Phật đã buộc Rahu phải nhả họ ra. Đoạn thơ được kể lại bởi hai thiên thần và về sau được kết hợp vào nghi lễ Phật giáo: các nhà sư đã tụng đoạn kinh này để cầu xin sự bảo vệ. Như vậy, câu chuyện từ thần thoại Bà-la-môn đã được Phật giáo tiếp biến từ lâu đời và từ đó lưu truyền vào cộng đồng Phật

giáo Tiểu thừa Khmer.

3. Truy cứu những cứ liệu khác nhau, chúng ta thấy không có sự thống nhất hoàn toàn về hình dạng của Rahu trong các khu vực văn hóa khác nhau.

Theo thần thoại Hindu, Rahu là một con quỷ bán thân, thường bắt nuốt mặt trời/mặt trăng gây ra nhật thực/nguyệt thực. Puranas miêu tả Rahu với hình tượng bán thân, xuất thân của sư tử cái, giống rắn, có cơ thể khổng lồ và sức mạnh phi thường. Trong nghệ thuật, Rahu lại được mô tả như một con rắn không có phần thân dưới cưỡi trên chiếc xe được kéo bởi tám con ngựa đen. Rahu là một trong chín hành tinh (navagrahas) trong chiêm tinh học Vệ Đà. Thời gian trong ngày dưới ảnh hưởng của Rahu (Rahu kala) được coi là điềm xấu.

Đặc biệt, trong truyền thống Phật giáo Tây Tạng, Rahu (La Hầu La) được coi là đã bị chinh phục bởi Padmasambhava, trở thành một trong những người bảo vệ nguyên tắc của các giáo lý Dzogchen, đặc biệt là Nyingthik Longchen. Rahu thường được miêu tả với chín cái đầu và một nghìn con mắt trên khắp cơ thể màu đen của mình. Bốn cánh tay với các vật gồm cây cung, mũi tên, dây thòng lọng và ngọn cờ chiến thắng. Rahu xuất hiện với phần nộ tướng, rực cháy với những tia lửa, và phần dưới cơ thể được thể hiện dưới hình thức của một con rắn. La Hầu La là một vị thần to lớn siêu phàm.

Trong Attha Katha, thậm chí cả trong Tim Nidai và Sungyatta Nikai có mô tả kích thước của Phra Rahu: cao 4,800yoch, ngực rộng 1,200yoch, trán rộng 50yoch, và mũi dài 30yoch (yoch là đơn vị đo chiều dài của Thái, 1yoch bằng 16km). Còn trong Triphum Katha, kích thước Phra Rahu có khác: cao 98,000yoch, vòng đầu dài 26,000 yoch, trán rộng 300yoch, vòng mũi 300yoch, khoảng cách giữa mắt và lông mày là 90yoch, lông mày dài 200yoch, miệng rộng 200yoch và sâu 300yoch. Lòng bàn tay rộng 200yoch, bàn tay và lông chân dài 30yoch.

4. Rahu ngoài ảnh hưởng đến nghệ thuật tạo hình còn là một đối tượng quan trọng của ngành chiêm tinh. Rahu được tin rằng là đứa con nghịch ngợm và lớn mạnh của Maya (sức mạnh siêu nhiên) và vì vậy có rất nhiều tính chất hai mặt gắn liền với siêu nhiên Maya. Đó là sự liên hệ đến 7 tia năng lượng chiêm tinh bí truyền như là vật biểu trưng cho sức mạnh biểu lộ các tiềm năng, khả năng nội tại của sự sống.

Trong kinh Vệ Đà, Rahu có nhiều tên gọi: Vua của loài quỷ, luôn giận giữ, kẻ áp bức, kẻ thù của ánh sáng: mặt trăng/mặt trời, chúa tể của ảo giác, kẻ đe dọa mặt trời, làm lu mờ mặt trăng, sứ giả hòa bình,

sự bất tử (do uống rượu thiêng), ban cho sự thịnh vượng, giàu có và tri thức tối thượng - đầu mối của nguồn năng lượng cơ bản và thuộc tính vật tượng trưng.

Rahu có thể được xem là chương quản các hành tinh, vì nó vận hành có chu trình và mục đích. Nó là chủ của sự vận động.

Theo thiên văn học, Rahu và Ketu biểu thị hai điểm giao nhau trên đường đi của mặt trời và mặt trăng khi chúng di chuyển trên bầu trời. Vì vậy, Rahu và Ketu được gọi là giao điểm/điểm nút phía Bắc và phía Nam mặt trăng. Thực tế đó dẫn đến việc che khuất mặt trời và mặt trăng làm phát sinh thần thoại nuốt mặt trời.

Trong chiêm tinh học Vệ Đà, Rahu được xem như là một a-tu-la/asura, nó kiểm soát sự hỗn loạn, sự bí ẩn và xấu xa trong hầu hết các lĩnh vực của cuộc sống. Nó liên quan đến thế giới vật chất hiện hữu và dục vọng thế gian, cũng như sự ngẫu nhiên, phát triển vượt tầm kiểm soát do không hiểu biết hay vô ý.

Rahu đóng vai trò quan trọng liên quan đến sự tổn hại. Tuy nhiên, Rahu cũng mang đến tiếng tăm, may mắn, uy tín và quyền lực. Đó là lý do tại sao các nhà chiêm tinh học phương Tây kính trọng nó như là sức mạnh có lợi ích to lớn nhất.

Chiêm tinh học Thái Lan cho rằng, Phra Rahu được cấu thành bởi 12 cái đầu ma trời với 12 sức mạnh của gió hay thần bão. Rahu sống trong lâu đài đen. Rahu có cơ thể bằng đồng thiếc và mặc trang phục vàng. Rahu thường sống trong những đám mây và sương mù, cư ngụ phía Tây.

Trong truyền thuyết chiêm tinh khác của Thái, Phra Rahu là ngôi sao của gió, sống ở Đông bắc và kết bạn với sao Thổ. Rahu cũng là cặp cân bằng quyền lực với mặt trăng.

Biểu tượng của Rahu là con số 8, nó được tin rằng là sức mạnh khởi nguyên mọi thứ trên trái đất.

Như vậy, Rahu là bậc thầy huyền thoại của mưu mẹo gian dối, biểu thị của kẻ lừa bịp, kẻ kiếm tìm lạc thú, người điều hành những vùng đất bên ngoài, người buôn bán thuốc, chất độc, sự không thành thật và hành vi vô đạo đức. Đó là biểu thị của kẻ vô tôn giáo, kẻ bị cộng đồng ruồng bỏ; là kẻ lố mắng, cọc cằn, bất chấp nghĩa lý, những ý nghĩa sai lầm, sự không rõ ràng, lở loét bụng và xương, và sự di cư. Rahu là công cụ tăng cường sức mạnh của một người thậm chí có thể chuyển thù thành bạn. Trong Phật giáo, Rahu là một trong những Krodhadevatas (hung thần, kích động tham dục).

5. Rahu gắn với tín ngưỡng nhật thực/nguyệt thực. Trong lịch sử, nhật thực được xem như là xấu xa và điềm rủi ro.

Những nền văn hóa sớm nhất cho thấy mặt trời ban cho con người sự sống liên tục, không bao giờ chấm dứt. Vì vậy, cái gì có thể phá hủy mặt trời đương nhiên được liệt vào điềm xấu. Mặc cho những nhận thức khoa học đúng đắn về hiện tượng tự nhiên trong xã hội đương thời, người dân vẫn tiếp tục đánh trống, chiêng, thùng chầu và xoong chảo hoặc bắn pháo sáng vào bầu trời hay ẩn nấp trong nhà. Thậm chí có sự liên kết hiện tượng Rahu ăn mặt trời với tai họa, với chiến tranh, lũ lụt, đói kém, đến sự chuyển biến chính trị và điềm rủi của cá nhân.

Ở Ấn Độ, trong suốt thời gian nhật thực, nguyệt thực, thức ăn không được ăn cũng không được nấu. Nhiều tín ngưỡng cho rằng khi tia nắng mặt trời không chạm vào quả đất, vi trùng và mầm bệnh tăng lên. Tất cả những món ăn đã nấu trước nhật thực/nguyệt thực vì vậy phải vứt đi. Người Ấn Độ ngâm mình trong nước lên đến cổ để tẩy rửa. Họ tin rằng việc thực hành nghi lễ thờ cúng sẽ giúp mặt trời đánh bại quái thú Rahu ngấu nghiến mặt trời. Phụ nữ mang thai không được cắt và may vá trong suốt thời gian nhật, nguyệt thực vì điều này sẽ làm cho đứa trẻ sắp sinh bị dị hình.

6. Tín ngưỡng về Rahu bao gồm tín lý trừ tai lẩn cầu khẩn. Đặc biệt, lễ vật cúng Rahu - vị thần của bóng tối, nên lễ vật cúng Rahu là những vật phẩm màu đen. Khi cúng, dân chúng thường bày biện 8 món (8 là con số của Rahu) không giống nhau. Những vật cúng có thể là mì sợi nhuộm đen, thạch đen, cà phê đen, nước ngọt coke, rượu nếp than (đen), gà ác, trứng bắc thảo, xôi nếp than, các loại bánh màu đen... Ngoài ra, người dân còn dâng cúng hoa màu đen, đu đủ đen và đèn cầy đen.

Ở Thái Lan, những vật cúng như trên cũng là vật cầu may mắn, tránh điềm rủi ro trong suốt năm có nhật thực, nguyệt thực.

Ở Ấn Độ, đền Naganatha (ở Thirunageswaram, Tamil Nadu) là một ngôi đền dành riêng cho Rahu. Thờ cúng Rahu, nơi đây mỗi ngày người ta dâng cúng sữa abhishekam trong suốt dịp Rahu Kalam, để xoa dịu Rahu. Sữa biến thành màu xanh da trời khi nó chảy xuống sau khi chạm vào bức tượng Rahu. Tín ngưỡng này đã được thực hành trên 1.500 năm.

Rahu cũng được thờ cùng với 9 tinh tú khác trong tất cả đền thờ Hindu ở Miến Điện.

Ở Thái Lan, Phra Rahu cũng được thờ khá phổ biến, tiêu biểu như điện thờ Wat Sisathong, quận Nakon Pathom...

Ngoài các tập tục thờ cúng này, còn có tục cúng sao Rahu (La-hầu) để giải hạn, niệm thần chú để nối kết các thần thánh tạo nên sức mạnh lớn để chiến thắng Rahu và vẽ bùa yểm chú "Pra Rahu" để hộ mệnh. Truyền thuyết Pra Rahu cho rằng "Pra Rahu" đã được tạo bởi hai ẩn sĩ. Họ đã vẽ bùa và thuật chú để thiêng hóa bùa hộ mạng "Pra Rahu". Một ẩn sĩ vẽ bùa và thuật chú về Suriyabuppa (giai đoạn nhật thực) để thiêng hóa việc Pra Rahu chiếm lấy mặt trời trong miệng của hắn. Ẩn sĩ kia cũng vẽ bùa và thuật chú về Chandrabuppa (giai đoạn nguyệt thực) để thiêng hóa Pra Rahu chiếm lấy mặt trăng trong miệng của hắn. Cả hai làm điều này bởi họ thấy trước tương lai đầy hiểm nguy và đau khổ của con người vì tai họa do Rahu gây ra. Bùa hộ mạng "Pra Rahu" sẽ giúp con người thoát khỏi điều đó. Để thiêng hóa bùa hộ mạng Pra Rahu, nó cần trải qua 8 tiết/ 8 giai đoạn linh thiêng.

Bùa hộ mạng "Pra Rahu" được làm từ một con mắt trên vỏ dừa rất khó để tìm thấy. Do vỏ trái dừa có 3 lỗ trên đỉnh, một trong số đó là lỗ để nảy mầm và hai lỗ còn lại là mắt. Nhưng một con mắt trên vỏ dừa sẽ lấy một cái lỗ để nảy mầm và chỉ còn lại duy nhất một mắt. Chính đặc tính đặc biệt đó mà vỏ dừa được xem là vật làm nên sức mạnh của bùa hộ mạng. Mặc dù vỏ dừa không được thiêng hóa nhưng người ta cho nó chứa đựng sức mạnh của siêu nhiên. Phải chăng đó là hình thức khởi nguyên của việc dùng đồ án Rahu/Ria-hu để trang trí trên cổng, cửa chùa Khmer, cũng như chùa tháp các quốc gia Phật giáo Tiểu thừa. Ở các xứ sở đó, ngoài việc dùng đồ án Rahu để trấn cửa chùa tháp, còn có những Phật thoại chỉ ra rằng bất cứ ai, dù là kẻ có sức mạnh vô biên, có thể ăn sống nuốt tươi mặt trời, mặt trăng thì chính nó cũng không thoát khỏi luồng gió nghiệp báo "Cầm-ma-viết" (karma-vayu) do chính sự ngã mạn của nó trừng trị. ■



Môtip Rì-a-hu phía trên cửa xe tang chùa Luông Ba-sac, Sóc Trăng

Nhân dịp quan hệ nghiên cứu cổ vật và chữ cổ Ấn Độ tại tư gia Nhà nghiên cứu Trần Hữu Phước – nguyên Phó trưởng ban Thường trực Ban chỉ đạo xây dựng khu di tích lịch sử cách mạng miền Nam qua việc thẩm định Minh Văn trong tấm bản đồ vẽ trên da thú của ông, tôi hết sức vui mừng phát hiện một bức tranh hoành tráng lớn bằng kim loại nặng bốn người khiêng treo trên tường bên cạnh. Đây là một di vật khảo cổ có liên quan đến việc du nhập và truyền bá tư tưởng Phật giáo ở vùng đồng bằng Châu Thổ sông Cửu Long thời cổ đại.

Bức tranh hoành tráng này, ông Trần Hữu Phước sưu tầm được tại khu vực núi rừng “Thất Sơn”, thuộc địa phận tứ giác Long Xuyên. Trong dân gian gọi đây là vùng bảy núi: Núi Trà Sứ, núi Két, núi Đội Bà Om, núi Cấm, núi Dài, núi Tượng và núi Cô Tô. Trên bức tranh này có các hình phù điêu miêu tả cảnh du ngoạn của Bồ Tát Sĩ Đạt Ta. Ngài ngồi trên xa giá với Xa Nặc rời khỏi hoàng cung để đi thị sát ngoài cảnh dân gian. Ngài chứng kiến bốn cảnh khổ: sinh, lão, bệnh, tử và người xuất gia. Bên trên và phía dưới tranh có khắc hai hàng chữ cổ Sanskrit và Pali đan xen, đây là loại hình chữ viết Brahmi gốc Ấn Độ.

Phiên âm và dịch nghĩa hai hàng chữ trên như sau:

Dịch nghĩa:

Mathita > Matheti: mentally unbalanced set: tâm trạng mất thăng bằng - rối trí.

Trida: cleave: trung thành với nguyên tắc.

Phalapā (Ka): The fulfilment of consequences: Làm thỏa mãn.

Dudha > dodha: impetuous: thúc giục.

Siddhattha: Bồ Tát Sĩ Đạt Ta.

Dulayate > dura: to shake and fro, going far:

Minh Văn Bức Tranh Kim Loại Lớn

TS. Thái Văn Chải

đi xa.

Dresya > dris: viewing: trông thấy.

Sadru : perishing: người suy yếu (già) và người bệnh.

Kripa: mourn: người chết.

Golati: quellan: người ức chế tình dục (thầy tu)

Tóm tắt nghĩa Việt Ngữ:

Tình trạng rối trí bởi nguyên tắc, thúc giục Bồ Tát Sĩ Đạt Ta ra đi, trông thấy người già, bệnh, chết và tu sĩ, lòng được thỏa mãn.

Qua sự thẩm định hai hàng chữ cổ trên bức tranh hoành tráng này có điểm tương đồng với những cổ tự được khắc trên các bia ký ở vùng Trung Nam Ấn Độ (như các bia ký Gujara, Rastrakuta...), nên tôi đoán niên đại hai hàng chữ cổ này có thể vào khoảng thế kỷ thứ VII - VIII sau công nguyên. ■



TIẾN SĨ TRẦN TRỌNG DƯƠNG: Nghiên cứu chữ Nôm “Một trò chơi trí tuệ!”

Xuyên Sơn (thực hiện)
Theo Petrotimes

PV: Cho đến nay nhiều ý kiến vẫn lo lắng về sự quay lưng của giới trẻ với di sản văn hóa dân tộc. Nhưng sự xuất hiện của những người trẻ tuổi mê đắm và đi sâu vào một số lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật truyền thống... đã trở nên phổ biến hơn. Anh nghĩ thế nào về điều này? Cuộc dẫn thân của anh vào chữ Nôm thỏa mãn anh điều gì chăng?

TS. Trần Trọng Dương: Đúng là việc lo lắng về sự quay lưng của giới trẻ với di sản văn hóa, di sản dân tộc không phải là không có lý. Nhưng nguyên nhân sâu xa là ở người lớn. Di sản của chúng ta đã hao hụt, mất mát trong nhiều thập kỷ qua, lúc thì là để lật đổ phong kiến, lúc để đuổi thực dân, lúc thì để chống bành trướng phương bắc, lúc thì để hội nhập... Và dù ở thời đoạn nào đi chăng nữa thì vẫn có một số ít người đi ngược lại cái quán tính kia, để tìm về với những cái “vang bóng một thời”. Như chữ dùng của họa sĩ Phan Cẩm Thượng dành cho thư pháp gia Lê Quốc Việt - họ là những người mang nợ quá khứ.

Tôi nghĩ hiện tượng này không lấy gì làm phổ biến. Người già hoài cổ đã ít, người trẻ yêu truyền thống càng ít hơn, còn người dẫn thân thì còn ít hơn nữa. Đối với riêng tôi, chữ Nôm, đó là một công cụ để tôi tự thỏa mãn trên cỗ máy thời gian ngược về quá khứ và lịch sử của dân tộc.

Những năm qua, TS Trần Trọng Dương được biết đến như một nhà nghiên cứu trẻ mê đắm trên hành trình đánh thức chữ Nôm, một nghệ sĩ góp phần khơi lại dòng chảy thư pháp truyền thống, đồng thời tiến đến thư pháp đương đại.

Ngày 8/11, Hội Bảo tồn di sản chữ Nôm sẽ trao giải thưởng học giả trẻ yêu chữ Nôm cho Trần Trọng Dương. Chúng tôi có cuộc trò chuyện với anh.



Anh Trần Trọng Dương, Viện Nghiên cứu Hán Nôm

PV: Với anh, chữ Nôm ẩn chứa nhiều điều thú vị, hấp dẫn. Anh có thể diễn giải ngắn gọn sự thú vị này với bạn đọc?

TS. Trần Trọng Dương: Thật là khó để diễn đạt, bởi cái niềm vui “văn tự học” là niềm vui của một nhóm người trên mười đầu ngón tay. Nhưng bạn cứ thử tưởng tượng thế này, mỗi một văn bản Nôm như một hồ khảo cổ, ở đó, bạn có thể đọc được nhiều thông điệp của quá khứ, đó cũng là một cái thú. Nhưng thú hơn cả là bạn sẽ thường xuyên bắt gặp những “hiện vật lạ lùng” chưa từng ai biết đến, đó là những con chữ “chưa từng xuất hiện trong từ điển”, đó là những mật mã của quá khứ chờ bạn giải mã. Nói một cách ví von, đó là một trò chơi trí tuệ, bạn có thể “game over” bất kỳ lúc nào, nhưng nếu “phá đảo” được, thì lúc đó chỉ còn lại hân hoan bất tận.

PV: Anh có thể đưa ra một ví dụ cụ thể chăng?

TS. Trần Trọng Dương: Ví dụ như, quốc hiệu “Đại Cồ Việt” trước nay giới khoa học đều công nhận là một cái tên Nôm: “Nước Việt to cồ”, nhưng tôi đã đặt ra một giả thuyết khác. Rằng “Đại Cồ Việt” nghĩa là “nước Việt của đức Đại Cồ Đàm”. Như ta biết Đại Cồ Đàm là dịch âm từ chữ Gautama - họ của đức Phật Thích

Ca, cho nên, từ này được dùng để chỉ chung cho cả Phật giáo. Chứng cứ là các địa danh như Đại Cồ đảo, Đại Cồ sơn đều là những nơi Phật giáo phát triển và đều lưu hành câu chuyện Phật xuất hiện nơi này.

Ngoài ra, còn chứng cứ từ đời Trần qua đời liên phú của vua Trần Nhân Tông: "Vâng ơn Thánh xót mẹ cha, thờ thầy học đạo; mến đức Cồ, kiêng bùi ngọt, cầm giới ăn chay". Giả thuyết này ngay khi công bố trên tạp chí, đã được không ít nhà nghiên cứu ủng hộ.

PV: *Giới nghiên cứu đề cao chữ Nôm nhưng xã hội dường như vẫn ít biết, thậm chí có khi không đánh giá cao di sản này. Thuộc lớp nghiên cứu thế hệ mới, chắc anh không thể không nghĩ tới điều này, cũng như khó có thể bỏ qua kỳ vọng cải thiện tình hình. Theo anh, chúng ta có thể làm gì và bản thân anh có dự định gì?*

TS. Trần Trọng Dương: Quả là như thế, giới nghiên cứu ở Việt Nam là những người không có tiếng nói trong xã hội, thực ra từ lâu họ đã không còn được làm cái thiên chức định hướng xã hội nữa. Từ Nguyễn Văn Huyền cho đến Cao Xuân Hạo - những đẳng bậc ấy sau cả một cuộc đời nghiên cứu, cố vũ cho nền cổ học nước nhà, giờ cũng đã ngậm ngùi nơi chín suối.

Với tôi, chữ Nôm đã là một thứ chữ đã chết (tử văn tự). Tôi đã từng có ý nghĩ đem chữ Nôm trở lại với đời sống văn hóa của người Việt giống như người Nhật vẫn đang hiện dụng đồng thời chữ Hán, chữ Hiragana, chữ Katakana và chữ cái Latinh. Nhưng một thời gian sau, tôi thấy như thế là "chủ nghĩa dân tộc không tưởng".

Người Việt chúng ta khác quá xa so với người Nhật. Người Nhật chắt chiu từng vảy chữ, cẩn trọng ở từng mảnh vụn của quá khứ. Còn chúng ta thì đã chính thức khai tử cả hệ thống văn tự duy nhất do cha ông chúng ta sáng tạo, sử dụng trong suốt một



TS Trần Trọng Dương cùng gia đình tại buổi trao giải.



TS Trần Trọng Dương (thứ hai từ trái qua) chụp ảnh cùng những thành viên của Hội Bảo tồn di sản chữ Hán - Nôm.

nghìn năm văn hiến, giống như những việc bức tử Đền Và, chùa Trăm Gian...

Còn bạn hỏi tôi, bây giờ chúng ta phải làm gì ư? Câu trả lời của tôi là, chúng ta hãy học tập người Nhật trong việc giữ gìn chữ viết của cha ông mình. Có thể khi chúng ta tìm hiểu được chữ Nhật và văn hóa Nhật xong, chúng ta sẽ biết phải làm gì với văn hóa cha ông. Đó là thứ văn tự để chúng ta hòa nhập với thế giới khoa học và kết nối với quá khứ của dân tộc.

PV: *Đi vào con đường nghiên cứu khổ ải, lắm khi đơn độc, nghĩa là cũng chấp nhận nhiều thiệt thòi, thiếu thốn khác. Một người trẻ như anh phải làm gì nữa để mọi thứ có thể tạm cân bằng?*

TS. Trần Trọng Dương: Việc nghiên cứu khoa học luôn luôn là vất vả và đơn độc. Người làm khoa học thì luôn luôn cần sự đơn độc để làm việc vất vả. Bên ngành khoa học tự nhiên thì tôi không dám nói, chứ khoa học xã hội mà làm tập thể thì không làm nổi. Tôi tự thấy làm khoa học thì cần đam mê, đã đam mê thì không bao giờ thấy mệt mỏi và thiệt thòi.

PV: *Thời gian qua anh đang quan tâm đến những vấn đề gì trong lĩnh vực này và có thể lượng trước những bước đi của anh trong cõi di sản chữ Nôm rộng lớn?*

TS. Trần Trọng Dương: Tôi dự định sẽ biên soạn một cuốn từ điển từ nguyên tiếng Việt từ thế kỷ X đến thế kỷ XX qua các văn bản chữ Nôm. Đây là một công trình dài hơi, có lẽ sẽ mất 20 năm đến 40 năm, với sức làm việc của một người. Hiện tôi đã soạn xong cuốn thứ nhất là tác phẩm "Nguyễn Trãi quốc âm từ điển" và đang soạn cuốn thứ hai - "Hồng Đức quốc âm từ điển". Hai cuốn này sẽ cảm những mốc quan trọng cho tiếng Việt và chữ Nôm ở thế kỷ XV.

PV: *Xin cảm ơn anh!.* ■

Trái Lòng Từ Bi

Hoa Lang (sưu tầm)

Những câu nói từ một trái tim nhân ái và từ khối óc minh triết của những bậc đại giác:

"Sức mạnh của trẻ thơ là tiếng khóc. Sức mạnh của đàn bà là phần nộ. Sức mạnh của người ăn trộm là vũ khí. Sức mạnh của vua chúa là quyền uy. Sức mạnh của kẻ ngu là áp đảo. Sức mạnh của bậc hiền trí là cảm hóa. Sức mạnh của người đa văn là thẩm sát. Sức mạnh của sa môn là nhẫn nhục."

Bởi chúng ta không thể thay đổi được thế giới xung quanh, nên chúng ta đành phải sửa đổi chính mình, đối diện với tất cả bằng lòng từ bi và tâm trí huệ.

Ra đời hai tay trắng. Là đời trắng hai tay. Sao mãi nhất cho đầy. Túi đời như mây bay.

Thành thật đối diện với mâu thuẫn và khuyết điểm trong tâm mình, đừng lừa dối chính mình.

Sự khác biệt giữa con người là do mức tiến hóa khác nhau qua các kiếp sống. Có khi nào ta thù ghét một kẻ kém ta đâu? Suy luận rằng: "Vạn vật đồng nhất", ta sẵn sàng tha thứ cho kẻ khác, vì họ không hiểu biết, không ý thức hành động của mình, và lại họ và ta nào có khác nhau đâu. Khi ta hiểu rằng: "nhất bốn tám vạn thù", ta nhìn vạn vật như chính mình, từ loài người qua loài thú, thảo mộc, kim thạch, và ý thức rằng mọi vật đều có sự sống,

đều có Thượng đế ngự ở trong, ta sẽ cởi bỏ thành kiến, mở rộng lòng thương đến muôn loài.

Là con Phật, nếu không nói được những gì Phật nói, hãy im lặng như chánh Pháp, đừng nói những lời ác, xuyên tạc, bịa đặt, vu khống, làm tổn hại kẻ khác, nếu không làm được những gì Phật làm, hãy im lặng và lắng nghe, quán sát, học hỏi những thiện tri thức, đừng vọng động làm những điều thương tổn đến tha nhân.

Ác khẩu, mãi mãi đừng để nó thốt ra từ miệng chúng ta, cho dù người ta có xấu bao nhiêu, có ác bao nhiêu. Anh càng nguyên rửa họ, tâm anh càng bị nhiễm ô, anh hãy nghĩ, họ chính là thiện tri thức của anh.

Người mà trong tâm chứa đầy cách nghĩ và cách nhìn của mình, thì sẽ không bao giờ nghe được tiếng lòng người khác.

Khi trong tay anh nắm chặt một vật gì mà không buông xuống, thì anh chỉ có mỗi thứ ấy, nếu anh chịu buông xuống, thì anh mới có cơ hội chọn lựa những thứ khác. Nếu một người luôn khư khư với quan niệm của mình, không chịu buông xuống, thì trí huệ chỉ có thể đạt đến ở một mức độ nào đó mà thôi. ■

Cò Một Cuộc Sống

Mặc Phương Tử

Như bao cuộc sống trong sinh hoạt của con người, nhìn ra xa về phía trước là bát ngát cánh đồng Tràm (củ tràm) đang mùa trở bông trắng ngon, nơi đây có hàng ngàn con Cò xếp đôi cánh mỏng khi bóng trời chiều ngả sắc hoàng hôn.

Mỗi ngày khoảng từ 5 giờ đến 6 giờ sáng, Cò chia nhau từng đàn bay về mọi phía trời, thoát nhìn không biết chúng đi đâu, nhưng biết chắc một điều là chúng sẽ tìm đến những cánh đồng xa, những bưng đầm nhiều lau sậy, cỏ lác hoang vu để kiếm miếng ăn, rồi khi bóng chiều tàn phai chúng lại quay về nơi chỗ đã ra đi.

Như bất cứ một loài động vật nào cũng đều có khả năng bảo vệ và tăng trưởng sự sinh tồn nhất định nào đó, cũng phải đối diện với bao thử thách khó khăn, vất vả để có được cuộc sống và cũng phải đối lấy bao công sức sẵn có để tự mình tìm kiếm miếng sống cho từng ngày đi qua..

Từ hình ảnh ấy, chúng ta lại nghĩ đến xã hội con người cho dù đã tự ngàn xưa hay đến tự ngàn sau, sự đối đầu với bao nhiêu thử thách, nghiệt ngã đã và đang diễn ra mỗi lúc không ít những cảm phức, bắt nguồn từ ý niệm sinh tồn để được an vui hạnh phúc và đau khổ, sang hèn, thành công và thất bại... Không ai giống ai cùng trong một hình

thức con người, cùng dẫn thân nhập cuộc vào trong cộng đồng, tiếp xúc với bao việc đời, cũng không ngoài mục đích đầu tiên là chuyện áo cơm, nhà cửa, chút danh quyền, mọi của cải và trăm thứ lo toan, rồi yêu thương, rồi hờn giận, rồi bao nỗi vui buồn, thăng trầm lẫn lộn trải dài theo tháng năm, sớm hôm ngược xuôi dòng chảy của kiếp nhân sinh, cũng chỉ vì phục vụ đáp đổi cho chiếc thân tứ đại sinh diệt này thôi! Và nếu làm được một điều gì đó thì cũng phải ngang qua cái giá của sự trải nghiệm hay để chống chọi với bao nghiệt ngã của dòng đời, sự chi phối của thời gian, những tàn hại nhiệt nảo của bao tâm thức đồng dị với nhau từ phía con người, những cuồng nộ của thiên nhiên, tất cả đều đổ dồn về phía con người và do con người.

Trong đạo lý của Đức Phật, với cái nhìn thuần tịnh siêu nhân, bậc đạo sư không những đã hiểu được dòng chuyển động tâm thức của chúng sanh mà còn thể hiện tình thương yêu từ mạch suối nguồn tâm linh vi diệu, với nguồn mạch ấy, Đức Phật mong rằng:

*"Mong mọi loài chúng sanh
Được an lạc, an ổn
Mong họ chứng đạt được
Hạnh phúc và an lạc..*

Kinh Từ Bi, 507-145.

Với những lời tâm nguyện ấy, chúng ta thấy Đức

Phật hay đạo Phật luôn hướng đến sự sống và cuộc sống hay chính Đạo Phật là nguồn sống lành mạnh trong sáng trên mọi sự sống. Có trái lòng ra bằng những ý niệm Từ bi và bao dung, có quán sát với cái nhìn "như thật" vào trong mọi hiện tượng giới, ta mới thật sự hiểu được, lắng nghe được sự rung động tâm tư của muôn loài.

Trở lại với đàn Cò, ta thấy thường chúng có từng đàn xuôi ngược khắp chốn trời xa, khi thì đồng cạn, lúc đồng sâu, khi dãi dẫu mưa nắng, khi ấm no, khi đói khát, khi tranh giành nhau, khi chia sẻ nhau để được phần thức ăn nuôi mạng trong ngày, lại có khi bị các loài điều thú khác hay loài người đánh ngã, giết hại cướp đi mạng sống. Cảm nghĩ rằng: Cò cũng có tình thương yêu, hờn giận, ganh ghét của Cò, cũng có nỗi lo toan đói no ấm lạnh của Cò. Và cũng chính vì vậy mà Cò phải sớm chiều lặn lội kiếm ăn, chia nhau từng đàn mỗi ngày đi về mọi hướng trời, đến khi sắc nắng tàn phai, vệt chiều đỏ dài trên nương rẫy, nơi đầm ao suối đôi, thì Cò lại gọi nhau về nơi trú ẩn, xếp đôi cánh mỏng qua đêm.

Nhưng liệu rồi một ngày mai kia nơi trú ẩn có còn không và Cò lại phải tìm nơi đâu khác nữa! Khi nơi trú ẩn ấy nay đã bị tàn phá hoang vu, nhường lại cho bao sắc màu cuộc sống khác. Cò có biết đâu rằng ngày mai rồi ra sao! Bởi vì khi dòng nghiệp thức của chúng sanh chuyển động lên hoặc xuống thì duyên cảnh cũng được đổi thay theo, hoặc trong sáng tươi mát hoặc thấp kém tối tăm hơn.

Nhưng dù có tìm đâu và ở đâu, nếu là con người, sự thể hiện một đẳng cấp cao nhất qua ý thức sống giữa mọi loài (tính từ cõi người trở xuống). Điều đầu tiên, Đức Phật đã giới thiệu một nếp sống an định bằng sự chuyển hóa tâm tư thuần thiện, ẩn chứa sự an bình màu nhiệm từ phía nội tâm như :

*"Mong rằng không có ai
Lường gạt lừa dối ai
Không có ai khinh mạn
Tại bất cứ chỗ nào
Không vì hờn giận nhau
Không vì tưởng chống đối
Lại có người mong muốn
Làm đau khổ cho nhau..."*

Kinh Từ Bi, 508-148.

Nếu chúng ta trải lên cuộc sống bằng những tâm niệm chân thật, với đôi mắt đầy lòng ái kính, thì ở đây mọi tác dụng của bất thiện sẽ không có chỗ để tựa vào mà sinh sôi nảy nở, không trở thành cứ địa của ác dục, trái lại làm tăng thêm sự tươi mát thuần tịnh trong cảnh giới hiền thiện, đó là sự có mặt vô cùng lợi ích lớn lao cho sự sống của mọi loài.

Và ở đây, nếu đàn Cò kia, thì những con cò đâu đàn cũng phải biết được những hình thức quan hệ chăm lo và trật tự nhứt định trong loài Cò. Dù có bao nhiêu ngàn con hay nhiều hơn thế nữa, Cò cũng đã làm nên nếp sống thanh bình cho xứ sở, Cò cũng đã trở thành hình ảnh đầy ẩn tượng sâu xa khi cánh cò thông dong bay lã vào nhân gian qua tiếng hát câu hò, bay vào cổ tích tình yêu của con người, quê hương từ muôn thuở xa xôi. Vì thế, dù ngày mai Cò có đi đâu và ở đâu .

Chiều nay như bao chiều đã qua, sương chiều trải một màu trắng đục, phủ lên cánh đồng trầm tạo thành những gợn sóng mong manh lãng đãng trong chiều rồi hòa tan với hương trầm phảng phất đâu đây, những cây dừa nghiêng mình soi bóng dưới dòng kinh thầm lặng thảng ngày, cảnh sắc thanh bình như đọng lại bao thanh âm. Trông từng chấm, từng chấm trên nền trời chiều đang di động mỗi lúc một gần hơn, những cánh Cò trắng mỏng chao nghiêng quanh vòng như dấu hỏi rồi sà xuống những ngọn tràm đang trở trắng bông như để gởi vào hoàng hôn, vào cuộc sống. Chợt hiện cảm nghĩ trong tôi như có một niềm hoan lạc hạnh phúc nào đó của đàn Cò kia sau một ngày lặn lội, sau một chiều về nơi trú ẩn, làm tôi nhớ thêm lời kinh của Phật với ước mong:

*"Các loài hiện đang sống
Các loài sẽ được sanh
Mong mọi loài chúng sanh
Sống hạnh phúc an lạc."*

Kinh Từ Bi, 538-147. ■



Quán Vô Thường

Mặc Phương Tử

Nửa khuya
Ngồi quán vô thường
Sáng ra
Thấy trầu cành sương bên
thêm
Nghĩ đời như hạt sương đêm
Tử sinh
Như giọt nước triền miên trôi.

Dâng y chùa Xa

Hạnh Ngọc

Kỷ niệm một chuyến dâng y tập thể
tại Hà Tiên 02/12/2012

Biển chiều mây xám mệnh mông,
Nước mây hợp nhất xa trông bóng thuyền.
Bao nhiêu lo lắng ưu phiền,
Thấy đều trút bỏ nơi miền xa xăm.
Dâng y tập thể bốc thăm,
Phước lành gieo tạo ngàn năm hưởng nhàn.
Thiện nam tín nữ các hàng,
Mũi Nai lễ hội y vàng về đây.
Phước duyên đã tạo kiếp này,
Đời sau hưởng quả vui vầy cùng nhau.
Dọn lòng trong sạch thanh cao,
Tâm từ tỏa sáng đón chào Như Lai.

Quay Về

Hiên Khánh (Hoa Huệ)

Đất trời mây nước trắng sao
Gió gào mưa bão thương đau bể tràn
Biết rằng nhân quả trở sanh
Sóng đầu gió ngọn bao quanh lưới trời
Thiên nhiên định luật không lời
Chúng sanh mắc phải tơ bời khổ đau
Vận hành chân lý xa cao
Hành tinh bé nhỏ tiêu hao tinh thần
Thương người thác chẳng toàn thân
Hướng chi vạn vật vô thần còn đâu?
Ai người thức trắng đêm đầu
Mách đàn con Phật quay đầu Thánh Tiên
Say mê ngũ dục triền miên
Trầm ngâm bể khổ đảo điên luân hồi
Mau về cõi Phật người ơi!
Hào quang sáng chói thanh thoi cuộc đời.

Niệm Tâm

Sư Tuệ Nhẫn

Phật không thành đạo ở chùa
Thiên nhiên tự tại bốn mùa
niệm tâm
Mỗi ngày tìm Phật trong
lòng
Thong dong dạo bước qua
vòng trầm luân.



Bùi Hiền (Kienthuc.net.vn)

Để bảo vệ nhân phẩm, bảo vệ sức khỏe và hạnh phúc gia đình, đức Phật dạy người Phật tử không được tà dâm. Đó là giới thứ ba người Phật tử cần phải giữ.

Nguyên nhân phá vỡ hạnh phúc là tà dâm

Giới Luật nhà Phật có dạy: "Đối với người xuất gia thoát tục thì phải dứt hẳn dâm dục, còn người tại gia thì không được tà dục. Khi vợ chồng có cưới hỏi đủ lễ gọi là chính, nếu lén lút làm việc phi pháp với người khác phái gọi là tà". Sở dĩ đức Phật ngăn cấm tà dâm là để tôn trọng sự công bằng và bảo vệ hạnh phúc gia đình. Đặc biệt, là tránh oán thù và quả báo xấu trong tương lai.

Như chúng ta đều biết, ai cũng muốn có một gia đình êm ấm, ước mong vợ/chồng đoan chính, tránh xa con đường dâm loạn. Bởi nếu vợ chồng bất hòa, quan hệ bất chính thì con cái sẽ xấu hổ hoặc cô cút nếu như vợ chồng ly hôn.

Là người đã lập gia đình được hơn 4 năm, anh Vũ Ngọc Hưng (quận Cầu Giấy - Hà Nội) chia sẻ: "Hành vi dụ dỗ hay dùng thủ đoạn để cướp vợ/chồng người khác, hoặc ép buộc người khác phải thỏa mãn tình dục với mình thì đáng phải lên án và bài trừ. Chính những

hành vi này sẽ phá vỡ hạnh phúc gia đình và phá hoại tiết hạnh của mỗi người. Mặt khác, tà dâm sẽ dẫn đến những vụ ghen tuông, cãi vã và đánh đập, đến nỗi phải ra tòa ly hôn. Thậm chí còn gây án mạng trong gia đình, xã hội".

Hiện nay, nạn tà dâm không chỉ phá vỡ đối với mỗi cặp vợ chồng mà ngay các bạn trẻ, khi họ không có những hành động để bảo hộ thân tâm và bảo vệ tiết hạnh của mình. "Đó là nguyên nhân vì sao mà ngày nay nhiều bạn trẻ phải đến các cơ sở khám chữa bệnh để phá thai ngoài ý muốn, hoặc sau đó đến chùa làm lễ cầu siêu cho thai nhi" - anh Hưng chia sẻ thêm.

Mặt khác, trong Kinh Thập Thiện, đức Phật có nói về nhiều lợi ích của việc không tà dâm. Ví dụ như không tà dâm sẽ có sáu căn đều được vẹn toàn; trọn đời được người kính trọng; cuộc tình duyên trọn đời không ai dám xâm phạm...

Phải ý thức được khổ đau do thói tà dâm gây ra

Trong luật nhân quả của nhà Phật thì tà dâm là trọng tội và bị trừng phạt nặng nhất. Đó là: "Khi người ta làm hạnh tà dâm bao nhiêu lần trong đời, thì bấy nhiêu lần bị cái cửa khổng lồ cửa xé từ đầu đến chân. Nếu một người kết hôn một trăm lần, người đó (xem tiếp trang 51)

Phật giáo nói gì về "Ngày tận thế" năm 2012?

Bùi Hiền - KTO

Qhúng ta thường nghe các tín đồ Ki-tô giáo nói về ngày tận thế, về ngày phán xét, về sự hủy diệt hàng loạt... nhưng lại ít thấy kinh sách Phật giáo nói đến điều đó.

Đức Phật không có lời khuyên nào về "Ngày tận thế"

Vậy thì Phật giáo quan niệm về sự hủy diệt của Trái đất như thế nào? Trong cách đo lường thời gian hiện đại, để định nghĩa một chu kỳ dài, thay vì nói 10 năm người ta gọi là 1 thập niên, 100 năm được gọi tắt thành một Thế kỷ.

Tương tự, để tính những chu kỳ dài, người Ấn Độ cổ đại gọi là "Kappa" – tiếng Việt dịch là "kiếp". Có tất cả 3 loại chu kỳ (kiếp - PV) thời gian được định nghĩa trong các kinh sách Phật giáo. Đó là đại kiếp, trung kiếp và tiểu kiếp.

Trong đó, chúng ta có thể hiểu tiểu kiếp theo nghĩa gốc có nghĩa là vòng đời hay tuổi thọ của một con người. Chu kỳ của tiểu kiếp chuyển từ cao đến thấp rồi đi từ thấp đến cao. Vũ trụ sẽ bắt đầu chu kỳ tiểu kiếp với tuổi thọ con người là 84.000 tuổi. Sau 100 năm sẽ giảm đi 1 tuổi, giảm đến khi còn thọ mệnh 10 tuổi thì chấm dứt giai đoạn đầu của chu kỳ tiểu kiếp.

Đối với trung kiếp thì một chu kỳ dài bằng 20 tiểu kiếp, khoảng 334 triệu năm.

Theo sách Phật, địa cầu nơi chúng ta ở, diễn biến qua bốn giai đoạn lớn. Đó là: Thành (hình thành), Trụ (tồn tại), Hoại (hủy hoại), Không (thành hư không) tương đương bốn trung kiếp (thành kiếp,

trụ kiếp, hoại kiếp, không kiếp - PV).

Trong bốn giai đoạn nói trên, chỉ có giai đoạn trụ kiếp là có người ở. Sau khi hoại kiếp kết thúc thì bắt đầu không kiếp (kiếp không có vật gì tồn tại, kéo dài 20 tiểu kiếp - PV). Rồi một địa cầu mới lại dần dần hình thành, tức là thành kiếp.

Với bốn trung kiếp gộp lại thành một đại kiếp, dài khoảng 1 tỷ 344 triệu năm được gọi là một đại kiếp. Theo kinh Phật, chúng ta đang ở vào chu kỳ của tiểu kiếp thứ 9, còn đến hơn 8 triệu năm mới hoàn thành tiểu kiếp thứ 9.

Hiện nay, trong các Kinh điển của nhà Phật chúng ta chưa bao giờ nghe đức Phật có lời khuyên nào về "Ngày tận thế". Duy nhất chỉ trong kinh Tứ Thập Nhị chương, đức Phật có đặt một câu hỏi cho một vị Sa môn là: "Tuổi thọ của con người dài trong bao lâu?". Và vị Sa môn đã trả lời là: "Chỉ dài bằng một hơi thở". Đức Phật nói: "Đúng vậy. Ông là người hiểu đạo".

Điều này có nghĩa là cuộc sống chỉ dài lâu như mỗi hơi thở, hơi thở tiếp theo có thể không đến sau khi hơi thở này kết thúc. Với "Ngày tận thế" chính xác hay nói đúng hơn là ngày chết của mỗi người là khác nhau, trừ một số trường hợp chết cùng nhau.

Nếu cho rằng thế giới sẽ không kết thúc vào năm 2012, nhưng sẽ vẫn có thảm họa lớn với một số người đang sống. Bằng chứng là vẫn có nhiều người chết do thảm họa mỗi năm. Đối với những người đang bị trọng bệnh hay đang chịu khổ đau thì đó đã là "ngày tận thế" hay ngày thảm họa (xem tiếp trang 51).

SANH TỬ - Chỉ Là Giấc Mơ Đêm Qua

Đại đức Thiện Minh
(tiếp theo)

Không nghĩ

Thường thường nghĩ đi với cái nghĩ, cái nghe. Nghe một vấn đề gì đó ta bắt đầu tưởng tượng... nó thế này, nó thế kia. Khi nổi hoài nghi sanh lên, tâm sẽ nghĩ thế này, thế nọ. Cho nên, đức Phật dạy chúng ta phải sống trong thiện pháp, phải chú tâm quan sát kỹ ngay niệm đầu.

Trong Thiền Tứ Niệm Xứ có phương pháp niệm tâm. Niệm tâm là biết cảnh trong giờ phút hiện tại. Ví dụ chúng ta đang ngồi đây nghe pháp, trong chánh điện chùa Xá Lợi, tâm ta đang nghe pháp, niệm kinh. Đó là tâm đại thiện. Nhưng có thể trong giây phút chớp nhoáng, tâm quý vị nghĩ một chuyện gì đó, một ý tưởng gì đó sanh khởi lên không liên quan gì đến việc nghe pháp niệm kinh ở giây phút hiện tại này cả. Ví dụ, quý vị ngồi nghe pháp nhưng tâm suy nghĩ: Ở nhà không biết mấy đứa nhỏ đã nấu cơm chưa; hoặc có người nghĩ đến một cuộc hẹn với bạn ở quán cà phê, hoặc có người nghĩ đến lãi suất ngân hàng dù với mức 9% một tháng nhưng lạm phát tới 17% làm sao sống nổi.

Như vậy, tâm quý vị đi ngoài cảnh chùa Xá Lợi rồi, chúng tôi đang giảng pháp nhưng tâm quý vị không nghe pháp. Điều đó xảy ra trong tâm thức ta nên chỉ ta biết, không ai biết cả.

Cho nên, niệm tâm là biết tâm của mình trong giây phút hiện tại. Chẳng hạn như khi ta chửi mắng ai, đánh đập ai, không cho người đang đói ăn... ngay lúc đó ta biết tâm ta đang sân, đang ích kỷ, đang hẹp hòi, đang tính toán. Thiện tâm là biết cái tâm của mình đang nghĩ đến thiện pháp, đang làm thiện pháp. Mình thấy tâm đang nghĩ điều xấu ác, bất thiện thì dừng lại, đừng nghĩ.

Có khi, vì ghen nên quý bà, quý cô ngày đêm nghĩ đến "tình địch", đến kẻ phản bội nên quý bà thiết lập một tâm nghi, một kẻ thù trong tâm thức của mình, rồi trút ghen hờn, chửi mắng, đánh đập người đó ở trong tâm của mình. Nhiều khi ta đánh người triệu triệu lần trong tâm ta mà họ không biết.

Quý vị có bao giờ như vậy không?

Sư có quen với một gia đình nọ, hai vợ chồng rất thương nhau. Người vợ thích học thiền nên có những lần cô bỏ nhà đi 7 ngày để tham dự khóa tu trên chùa. Ban đầu người chồng rất khó chịu vì ghen. Ông ta bèn đi học thiền cùng vợ. Ông ta mang nỗi niềm ghen tuông vào trong từng khoảnh khắc hành thiền. Ông ta nhìn các vị thiền sư bằng đôi mắt đầy oan nghiệt nhưng không nói ra được.

Sau đó, người vợ đi sang Thái Lan tu thiền một tháng. Ông ta càng thêm ghen và quyết định đi cùng dù trong lòng không hề ham thích học thiền. Qua tới Thái Lan, ông tu chỉ được hai tuần lễ, rồi trở về Việt Nam. Trong hai tuần lễ đó, vì phải tôn trọng thời khóa của chùa nên ông ta cũng phải tập thiền như mọi người.

Mỗi ngày, ông ta phải thức dậy lúc 3 giờ 30 phút sáng, tọa thiền 60 phút, kinh hành 60 phút, ngoại trừ những lúc dùng cơm, vệ sinh cá nhân... cứ như vậy hành thiền liên tục không ngừng, đến 10 giờ tối mới được đi nghỉ. Có thể nói ông chồng là người bị tu.

Do ở Thái Lan nên khác ngôn ngữ, ít giao tiếp được, lại thêm nhìn chung quanh ông ta thấy ai cũng tọa thiền nghiêm trang nên ông ta cũng nhắm mắt ngồi theo. Lúc đau chân quá, ông ta rón rén đổi tư thế, có lúc muốn bỏ thiền đi ra ngoài nhưng thấy tất cả mọi người đều ngồi thiền bất động, ông ta bèn kéo chân lên ngồi tiếp.

Nhờ bị tu như vậy trong hai tuần lễ, nhờ sống trong khung cảnh chánh niệm của khóa thiền, nên cuối cùng ông ta cũng có phần nào chuyển hóa. Trước khi về Việt Nam, Thiền sư gọi ông đến và yêu cầu trình pháp. Thiền sư hỏi:

- Con có thể tả lại cảm giác, các trạng thái tâm của con trong 14 ngày sống ở đây như thế nào không?

Ông ta đã nói với Thiền sư bằng tất cả lòng chân

thành của mình rằng:

- Thừa Sư, trong tuần lễ đầu tiên, lòng con không nguôi giận hờn, căm ghét. Con luôn nhìn quý sư bằng con mắt không thiện cảm. Và con đã từng lén đốt thiền viện này 3 lần nhưng không thành. Con xin thành tâm sám hối với ngài là con đã từng làm như vậy.

Thiền sư hỏi: Tại sao con muốn hủy hoại thiền viện?

- Do con nghĩ: Vì có Thiền viện này nên vợ con mới đi qua đây. Con nghĩ đốt cháy thiền viện thì quý Sư không có chỗ ở, không có nơi tổ chức tu thiền thì vợ con sẽ không đi đâu hết, sẽ về Việt Nam với con. Cho nên, trong những ngày mới đến thiền viện, con rất ác cảm với các sư, con nhìn cái gì cũng thấy ghét. Nhưng có điều rất lạ là bước sang tuần lễ thứ hai, tâm con lắng dịu. Con nhìn thấy cái tâm ích kỷ, độc ác, sân hận trong con rõ ràng. Có lúc con thấy xấu hổ vì những ý nghĩ ghen tuông mù quáng đối với người vợ của con, đối với thiền viện. Lòng ghen tuông của con, cái tâm si mê tầm tối của con thật là khủng khiếp và nhảm nhí biết chừng nào. Thừa Sư, sau đó con đã kiên nhẫn tọa thiền như tất cả mọi người, không để dục vọng xui khiến hành động hồ đồ xấu xa như trước nữa. Từ từ con thấy lòng bình yên.

Thiền sư nói:

- May mắn cho con đã được sống trong thiền viện dù chỉ trong thời gian ngắn ngủi. Tham ái là nhân của luân hồi sanh tử, khiến chúng ta trầm luân với lòng sân không biết bao giờ mới dứt. Không có người nào thay ta làm cho ta hạnh phúc. Nên mỗi người phải tự mình sống hạnh phúc theo cách mình đã chọn. Vợ của con thấy hạnh phúc trong sự tu hành. Con thấy hạnh phúc trong tình yêu dành riêng cho vợ. Nhưng may thay, giờ đây, con đã biết giá trị của tọa thiền. Mỗi lần biết tâm mình suy nghĩ lung tung, hãy đưa nó nhẹ nhàng trở về. Đừng cho tâm suy nghĩ tán loạn. Hãy kiểm soát tất cả mọi việc khi nó mới phát sinh.

Người chồng cúi lạy Thiền sư với lòng biết ơn vô hạn.

Quý vị nhớ rằng, không nghĩ, không nghe, không nghĩ là những thiện pháp. Không có phương pháp nào hay hơn nữa làm cho tâm ta an lạc.

Rước ba cô là gì?

Cởi mở

Quý vị hãy sống cởi mở, mở rộng tấm lòng đối với mọi người, thực tập tâm từ bi không phân biệt.

Trong gia đình, cha mẹ nên thương con đồng đều như nhau, chia tài sản cũng đồng đều để tránh cho con cái phân bì, cãi vã nhau. Đối với quyến thuộc cũng nên sống có tình nghĩa, chia sẻ, quan tâm lẫn nhau. Người sống rộng rãi, cởi mở thì tự nhiên tâm thoải mái, nhẹ nhàng. Người luôn luôn cau có, gắt gỏng thì nhất định trong tâm có điều chi phiền muộn chưa giải quyết được.

Ông bà xưa thường nói: Trông mặt bắt hình dong. Nhìn nét mặt, hình tướng của một người, quý vị có thể biết phần nào tính cách của người đó. Ví dụ một người nói chuyện với quý vị mà con mắt họ cứ liếc qua, liếc lại, không nhìn thẳng khi nói chuyện, hoặc nhìn xuống đất, thì chắc chắn họ có điều giấu giếm, lo lắng trong lòng. Hoặc họ liên tục nhìn đồng hồ, ngó tới ngó lui, nghe mà không chú ý đến câu chuyện, thì quý vị nên dừng cuộc trao đổi, tâm của họ muốn ra về rồi. Đó là những biểu hiện đơn giản mà chúng ta ai cũng có thể biết được.

Người có tâm cởi mở, hiền hòa, bao dung biểu lộ qua gương mặt sáng, nụ cười tươi tắn, ánh mắt hiền hòa, cử chỉ khoan dung. Nét mặt phản ánh cái tâm. Tâm tốt, tâm lành thì mặt đẹp, mặt hiền. Tâm hiểm ác thì mặt xấu, mặt dữ. Quý vị có thể giấu tư tưởng của mình, nhưng không thể giấu nét mặt, cử chỉ của mình.

Phong tục tập quán người Việt Nam xưa thường có lễ dạm ngõ, lễ ăn hỏi rồi mới đến lễ cưới. Lễ dạm ngõ là sau khi mai mối xong rồi, bên đàn trai qua bên đàn gái xem mặt cô gái mà họ sẽ cưới. Khi các cụ ông bà, cha mẹ hai bên đã ngồi yên vị rồi thì cô gái từ trong nhà bước ra chào hỏi, rót nước hoặc tèm trà mời khách. Đây chính là lúc mà nhà trai quan sát hành vi, cử chỉ, lời nói của cô gái. Từ cách bước đi khoan thai hay vội vàng, từ cách rót nước, tèm trà có khéo léo hay không, người ta đoán được nết na của cô gái.

Ngày xưa cha mẹ thường dạy con gái khi rót nước không được nghe tiếng, nghĩa là không được đưa ấm nước lên cao quá, đưa cao quá khi rót nước vào ly sẽ có bọt và nghe âm thanh rất thô. Còn rót nước mà ly này chưa xong đã vội liếc nhìn qua ly khác, không chú ý làm đổ nước ra ngoài là người nóng nảy. Mặc dù cử chỉ rất nhỏ nhưng các cụ biết được tâm ý của cô gái.

Lời nói cũng vậy. Hỏi một vài câu để nghe cô gái trả lời mà đoán tánh tình. "Chim khôn hót tiếng rảnh rang/ Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe". Cho nên, đối với phụ nữ, sự dịu dàng là đức tánh đáng quý nhất.

Các cụ ngày xưa rất thâm thúy khi nhìn thân

tướng như hành vi, lời nói, nét mặt, ánh nhìn, nụ cười để đoán tâm ý con người.

Như vậy, lòng ta bao dung, cởi mở, tâm ta hoan hỷ, từ bi thì ta luôn mang đến cho người một vẻ mặt điềm đạm, vui tươi, thân thiện.

Cầu nguyện

Sau mỗi khi lễ Phật, chúng ta luôn có bài kệ cúng dường chia phước cho chư thiên, cho người thân. "Nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả, đệ tử và chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo".

Có người nói muốn sửa lại bài kệ đó một chút. Sư hỏi muốn sửa ra làm sao? Người kia nói rằng: Con muốn sửa lại như vậy: Nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả, đệ tử và chúng sanh, trừ con vợ bé của chồng con ra, đều trọn thành Phật đạo.

Thiệt tình, bà muốn cho ai cũng trọn thành Phật đạo hết nhưng con vợ bé kia nó làm bà đau khổ quá, nên bà không muốn cho nó thành Phật đạo, bà muốn nó xuống địa ngục kia.

Như vậy, người tu nếu gặp hoàn cảnh giống như quý bà đó thì chúng ta giải quyết như thế nào, có cầu nguyện cho họ thành Phật đạo không? Khó lắm phải không quý vị? Không có tâm từ bi thì một lời cầu nguyện cũng không để gì chia sẻ với kẻ làm tổn hại mình.

Cho nên, học Phật là ứng dụng lời Phật dạy trong mỗi việc làm hằng ngày. Ví dụ, Phật dạy, người tu phải có lòng từ bi không phân biệt, nhưng đối với kẻ giết hại, cướp đất, lấy chồng của mình thì làm sao hoan hỷ được. Nếu trong những hoàn cảnh như vậy quý vị biết quán vô thường sẽ giữ được tâm thanh tịnh trong nghịch duyên đó.

Nói thì dễ nhưng làm rất khó. Sở dĩ khó là vì ai cũng có cái ngã to, lấy tâm tham muốn này làm tự ngã rồi nảy sinh quý trọng nó. Chúng ta quên mất cái tâm rộng lớn sẵn có của chúng ta và cũng quên luôn việc lớn là phải thấu suốt vấn đề sanh tử của con người.

Cho nên, mỗi người có một cách ứng phó trong nghịch cảnh. Chúng tôi nói không nghe, không nghĩ, không nghĩ, hoặc sống cởi mở, biết cầu nguyện, chúc phúc cũng là cách chúng ta ứng phó, hóa giải trong nghịch cảnh.

Chúc phúc

Lời khen đặt đúng chỗ có giá trị rất cao. Nhưng chúng ta rất ít khi hào phóng ban tặng lời khen cho

người khác. Và đối với người ngoài, có khi ta rất dễ khen ngợi họ, dùng lời hoa mỹ để lấy lòng họ, dùng nụ cười để chiếm cảm tình của họ. Nhưng đối với những người trong gia đình thì ta không ngại chê bai, chỉ trích, rất hiếm khi khen tặng, hiếm có nụ cười trên môi do ý lại tình thân. Như vậy, thì ích kỷ và không công bằng. Đó cũng là do cái ngã quá to của ta ngăn chặn.

Quý vị trồng cây, nếu không tưới thì cây khô, bông héo. Con người sống chung với nhau cũng vậy. Nếu không dùng lời khen để khích lệ, thông cảm, thân thiện thì con người sống với nhau cũng mệt mỏi, héo hắt. Người ta không thể nào sống chung với một kẻ suốt ngày cứ tìm cách bới móc nói xấu người khác.

Cho nên, chúc tụng là phương pháp giúp tâm chúng ta dần dần thoát ly phiền não, buông bỏ tâm ích kỷ, rộng mở tâm từ bi. Hãy nhìn cái đẹp ở người khác để học hỏi, để chúc tụng, để khen ngợi. Đừng nhìn cái xấu của họ làm gì. Không có một con người nào hoàn hảo. Cũng như không có một viên ngọc nào toàn bích. Tuyệt đối không có.

Kim cương tự nhiên có thể để cho ánh sáng đi qua bản thể của nó 99,99% cũng không toàn bích. Vì vẫn còn 0.0000000001% ánh sáng bị cản ngại và khúc xạ. Chính vì thế mà nó mới phát ra muôn màu sắc kỳ diệu. Thật ra nó chẳng phát ra màu sắc gì cả. Đó chỉ là những ảo sắc trong quang phổ có sẵn của ánh sáng, bị các mặt cắt của kim cương phân tách ra do sự phản chiếu và khúc xạ... trùng trùng nhân duyên chồng khít lên nhau mà thành những màu sắc ảo như người ta đã thấy. Và tưởng rằng đó là thực thể của kim cương. Kim cương vốn chẳng có thực thể nào cả.

Quý bà vốn thích kim cương. Nói như vậy có lẽ có người sanh tâm nghi rồi đó.

Chính cái tâm rộng lớn sẵn có chưa hề hủy diệt, chưa hề lay động bởi bất cứ một cái gì cả mới là toàn bích. Mỗi người, mỗi chúng sanh từ con sâu, con kiến đến con voi, con người... trời, thần, a tu la, Phạm thiên... đều có sẵn cái tâm bất động ấy. Chỉ vì chúng ta lầm lạc, say mê nhìn thấy những màu sắc lấp lánh của ánh sáng phản chiếu và khúc xạ kia mà không thấy được cái tâm rộng lớn kia vậy.

Cho nên, để tâm thanh tịnh, bình yên xin quý vị đừng cố soi lỗi lầm người khác. Hãy chúc phúc, ngợi khen, hãy cầu nguyện chia phước cho nhau, đừng làm hại lẫn nhau, đừng ích kỷ, hẹp lượng để mọi người ai cũng được an vui, hạnh phúc (còn tiếp). ■

Phật giáo và Nhà Vua Asoka



Nguyễn Cửu Long (dịch)
(tiếp theo)

Như tôi đã nói, rất có thể người biên chép chỉ dụ, do không phát hiện ra không có bất kỳ điều gì chỉ ra cho thấy nhà vua Asoka thuộc về giáo phái nào, và muốn làm rõ tình hình này cho mọi độc giả khi đọc các chỉ dụ, đã cố gắng chèn thêm từ "Buddha" trước từ upāsaka, mà nhà vua vừa mới khắc trên đá chỉ mới được một phần mà thôi.

Tuy nhiên, việc xác thực rằng nhà vua Asoka đã trở thành một Phật tử được cung cấp do tham khảo cuộc viếng thăm cây Bồ-đề (bodhi) của ngài, được mô tả trong chỉ dụ khắc trên đá thứ tám [RE VIII (C)] xảy ra khi nhà vua đã phong vương được mười năm. Đây rất có thể đã là kết quả của việc nhà vua cải đạo Phật giáo, và rất có thể ăn khớp với cuộc viếng thăm của ngài thực hiện đến Tăng đoàn điều này cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống đạo đức của ngài.

Quả thật chúng ta có thể biết chắc rằng đối với nhà vua Asoka, saṅgha có nghĩa là Tăng đoàn Phật giáo, vì trên chỉ dụ khắc trên cột đá thứ bảy [PE 7 (Z)], sau khi ngài tổng kết lại toàn bộ thành tích của mình, ngài khẳng định rằng mình đã cho thiết lập mahāmātras "các vị quan chức" giới đức để chăm sóc đến những công việc saṅgha (Tăng đoàn), công việc các Bà la môn, các Ājīvikas, các Kỳ-na và nhiều các tôn giáo khác nhau. Trong bối cảnh như vậy, cùng với các giáo phái khác được xác định đích danh, thời saṅgha, thông qua một qui trình loại bỏ chắc chắn đã phải là các tăng đoàn Phật giáo vậy.

Thế rồi cũng không còn nghi ngờ gì cho rằng, nhà vua Asoka đã là một cư sĩ Phật giáo, nhưng không có lý do gì để tin rằng ngài có lòng gần gũi với các tôn giáo khác và chúng ta đọc thấy trong Chỉ dụ ghi trên cột đá thứ sáu [PE 6 (E-F)] viết rằng ngài đã tôn kính mọi giáo phái khác nhau với nhiều loại tôn kính khác nhau và tôn giáo liên quan, và những vị tốt nhất trong số họ, theo ngài nghĩ có thể là một cuộc viếng thăm cá nhân đến với họ. Như chúng ta sẽ thấy, loại chánh Pháp của nhà vua chính là giới đức và luân lý.

Những chỉ dụ đem lại rất nhiều thông tin về cách thức nhà vua Asoka quảng bá cho chính Dhamma của ngài, Trong nhiều điều khác ngài viết về dhammathambhas "các cột đá Phật Pháp" dhammalipi "bài viết về Phật Pháp", dhammamangalas "các nghi lễ Phật Pháp". dhammadāna, "thí pháp" dhammanuggala "lợi dưỡng chánh Pháp" dhammayātrās "các cuộc hành pháp" dhammasavana, "nghe chánh Pháp" dhammamahāmātras "các quán pháp" dhamma vijaya, "Thắng pháp".

Vấn đề là để biết xem là chánh Pháp của nhà vua Asoka có cùng một chánh Pháp của Đức Phật hay không (dhamma-buddha). Ngài làm rõ cho thấy có một sự khác biệt giữa những tu luyện bình thường và những tổ chức từ thiện, và phiên bản chánh Pháp của các cơ sở này, một cột đá là thambha. Nó trở thành thambha dhamma nếu như chánh Pháp của nhà vua Asoka được khắc ghi trên

đó. Lại còn có những Mahāmātras (câu đại thần chú) trước thời nhà vua Asoka. Ngài là người đầu tiên thiết lập những Dhamma Mahāmātras để quảng bá rộng rãi chánh Pháp của ngài. Trước triều đại của ngài các vị vua quan đều thực hiện yātrās. Ngài thiết lập các dhammayātrās, để ngài có thể tu luyện

chánh Pháp đang lúc du hành. Dân chúng thực tập đủ mọi loại nghi lễ (maṅgalas) – trong trường hợp ốm đau, và trong những buổi tiệc cưới, để có cầu tự, trước khi thực hiện các chuyến du hành, v.v... Tuy nhiên, dhammamāṅgala còn là cách chữa trị thích hợp cho các đầy tớ và nô tỳ, cho các vị thiền sư đáng kính, tự kiểm chế liên quan đến các sinh vật rộng lượng đối với các Sa-môn (sramaṇas) và các Bà la môn v.v... [RE IX (G)]; xin đọc thêm RE XI (C).

Dhamma của nhà vua Asoka được vạch ra rõ ràng trong nhiều câu ghi khắc trên bia, thí dụ như nơi một hình thức chính xác trong chỉ dụ ghi trên đá thứ hai: “Hãy vâng lời cha mẹ; tuân phục các vị Trưởng lão; hãy tỏ ra tử tế đối với mọi chúng sanh; hãy nói sự thật” Toàn bộ những điều này được nói đến để phù hợp với cách sử dụng cổ xưa (porāṇa pakati). Có một phiên bản vào thế kỷ thứ III trước CN (trở về với điều căn bản) nhiều nơi khác, trong chỉ dụ trên đá thứ ba, là một phiên bản được phổ biến khá rộng rãi ghi rằng: “Vâng lời cha mẹ quả là điều tốt lành; hào phóng đối với bạn bè, những người thân quen, và họ hàng, đối với các bà la môn và sa môn là điều rất tốt đẹp, kiêng không sát sanh các động vật là điều tốt lành; điều độ trong chi tiêu và điều độ trong của cải cũng là điều tốt đẹp vậy” [EF III (D)].

Một loạt bảy chỉ dụ ghi trên cột đá, mà chúng ta thường gọi là các Chỉ Dụ Cột Đá, dành để giải thích các chánh Pháp của nhà vua Asoka, với một tường trình cho thấy chính ngài đã sống phù hợp với điều đó là như thế nào, bằng cách trồng cây lấy bóng mát bên lề đường và đào giếng, xây cống dẫn nước cho người và gia súc. Chỉ dụ Cột Đá thứ nhất nói về việc cai trị bằng chánh Pháp. Chỉ dụ Cột Đá thứ hai khẳng định chánh Pháp bao gồm làm ít điều tội lỗi, làm nhiều điều tốt, chứng tỏ lòng từ tâm với mọi người, thực hiện bổn phận, nói lời chân thực, và



Một mảnh đá của Thạch trụ khắc văn thứ 6 (en. 6th Pillar Edicts) của A-dục vương, được viết bằng chữ Phạn cổ (sa. brāhmī) Bảo tàng Anh quốc.

thanh tịnh. Nhà vua Asoka đã làm nhiều điều tốt bằng cách kiểm chế không sát sanh. Chỉ dụ cột Đá thứ ba nói về điều lành và điều dữ (thiện và bất thiện) và xác định điều sau này như là tính hung bạo, tính tàn nhẫn, sân hận, kiêu mạn, và

ghen tỵ. Chỉ dụ cột đá thứ tư nhấn mạnh đến nhu cầu về bình đẳng công bằng và phục hồi chỗ ở cho các tù nhân. Trụ cột đá thứ năm ngăn cấm sát sanh một số lượng súc vật được xác định đích danh. Chỉ dụ cột đá thứ sáu khẳng định rằng mục tiêu chính là đem hạnh phúc đến cho mọi người. Toàn bộ các giáo phái đều phải được tôn trọng đặc biệt bằng thực hiện những cuộc thăm viếng cá nhân, Chỉ dụ cột đá thứ bảy hình như lại là một tóm tắt toàn bộ những gì nhà vua Asoka đã thực hiện. Ngài giải thích bằng cách nào các vua chúa trong quá khứ đã tìm cách gia tăng chánh Pháp. Nhà vua Asoka đã quyết định thực hiện điều này bằng cách thuyết giáo và dạy dỗ, và ngài đã thiết lập những cột đá chánh Pháp (Dhammathambhas) và những quan chánh Pháp (dhammahāmātras) để khiến cho những quyết định này đem lại hậu quả. Những quan chánh Pháp (dhammahāmātras) có liên quan đến toàn bộ các giáo phái, chánh Pháp được định nghĩa lại một lần nữa là: Vâng lời cha mẹ, vâng lời các thiền sư, kính trọng người già, và có thái độ thích hợp đối với các Sa-môn và Bà la môn, đối với người nghèo, đối với kẻ ăn người ở trong nhà. Đã có một cách gia tăng chánh Pháp là kết quả từ những điều khoản luật nhà vua Asoka đã đề ra, thí dụ như về sát sanh các súc vật, nhưng cũng vì thái độ tâm linh, có nghĩa là lương tâm cá nhân (nījhati) theo cách này mà chiếm đoạt được cuộc sống mai hậu.

Ở chỗ khác, trong một loạt những chỉ dụ ghi trên đá lớn, cho thấy rằng chúng ta phải vâng lời chánh Pháp và sống phù hợp với chánh Pháp đó [RE X (A)]. Thí pháp được định nghĩa như là đối xử thích hợp với kẻ ăn người ở trong nhà, vâng lời cha mẹ, v.v... rộng lượng đối với các Bà la môn và các Sa-môn, và không sát sanh.

Chánh Pháp đã đem lại vô số công phước [RE XI (E)] (còn tiếp). ■

Cổ kính chùa Pôthi Somrôn

Quốc Toàn



Bên trong chánh điện chùa.

ĐẬM NÉT XƯA

Trải qua nhiều thăng trầm, biến cố, 13 đời Hòa thượng trụ trì luôn gắng công gìn giữ và phát triển chùa. Khởi đầu, vào năm 1735, chùa Pôthi Somrôn chỉ được xây dựng bằng cây lá. Đến năm 1856, chùa được xây dựng bằng các loại gỗ quý như cẩm xe, cà chắt, thao lao và được lợp ngói vảy cá. Gần 100 năm sau, nhận thấy chùa quá xuống cấp, Hòa thượng Thạch Khiêng – Trụ trì chùa giai đoạn 1950-1988 đi Phnom Pênh thỉnh bản thiết kế mới từ các kiến trúc sư nổi tiếng của nước bạn Campuchia, trên cơ sở giữ gìn kiến trúc truyền thống. Chùa mới được khởi công vào tháng 6 năm 1950, đến năm 1952 thì hoàn tất. Kiến trúc này được bảo tồn cho đến nay.

Chánh điện là tòa nhà nổi bật trong quần thể kiến trúc chùa Pôthi Somrôn, được xây theo hướng Đông. Người Khmer quan niệm Phật tuy ở Tây phương cực lạc, nhưng luôn hướng về Đông để cứu độ chúng sinh. Hình tượng các tiên nữ Kennâr và chim thần Krud được chạm khắc bay bổng như nâng đỡ mái

ngói. Mái chính điện có ba cấp chồng lên nhau, có hình tượng rồng chạy dọc theo bờ mái với đuôi vươn thẳng lên trời cao. Từ cột, rào, khuôn cửa, nóc mái, vách tường đều được chạm khắc hoa văn hình kỷ hà và lục bình tỉ mỉ.

Các chùa Khmer đều có tháp cốt nhưng có lẽ hiếm có chùa nào giữ gìn được ngôi tháp hơn 200 năm tuổi như ở chùa Pôthi Somrôn. Tháp cốt ở ngay trước chánh điện, được xây dựng bằng ô dước, đá ong, gạch thẻ có niên đại từ thế kỷ XVIII. Bên trong tháp cốt này là hài cốt của rất nhiều Phật tử và đã được gìn giữ qua nhiều đời. Theo Hòa thượng Đào Như, trụ trì chùa từ năm 1988, cho biết: một số Phật tử xin xây lại và làm mới phía ngoài ngôi tháp nhưng nhà chùa không đồng ý, bởi đây chính là chứng tích của lịch sử ngôi chùa và văn hóa của dân tộc.

Vào bên trong chùa, khách viếng thăm sẽ được chiêm ngưỡng nhiều cổ vật. Đó là những cánh én bằng gỗ làm từ năm 1856 chạm trổ hình ảnh mô phỏng các câu chuyện về Đức Phật Thích Ca Mâu

Ni, hơn 100 bộ kinh Satra (sách lá), 17 tượng gỗ gần 200 tuổi. Bức tượng Đức Phật ở Trung tâm chánh điện được tạc vào năm 1885.

RỘNG MỞ VÀ GẦN GŨI

Bỏ lại phía sau xe cộ ồn ào xuôi ngược trên quốc lộ 91, bước vào chùa Pôthi Somrôn, khách viếng thăm như lạc bước vào một khu rừng nhỏ với những hàng cây cổ thụ rợp bóng mát. Khuôn viên rộng hơn 8.600m² của chùa còn dành rất nhiều khoảng đất trống để làm sân vui chơi, trồng hoa kiểng. Vẻ đẹp của ngôi chùa càng được tôn lên nhờ cây sala – còn gọi là cây vô ưu, tương truyền được đem về từ Ấn Độ trồng ở một góc sân chùa từ năm 1969, luôn nở những đóa hoa thanh nhã và tỏa hương thơm ngát.

Hòa thượng Đào Như, người gắn liền cuộc đời với chùa Pôthi Somrôn từ năm 12 tuổi, cho biết: “Chùa là ngôi nhà chung của người Khmer lẫn người Kinh. Những năm kháng chiến chống Mỹ, chùa đón rất nhiều thanh thiếu niên đến tá túc và tu học. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, chùa Pôthi Somrôn là cơ sở nuôi giấu cách mạng, đã đùm bọc và che chở nhiều thanh niên trốn quân dịch của chế độ cũ. Nhiều nhà sư, Đại đức của chùa khi hoàn tục trở thành đảng viên, đoàn viên. Sau này, các vị Hòa thượng xuất thân từ chùa đều hoạt động trong Ban Chấp hành Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước của địa phương”.

Chùa Pôthi Somrôn là một công trình kiến trúc mang đậm tính cộng đồng. Chánh điện, Sala và các tháp cốt được xây dựng với diện tích vừa phải, phần đất còn lại để dành cho Phật tử, đồng bào đến tham gia các lễ cúng, lễ hội, xem văn nghệ, chơi thể thao... Hòa thượng Đào Như cho biết: “Hàng trăm năm qua, khuôn viên chùa vẫn được giữ nguyên, để Phật tử

đến đây còn có nơi tổ chức sinh hoạt văn hóa”. Ngày nay, chùa Pôthi Somrôn là nơi khởi nguồn nhiều hoạt động văn hóa xã hội do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. Cần Thơ, Thành hội Phật giáo TP. Cần Thơ và Sở Văn hóa – Thể thao Du lịch phát động. Từ chuyện vận động xây nhà tình thương cho đồng bào dân tộc Khmer, đưa sách khoa học kỹ thuật đến các khu vực xa xôi, lập đội ghe ngo, đến giúp sưu tầm các hiện vật quý phản ánh đời sống lao động – sản xuất của đồng bào dân tộc Khmer, hỗ trợ thực hiện “Dự án Bảo tồn nghệ thuật dù-kê”, dạy đàn Ngũ âm cho các em nhỏ v.v... Trong những năm gần đây, chùa là điểm chính diễn ra các lễ hội lớn của TP. Cần Thơ, như lễ “Cúng trăng” hay còn gọi là lễ “Đút cốm dẹp” được tổ chức vào tháng 11 hằng năm với nhiều hoạt động văn hóa, thể thao sôi nổi, quan trọng nhất là tái hiện nghi lễ Cúng trăng truyền thống với các nghi thức tụng kinh cầu quốc thái dân an, thả đèn gió cảm ơn trời đất cho mưa thuận gió hòa... Gần



Lễ chúc phúc ngài HT. Tép Vong tại chánh điện chùa Pôthi Somrôn.

đây nhất, khi TP. Cần Thơ đăng cai tổ chức Ngày hội Văn hóa – Thể thao và Du lịch vùng đồng bào dân tộc Khmer Nam bộ, chùa Pôthi Somrôn đã đóng góp không nhỏ vào thành công chung. Trong suốt một tuần diễn ra lễ hội, chùa là nơi ăn nghỉ của hàng trăm diễn viên từ các tỉnh ĐBSCL đến Cần Thơ tham dự ngày hội, điểm tập luyện của các đội đua ghe ngo, nơi diễn ra các trò chơi dân gian...

Đến chùa Pôthi Somrôn, khách viếng thăm sẽ đắm mình vào không khí trầm mặc, trang nghiêm của kiến trúc cổ kính, giữa khuôn viên mát mẻ, trong lành và cũng để cảm nhận được cuộc sống nhà chùa thật gần với đời qua những thanh âm của nhạc Ngũ âm được các em nhỏ luyện tập hằng ngày, sự bận rộn với công tác dân sinh của các vị Hòa thượng, Đại đức. ■



(tiếp theo trang 43)

Trong kinh Phật, đức Phật Thích Ca đã nói: "Tất cả pháp tử tâm tướng sinh". Do vậy, hiểm họa, nếu có do đâu mà sinh ra? Đó là từ nơi ý niệm bất thiện mà tạo thành. Chúng ta hướng thiện thì tai nạn liền được hóa giải và ngược lại nếu chúng ta suy nghĩ theo những hướng tiêu cực thì bản thân sẽ chuốc lấy nhiều phiền não mà thôi.

Hãy sống với giây phút hiện tại

Trên thực tế, chúng ta cũng biết cái chết sẽ xảy ra và con người không biết chắc chắn khi nào nó đến. Có thể là chúng ta sẽ chết bất cứ lúc nào, trước hoặc sau năm 2012. Bởi vì cuộc sống này không chắc chắn, trong khi cái chết là điều chắc chắn.

Nếu như chúng ta cứ chấp vào ý nghĩ rằng: Con người sẽ chết hoặc bị thảm họa trong năm 2012 có thể dẫn đến sự tự mãn tinh thần thì rất nguy hiểm. Vì thế, chúng ta phải luôn ý thức sống một cuộc sống trọn vẹn với chánh pháp; sống trọn vẹn trong từng phút giây hiện tại, càng thực hành lòng từ bi và trí tuệ càng nhiều càng tốt. Đó được gọi là an trú trong hiện tại.

Bằng cách hãy làm thật tốt những công việc chúng ta đang làm ở cơ quan hay ở nhà, làm tròn đúng bổn phận của người cha, người mẹ, người con... Hãy sống vui vẻ, hoà đồng và có những cử chỉ tốt đẹp với những người xung quanh để đem yêu thương đến với mọi người, mọi nhà...

Đức Phật đã từng nói: "Sự sống chỉ có mặt trong hiện tại nên tâm ý con người phải luôn an trú trong hiện tại". Theo lời dạy này, chúng ta có thể hiểu rằng: quá khứ đã đi qua, trong khi tương lai chưa tới. Theo đó, con người muốn thoát khổ thì những tu tập hay công việc thường ngày của họ phải biết tập trung vào hiện tại, vào chính ngày hôm nay.

Còn trong Kinh Thánh, Chúa Giêsu cũng đã nói: "Đừng lo lắng cho ngày mai, ngày mai cứ để ngày mai lo. Ngày nào có cái khổ của ngày đó". Lời dạy của đức Phật hay chúa Giêsu có nhiều điểm giống nhau, đều mong muốn con người sống với từng giây phút hiện tại với những gì đang diễn ra.

Dẫu biết rằng, rất nhiều người đang tin rằng "ngày tận thế" sẽ diễn ra nên đã có nhiều sự chuẩn bị, có thể tạm gọi đó là... phòng xa. Biết phòng xa là một đức tính tốt để có thể tự lo cho bản thân, không trở thành gánh nặng cho người khác, nhưng ít người hiểu rằng biết tập trung cho hiện tại cũng là một cách phòng xa. ■

(tiếp theo trang 42)

sẽ bị phân chia một trăm lần lúc chết".

Song theo đạo Phật thì tội lỗi nhất trong các thứ tà dâm là phá phạm hạnh người giữ tịnh giới như dụ dỗ quan hệ tình dục với người xuất gia, những người đang thọ trì Bát quan trai giới. Đặc biệt nhất quan hệ tình dục giữa những người cùng huyết thống. Do vậy, Phật giáo coi tà dâm là sự dâm dục bất chính và phi pháp; là mối hiểm nguy, xô đẩy con người vào cảnh đọa đày của dục vọng và khổ đau.

Phương tiện truyền thông hiện nay đăng tải những bài về các vụ giết người, trộm cắp, gian dối... nhưng phổ biến nhất vẫn là tà dâm. Các loại bệnh truyền nhiễm như HIV, AIDS và một số thảm họa trên thế giới đều gây ra bởi hành vi này.

Là người Phật tử, Nguyễn Ngọc Hoa (SV Đại học Thương Mại) đã luôn ý thức được những khổ đau do thói tà dâm gây ra. Do đó, khi chia sẻ với PV Kienthuc.net.vn, Hoa tâm sự rằng: "Mọi người, cần phải giữ giới nghiêm chỉnh, biết kính trọng mình và người khác. Không để cho nạn tà dâm gây nên sự đổ vỡ của gia đình và đời sống đôi lứa. Riêng với các bạn trẻ cần ý thức được những hậu quả của việc quan hệ tình dục trước hôn nhân hoặc sống thử với nhau. Nếu không các bạn sẽ bị rơi vào cái lạc thú, khiến mình mù quáng và rồi ren, ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của mình".

Cùng quan điểm với Hoa, bạn Dương Thị Hà (SV ĐH Công Nghiệp HN) giải bày: "Nhiều xóm trọ dành cho SV hiện nay khá lộn xộn về vấn đề rủ bạn trai/gái về phòng, ăn ngủ qua đêm, quan hệ tình dục bừa bãi. Điều này đã ảnh hưởng không tốt bản thân và người cùng xóm trọ".

Như vậy, chúng ta luôn phải ý thức được những khổ đau do nạn tà dâm gây ra. Do đó, muốn kiềm chế được tà dâm, trước hết không được nuôi dưỡng tính dục trong tâm mình, mặc dù nó vẫn có thể xảy ra bất cứ lúc nào với ai. Tuy nhiên chúng ta cần phải biết ngăn chặn và cắt bỏ thói tà dâm ấy. Có như vậy thì chúng ta mới có một cuộc sống lành mạnh, hạnh phúc và yên vui. Đặc biệt, có nhân quả thiện lành trong tương lai. ■



Nhà sư cũng phải giảm ăn

H.G

(Thanh Niên Online)

Sri Lanka đang khuyến khích người dân cúng dường những thực phẩm ít đường, ít béo cho chư tăng sau khi kết quả thống kê cho thấy khoảng 50% trong số 40.000 sư sãi đối mặt với nguy cơ tiểu đường.

Do ăn uống không khoa học nên các vị sư ở nước này cũng bị đe dọa bởi bệnh tim mạch.

AFP dẫn thông tin từ Bộ Y tế Sri Lanka cho hay với chế độ ăn hiện tại, trung bình mỗi ngày giới sư sãi nước này đưa vào cơ thể đến 12 muỗng cà phê đường. Mục tiêu là giảm lượng đường này xuống còn 8 muỗng/ngày, đồng thời giảm mạnh lượng muối trong thức ăn. Thông tư mới cũng đề nghị thực phẩm cúng dường không nên chứa hơn 1 món có dầu ăn. Bộ Y tế kêu gọi chỉ cúng dường cơm, 3 loại rau và 2 loại trái cây mỗi lần.

Sri Lanka là nước trọng đạo Phật và người dân thường phải đăng ký trước 1 năm nếu muốn có cơ hội cúng dường, theo AFP. ■

Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm Đại sứ quán và Tăng Ni Việt Nam tại Myanmar



TN. Diệu Hiếu

Chủ tịch nước Trương Tấn Sang và phu nhân chụp ảnh lưu niệm với Đại sứ quán và chư Tăng Ni Việt Nam

Sáng ngày 1-12-2012 Chủ tịch nước Trương Tấn Sang và phu nhân đến thăm Đại sứ quán và Tăng Ni Việt Nam tại Myanmar. Ông Chu Công Phụng, Đại sứ Việt Nam, chào đón Chủ tịch nước, phu nhân, và phái đoàn, cùng đón đoàn có chư Đại đức Tăng Ni đang du học tại Trường Đại học Quốc tế Hoàng Pháp Phật giáo Nguyên thủy tại Yangon - Miến Điện.

Trong chuyến viếng thăm Miến Điện lần này của Chủ tịch nước nhằm tăng cường giao lưu hữu nghị và mối quan hệ tốt đẹp giữa hai nước Việt Nam - Miến Điện trong thời kỳ mở cửa và hội nhập của đất nước Miến Điện.

Tổng thống Miến Điện Ông Thein Sein đã tặng nhiều Xá Lợi Phật cho phái đoàn Việt Nam, cũng như đã ký kết hợp tác trong 12 lãnh vực giữa Việt Nam và Miến Điện trong thời gian sắp đến.

Đại sứ quán Việt Nam, ông Chu Công Phụng cũng đã trình bày những khó khăn của Đại sứ quán và người Việt đang sống tại Miến Điện cùng những thành tựu vui mừng trong việc chính sách hợp tác của Việt Nam tại Miến Điện.

Ngài Chủ tịch nước đã cho biết chuyến thăm viếng Miến Điện thành công tốt đẹp và bày tỏ sự quan tâm đến chư Tăng Ni Việt Nam đang du học tại Miến Điện, nơi Phật giáo gần như là quốc giáo và đất nước này là một trong những trung tâm Phật giáo Quốc tế. Ngài mong rằng chư Tăng Ni đem những tinh hoa Phật Pháp đã học được về góp phần xây dựng GHPGVN tại quê nhà.

ĐĐ Thích Thiện Đức, nghiên cứu sinh tiến sĩ, đại diện cho 49 Tăng Ni đang du học đã bày tỏ lòng biết ơn sự quan tâm thăm hỏi chư Tăng Ni Việt Nam đang tu học tại Miến Điện của ngài Chủ tịch nước cùng phái đoàn và gửi lời kính chúc sức khỏe đến phái đoàn cao cấp Việt Nam. ■

Phu nhân Chủ tịch nước chuyển quà tặng tâm linh của Myanmar



Cầm Vân

Quà tặng tâm linh của Myanmar trao Chủ tịch nước Trương Tấn Sang.

Chiều 1-12-2012, tại Trụ sở GHPGVN, chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội đã cung nghinh quà tặng tâm linh tôn quý của Myanmar cho Việt Nam do phu nhân Chủ tịch nước chuyển dâng.

Đón đoàn tại chùa Quán Sứ có HT. Thích Thanh Nhiễu, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN; HT. Thích Gia Quang, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Thông tin Truyền thông T.Ư; ĐĐ. Thích Đức Thiện, Phó Tổng Thư ký, kiêm Chánh Văn phòng I TƯGH cùng chư Tăng tòng lâm Quán Sứ.

Được biết quà tặng tâm linh là tôn tượng Đức Phật Thích Ca, Bồ-tát Quán Thế Âm và xá lợi Phật do Nhà nước và Phật giáo Myanmar trao tặng Nhà nước, nhân dân và Phật giáo Việt Nam trong chuyến thăm của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tới nước Cộng hòa liên bang Myanmar từ ngày 29-11 tới ngày 1-12-2012.

Ngay sau khi về Việt Nam, quà tặng tâm linh của Nhà nước, nhân dân và Phật giáo Myanmar đã được



Phu nhân Chủ tịch nước và phái đoàn trao lại cho chư vị lãnh đạo Giáo hội để tôn trí tại Trụ sở TƯGH - chùa Quán Sứ, Hà Nội. ■

Phu nhân Chủ tịch nước và phái đoàn trao lại cho chư vị lãnh đạo Giáo hội để tôn trí tại Trụ sở TƯGH - chùa Quán Sứ, Hà Nội. ■

Chư tôn đức HĐCM, HĐTS chào lãnh đạo Nhà nước

Bảo Thiên



Chư tôn giáo phẩm HĐCM, HĐTS đến chào Ban Tôn giáo Chính phủ - Ảnh: Lương Hòa



Sáng ngày 25-11, tại Hà Nội, chư tôn đức Ban Thường trực HĐCM, HĐTS đã đến chào và cảm ơn Ban Tôn giáo Chính phủ.

Ông Phạm Dũng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ đã trân trọng tiếp đoàn.

Thay mặt Ban Thường trực HĐCM, HĐTS, HT. Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch, kiêm Tổng Thư ký HĐTS đã thông báo các kết quả Đại hội VII Giáo hội Phật giáo Việt Nam diễn ra từ 21 đến 24-11 tại thủ đô Hà Nội vừa qua. Dịp này, HT. Thích Thiện Nhơn gửi lời cảm ơn Ban Tôn giáo Chính phủ đã hỗ trợ tận tình cho công tác tổ chức Đại hội được thành công.

Đáp lại, ông Phạm Dũng chúc mừng Đại hội đã thành công tốt đẹp và mong muốn với thành phần nhân sự mới vừa được suy tôn, suy cử, Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ tiếp tục thể hiện tinh thần đoàn kết, hòa hợp Tăng Ni, Phật tử cả nước thực hiện thành tựu nhiều Phật sự phía trước, góp phần xây dựng xã hội ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. ■

Chính thức tấn phong 1185 giáo phẩm

Bảo Thiên



Với 100% ý kiến biểu quyết, sáng ngày 24-11 tại Hà Nội, Đại hội Phật giáo Toàn quốc kỳ VII đã thông qua việc tấn phong 1185 giáo phẩm.

Theo đó, Đại hội đã chính thức tấn phong giáo phẩm Hòa thượng 328 vị; 317 vị lên hàng Thượng tọa, 152 vị lên hàng Ni trưởng và 388 lên hàng Ni sư.

Theo Quy định tại Điều 41, 42 của Hiến chương, được tấn phong Hòa thượng những Thượng tọa từ 60 tuổi đời, 40 tuổi đạo trở lên được tính theo hạ lạc, có đạo hạnh, có công đức với Đạo pháp và Dân tộc, do Ban Trị sự Tỉnh hội, Thành hội đề nghị lên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự để xét duyệt, đệ trình Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn, được Hội nghị Trung ương Giáo hội thông qua hay Đại hội Phật giáo toàn quốc tấn phong với một Nghị quyết và một Giáo chỉ do Đức Pháp chủ ban hành.

Được tấn phong Thượng tọa những Tăng sĩ từ 45 tuổi đời, 25 tuổi đạo trở lên được tính theo hạ lạc, có đạo hạnh, công đức với Đạo pháp và dân tộc do Ban Trị sự Tỉnh, Thành hội đề nghị lên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội xét duyệt, đệ trình Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn và tấn phong tại Hội nghị Trung ương Giáo hội và tại Đại hội Phật giáo toàn quốc, với một Nghị quyết và một Giáo chỉ do Đức Pháp chủ ban hành.

Trong khi đó, cấp bậc giáo phẩm của Ni giới là Ni trưởng và Ni sư. Tiêu chuẩn và điều kiện để tấn phong giáo phẩm của Ni giới như quy định của hàng Tăng giới ở điều 41 và 42 của Hiến chương. ■

NINH BÌNH: Lễ Tiểu Tường Cố HT Thích Thanh Tứ Tại Chùa Bái Đính

Hoàng Tuấn - Cẩm Vân



Chư tôn đức đại diện môn đồ pháp quyến.

Chiều ngày 14 tháng 12 năm 2012, chư Tôn đức môn đồ pháp quyến tại chùa Bái Đính – Ninh Bình đã long trọng tổ chức lễ tiểu tường cố Đại lão HT. Thích Thanh Tứ – Thành viên Hội đồng Chứng minh, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN – Trụ trì chùa Bái Đính.

Chứng minh và dự lễ có HT. Thích Đức Nghiệp – Phó Pháp chủ GHPGVN; HT. Thích Thanh Đàm – Thành viên Hội đồng Chứng minh, HT. Thích Thiện Nhơn – Phó Chủ tịch, kiêm Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN, HT. Thích Thanh Nhiễu – Phó Chủ tịch TT HĐTS GHPGVN cùng chư tôn đức HĐTS TW GHPGVN, pháp tử và đệ tử Xuân Trường – Chủ đầu tư công trình chùa Bái Đính, cùng đông đảo bà con Phật tử địa phương cùng về tham dự.

Về phía chính quyền tỉnh có ông Trần Hữu Bình, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình cùng các vị lãnh đạo các cơ quan chức năng TW, chính quyền địa phương, đại diện lãnh đạo Cấp ủy, Chính quyền, MTTQ, các Phòng, Ban, Đoàn thể của các huyện, thị, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Tại buổi lễ chư tôn đức Hoà thượng, Thượng toạ, Đại đức, Tăng, Ni cùng lãnh đạo các cấp chính quyền niệm hương kỳ nguyện, tụng kinh cầu siêu giác linh Cố đại lão Hoà thượng Thích Thanh Tứ.■

PHÚ QUỐC: Khánh thành chùa Hộ Quốc

Việt Tiến



Sáng ngày 14-12, hàng nghìn cán bộ, nhân dân và Tăng Ni, Phật tử khắp nơi đã về dự lễ khánh thành chùa Hộ Quốc – Phú Quốc.

Ngôi chùa tọa lạc tại ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang), được xây dựng trên một ngọn đồi cao, mặt hướng ra biển, với lối kiến trúc thời Lý – Trần, mái ngói, cột bằng gỗ lim.

Ngôi chùa nằm trong khu du lịch sinh thái có diện tích hơn 110 ha, trong đó diện tích xây dựng ngôi chùa chiếm khoảng 12%, còn lại là diện tích rừng phòng hộ. Vốn đầu tư xây dựng ngôi chùa và đường giao thông khoảng 100 tỷ đồng, riêng vốn xây dựng ngôi chùa là 80 tỷ đồng, tất cả đều từ nguồn vốn vận động.

Phát biểu tại lễ khánh thành, Bí thư huyện ủy Phú Quốc ông Văn Hà Phong cho biết, đây là một hoạt động nằm trong chuỗi sự kiện gắn với Lễ khánh thành sân bay quốc tế Phú Quốc và Hội nghị sơ kết Quyết định 178 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển tổng thể đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020" sẽ được tổ chức vào ngày 15-12.

"Ngôi chùa là trung tâm điểm nhấn của toàn khu du lịch sinh thái. Chùa sẽ là điểm đến của du khách mỗi khi đặt chân đến đảo Phú Quốc và sẽ trở thành sản phẩm đặc trưng của du lịch Phú Quốc" - ông Văn Hà Phong nhấn mạnh.■

Chùa Đại Lộc — Ấn Độ Dâng Y Kathina Đến Tặng Sinh Du Học Tại Ấn Độ



Chùa Đại Lộc tại thành phố Varanasi, tiểu bang Uttar Pradesh, nơi đức Phật Chuyển Pháp Luân, có dòng sông Hằng linh thiêng, Thượng tọa Tiến sĩ Tường Quang đã xây dựng ngôi chùa Việt Nam đầu tiên ở Tiểu bang này. Năm 2009 chùa Đại Lộc khởi công động thổ, hiện nay đã xây dựng Chánh điện, Tăng xá, Nhà khách, Tháp chuông, Pho tượng Thích Ca Chuyển pháp luân, chất liệu đá cao 13m, các hạng mục đã xây dựng khoảng 80%, dự kiến ngày 15 tháng 10 năm 2013 Quý Tỵ sẽ khánh thành.

Mặc dù chùa đang xây dựng nhưng 3 năm qua, Thượng tọa Tiến sĩ Tường Quang đã thỉnh 120 vị sư quốc tế thuộc các truyền thống Phật giáo đang học tại đại học Varanasi đến chùa Đại Lộc dự lễ dâng y Kathina và thọ tứ sự cúng dường của quý Phật tử Việt Nam. Năm nay, ngày 15 tháng 10 năm Nhâm Thìn, theo thông lệ hằng năm Đại đức Tiến sĩ Thiện Minh hướng dẫn 45 Tăng Ni và Phật tử hành hương, tham dự lễ dâng y Kathina và cúng dường tứ sự đến chư Tăng hiện đang du học.

Năm nay, ngày dâng y Kathina chùa Đại Lộc trùng với ngày cung nghinh Xá Lợi của Hội MahaBodhi society ở thành phố Varanasi, nhưng chư tăng cũng hoan hỷ đến tham dự lễ Kathina chùa Đại Lộc khoảng 110 vị. Các vị này đến từ Tích Lan, Miến Điện, Lào, Campuchia, Thái Lan, Tây Tạng, Phutan, Ấn Độ, Việt Nam, chư vị hiện đang du học tại đại học Varanasi. Trong buổi lễ, Đại đức Thiện

Minh điều dẫn chương trình, Thượng tọa Tường Quang thọ y Kathina, Đại đức Thiện Minh và Đại đức Chơn Minh cử hành lễ Tuyên ngôn Tăng sự, Phật tử Nguyễn Văn Hai làm kinh sư, Phật tử Diệu Thông đại diện chư Phật tử Việt Nam dâng bài tác bạch dâng y kathina đến đại chúng Tăng, cuối cùng, Thượng tọa Tường Quang cảm tạ. Tiếp theo, TT. Tường Quang hướng dẫn chư Phật tử nghi thức cúng dường tứ sự đến chư Tăng quốc tế. Tiếp đến có 3 khóa kinh: khóa kinh Nam tông, Tây tạng và Bắc tông chúc phúc đến chư Phật tử. Sau cùng là chụp ảnh lưu niệm và tất cả chư Tăng cùng Phật tử có buổi ngộ tự chọn tại chùa Đại Lộc do đầu bếp giỏi của Ấn Độ đảm trách.

Buổi lễ phát sanh là do tấm lòng trong sạch của Phật tử Việt Nam hoan hỷ cúng dường khoảng 12.000 USD, chi phí cho buổi lễ khoảng 11.000 USD, phần còn lại cúng vào quỹ xây dựng chùa Đại Lộc. Danh sách ủng hộ dâng y chùa Đại Lộc của quý vị đã đăng trong www.phatgiaonguyenthuy.com

Đại diện chùa Đại Lộc, xin ghi nhận công đức của Quý Hòa thượng, Quý Thượng tọa, Quý Đại đức, Tăng Ni và Quý Phật tử. Cầu nguyện Tam bảo gia hộ Quý vị thân tâm an lạc, luôn thuận may trong cuộc sống.

TM. Chùa Đại Lộc
Viện chủ - Trưởng ban Vận động
Đại đức Ts. Thiện Minh



Chùa Xá Lợi Phật Đài trao nhà Đại Đoàn Kết cho hộ cụ bà Trịnh Thị Mãi

Long Hồ



Tăng Ni và Phật tử chùa Xá Lợi Q.9, TP. HCM do Hòa thượng Thiện Nhân, Phó ban Thường trực Ban Đại diện Phật giáo Q.9 - Trụ trì chùa Xá Lợi Phật Đài làm trưởng đoàn đến thị trấn Chợ Vàm, tỉnh An Giang trao một căn nhà tình thương cho hộ bà Trịnh Thị Mãi. Được biết, năm nay cụ bà 82 tuổi. Gia đình nghèo, có hoàn cảnh khó khăn trong thị trấn, hàng ngày cụ sống nhờ cô con gái út bán vé số để nuôi bà và gia đình. Bà nhận quyết định do ông Ngô Thanh Trí Bí thư kiêm Chủ tịch thị trấn Chợ Vàm trao quyết định sở hữu căn nhà do đơn vị chùa Xá Lợi Phật Đài Q.9 tài trợ, bà không sao ngăn những dòng lệ và có vài lời cảm ơn chánh quyền cùng nhà tài trợ trong sự xúc động.

Trong buổi lễ, Bà Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Thị trấn điều khiển chương trình. Ông Phó Chủ tịch Mặt trận đọc quyết định trao căn nhà và Ông Ngô Thanh Trí trao quyết định, Hòa thượng Thiện Nhân đại diện Tăng Ni phát biểu cảm ơn chánh quyền đã tạo điều kiện cho bốn tự thực hiện công tác thiện sự tốt đời đẹp đạo.

Trong lễ bàn giao căn nhà Đại đoàn kết, Đại đức Thiện Minh Phó Tổng Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy, Gia đình Hòa thượng Thiện Nhân và Phật tử Nguyễn Thị Gái, Phật tử Anh trao quà và bao thư chúc mừng. Căn nhà Đại đoàn kết trị giá 32.000.000 đồng. Buổi lễ kết thúc trong niềm vui của mọi người. Phái đoàn được lãnh đạo thị trấn Chợ Vàm mời dùng cơm trưa tại cơ quan. ■

HT Thích Thiện Tâm dự Hội thảo khoa học về Đổi Mới Tư Duy Giáo Dục

PV



Tại TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa ngày 15/12, Tổng cục XDLL CAND phối hợp Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề "Đổi mới tư duy giáo dục theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI".

Đến dự hội thảo có Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Kiều - Chủ tịch Hội Khoa học Tâm lý Giáo dục Việt Nam, Chủ tịch danh dự - Giáo sư Phạm Minh Hạc; Tiến sĩ Phan Tùng Mậu - Phó Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam, Thiếu tướng Nguyễn Xuân Tư - Phó Tổng cục trưởng Tổng cục XDLL CAND, Chủ tịch Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục ngành Công an, Hòa thượng Thích Thiện Tâm - Phó Chủ tịch HĐTS-GHPGVN, Ủy viên BCHTW Hội Khoa học Tâm lý Giáo dục Việt Nam.

Với mục tiêu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI về "Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam", Chiến lược phát triển giáo dục đào tạo 2011 - 2020 của Chính phủ và triển khai thực hiện kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển giáo dục đào tạo, hội thảo tập trung chuyên sâu nhiều vấn đề đáng quan tâm như: Chấm dứt tư duy nửa vời, tiến tới tư duy khoa học - hành động hiệu quả; Đổi mới nhận thức và tư duy về giáo dục - đào tạo để đổi mới căn bản; Giải pháp giáo dục Việt Nam có thể phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Tư duy hành động thực tiễn trong đổi mới căn bản toàn diện giáo dục Việt Nam; Nhân tố con người trong hệ thống giáo dục; Triết lý giáo dục của Khổng Tử với giáo dục Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa; Bạo lực học đường - sự cảnh báo về thiên lệch trong giáo dục; Sự cần thiết của giáo dục kỹ năng sống cho học viên đào tạo sĩ quan trong thời kỳ hội nhập quốc tế; Tư duy về đề án "Đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam" theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI... ■

Thái Lan: Obama viếng ngôi chùa nổi tiếng

Anh Ngọc (VNE)

Wat Pho là điểm dừng chân đầu tiên của Tổng thống Mỹ Barack Obama khi đến Thái Lan, nơi ông bắt đầu chuyến công du châu Á dài 4 ngày.

Theo AP, ông Obama hôm qua đã đi thẳng từ sân bay đến chùa Wat Pho, một trong những điểm du lịch nổi tiếng nhất của Thái Lan. Sau đó, tổng thống Mỹ diện kiến nhà vua và gặp thủ tướng Thái Lan.

Tuân thủ theo lễ nghi truyền thống, ông Obama cũng cởi giày khi bước vào những khu vực linh thiêng. Một nhà sư dẫn ông và Ngoại trưởng Hillary Clinton dạo quanh ngôi chùa uy nghi có từ thế kỷ XVIII này.

Điểm thu hút chính của Wat Pho là bức tượng Phật nằm chống tay khổng lồ có chiều dài 46 m và chiều cao 15 m, tương đương một nửa chiều dài của sân bóng đá. Bức tượng được làm từ gạch, thạch cao, phủ một lớp vàng lá bên ngoài và khảm ngọc ở chân.

Tất cả các con đường dẫn đến chùa Wat Pho và những điểm đến khác của tổng thống Mỹ đều bị chặn để tránh cảnh tắc đường và đảm bảo an ninh. Các khách du lịch đến tham quan chùa đều bị giữ cách xa chiếc Cadillac bọc thép của ông Obama hàng trăm mét.

Tuy nhiên, những người đã chờ cả tiếng đồng hồ tại chùa để được thoáng nhìn thấy ông Obama cuối cùng cũng cảm thấy được thỏa mãn phần nào khi ông vẫy tay chào mọi người từ băng ghế sau của xe. Chiếc xe chậm chậm tiến qua đám đông nồng nhiệt, thẳng đến cung điện hoàng gia để tổng thống Mỹ diện kiến Quốc vương 84 tuổi Bhumibol Adulyadej.

"Vâng! Tôi đã nhìn thấy ông ấy! Ông ấy đã vẫy chào chúng tôi", một khách du lịch Mỹ 72 tuổi đi cùng chị gái 74 tuổi phấn khởi nói. Họ lưu lại tại bãi biển Pattaya cách Bangkok hai giờ xe nhưng hôm nay quyết định về thủ đô để được tận mắt nhìn thấy ông Obama. "Tôi rất sung sướng vì ông ấy thẳng cử. Khi chúng tôi nghe tin ông ấy sắp sang

Thái Lan, chúng tôi quyết định phải đến đây", du khách này nói.

Pradab Supradit, một người Thái 67 tuổi cho rằng "Thật ý nghĩa khi ông Obama đến thẳng chùa Wat Pho". Bà Supradit đã bắt một chuyến xe buýt, một chuyến phà và sau đó đi bộ qua những con đường đã bị chặn vì lý do an ninh với hy vọng được một lần nhìn thấy tổng thống Mỹ hoặc chỉ là đoàn xe hộ tống ông.

"Ngôi chùa sẽ mang lại phước lành cho ông ấy vì đây là trung tâm của những trái tim người dân Thái Lan", bà nói. "Tôi muốn tận mắt nhìn thấy ông ấy. Tôi yêu quý Obama vì uy tín và nhân cách của ông ấy. Ông ấy là một lãnh đạo thông minh. Tôi thích cách ông ấy nói chuyện".

Kết thúc chuyến thăm Thái Lan một ngày, sau đó Tổng thống Obama tới Myanmar. Đây được đánh giá là điểm dừng chân lịch sử trong chuyến công du đầu tiên của ông kể từ khi tái đắc cử. Sau Myanmar, ông sẽ sang Campuchia dự Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS). ■



Tổng thống Obama và Ngoại trưởng Hillary Clinton dạo quanh chùa Wat Pho





WE CARE about
your CARGO



Cty TNHH-TM GIAO NHẬN VẬN TẢI ĐẠI SƠN (Phật tử NAM LOAN - Tp. HCM)
Vila B 04 - Phan Thúc Duyệt, P. 04, Q. Tân Bình, Tp. HCM
ĐT: (84) 8 3848 8598 Fax: 08 3842 6739 www.daisonforwarding.com



ẢI QUỐC

www.aiquocvn.com

CHUYÊN MAY ĐỒNG PHỤC THỜI TRANG

- * Đồng phục công sở
- * Đồng phục văn phòng
- * Đồng phục bảo vệ - BH lao động
- * Đồng phục nhà hàng - Khách sạn
- * Đồng phục thể dục - Thể thao
- * Đồng phục học sinh - Sinh viên
- * Đồng phục bán hàng
- * Đồng phục nhóm, lớp, tập thể
- * Áo thun quảng cáo, khuyến mãi, cổ động
- * Đồ đầm, Veston, Áo dài

Cho thuê: **ÁO DÀI ĐỒNG PHỤC - ÁO DÀI BỤNG QUẢ - ÁO DÀI CUỐI**
ĐC: 778/21 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - Q. Phú Nhuận - TP.HCM



CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SX TM DV XNK
MINH PHƯỚC

1246/2/2 TL 10, Kp.5, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân, TpHCM
ĐT: (08) 22428608 - (08) 22428609 - Fax: (08) 37540872
E-mail: director@minhphucchem.com
Website: http://www.minhphucchem.com

Giám đốc

PHAN HÙNG DŨNG
0908004285

HÓA CHẤT - NHỰA CÁC LOẠI PHỤC VỤ CHO NGÀNH BAO BÌ

Showroom DIỆU PHƯỚC

CHUYÊN :

- Thiết kế và cung cấp các loại vải ,rèm cửa cao cấp cho nhà hàng ,khách sạn văn phòng ,tư gia
- Nhận may màn cửa theo Cataloge
- Đặc biệt : chuyên phân phối màn điện khiển từ xa

635 Điện Biên phủ ,P.1 ,Q.3,TP.HCM Tel : 08.3833.0631 - 08.2211.3348 Mobile : 0944.596979
Email : remhongphuc@yahoo.com.vn Website : www.remhongphuc.com

Danh Sách Ủng Hộ Tạp Chí PGNT Số 26

01	Thích Ca Phật Đài	100 quyển
02	Lý Thanh Phong	10 quyển
03	Trần Lê Khanh	10 quyển
04	Hoàng Thị Phương	05 quyển
05	Huệ Hương	05 quyển
06	Bs. Phạm Lê An	50 quyển
07	Như Quang	05 quyển
08	Châu Thị Minh Trang	25 quyển
09	Trần Vũ Gia Phúc	10 quyển
10	Nguyễn Thị Lan Anh, Pd. Bạch Liên	25 quyển
11	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
12	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
13	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
14	GĐ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
15	GĐ TN Quang Lộc - Hà Thế Hưng	100 quyển
16	Đạo tràng Giác Bảo Hoa	100 quyển

17	PT Thiên viện Bồ Đề - Vũng Tàu	100 quyển
18	GĐ Nguyễn Minh Thành	10 quyển
19	Cô Mai	10 quyển
20	Cô Mười Trang	10 quyển
21	GĐ TN Quang Loan	10 quyển
22	Quang Nhiên	05 quyển
23	GĐ Đăng Phước	05 quyển
24	GĐ TN Quang Ngử	05 quyển
25	Chú Hội cô Lài	30 quyển
26	GĐ Trí Thọ	25 quyển
27	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
28	GĐ Đỗ Đăng	10 quyển
29	Huỳnh Thị Thanh Hiền	25 quyển
30	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
31	GĐ cô Nhung	05 quyển
32	PT chùa Bửu Quang, Q. Thủ Đức	100 quyển

giá: 20.000 đồng